

# NEUROTONIC

CORNELL  
UNIVERSITY  
FEB 10 1971  
LIBRARY

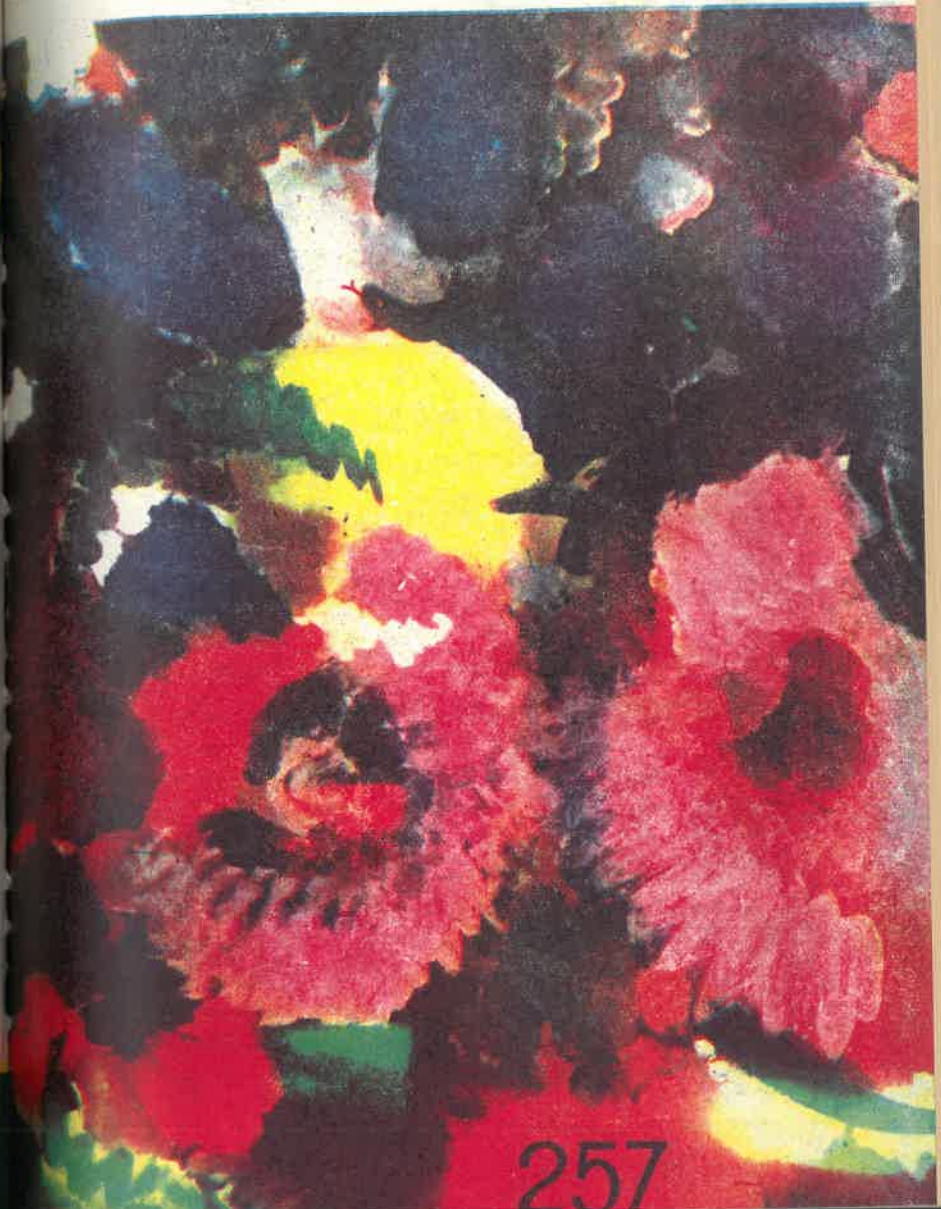
\* BỒ BỔ OC  
● TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ  
▶ BẢO VỆ SINH LỰC

Công hiệu như Thần

103071  
P95  
6P57

# Ổ THÔNG

Sám đốc. Chiu bút : Nguyễn. Vũ



257

# PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM  
HO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

*Giám-đọc, Chủ bút ; Nguyễn-Vũ*

Đã-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

**Năm thứ XIII — số 257 — 1-12-1970**

|                                    |                          |         |
|------------------------------------|--------------------------|---------|
| 1 — Chiến dịch một lon gạo         |                          |         |
| Thăng Bờm                          | <i>Phổ-Thông</i>         | 5 — 10  |
| 2 — S ty thơ (thơ)                 | <i>Hoài-Thi</i>          | 11      |
| 3 — Con chuột xạ                   | <i>Trần-đình-Thái</i>    | 12 — 17 |
| 4 — Ăn cắp...                      | <i>Chu-minh-Thụy</i>     | 18 — 24 |
| 5 — Thế này mới hạ được quan cũ    |                          |         |
| quan nghề                          | <i>Thái-Bạch</i>         | 25 — 27 |
| 6 — Thú chơi kiếng                 | <i>Tân-Nhân</i>          | 28 — 37 |
| 7 — Mơ hồ (thơ)                    | <i>Hàn-viên-Tấn</i>      | 33      |
| 8 — Con ác mộng                    | <i>Nguyễn-Hòa</i>        | 39 — 41 |
| 9 — Giữ ngựa tuy hèn cũng chúa tôi | <i>Ng-bá-Thế</i>         | 42 — 44 |
| 10 — Lá khô tre                    | <i>Đặng-Cầm</i>          | 45 — 47 |
| 11 — Các trận đánh phái bộ         | <i>Phạm-văn-Son</i>      | 48 — 52 |
| 12 — Hấn (thơ)                     | <i>Võ-văn-Son</i>        | 53 — 54 |
| 13 — Mua sắm                       | <i>Đào-Thị-Ngọc-Điệp</i> | 55 — 60 |
| 14 — Bóng sen                      | <i>Đông-Tùng</i>         | 61 — 76 |

|                             |                 |     |       |
|-----------------------------|-----------------|-----|-------|
| 15 — Mến tặng Nguyễn Vỹ     | Tương-Phổ       | 77  |       |
| 16 — Thử nhìn vào sinh hoạt | Phương-Đài      | 78  | — 91  |
| 17 — Cây dừa 4 ngọn         | Doãn-Lê         | 92  | — 93  |
| 18 — Chiếc vòng cứu mệnh    | Mạch-Quế-Hương  | 94  | — 99  |
| 19 — Alexandre Soljenitsyen | Vũ-minh-Thiều   | 100 | — 114 |
| 20 — Tam ngu tế phụ văn     | Nguyễn-quang-Tô | 115 | — 121 |
| 21 — S O S (thơ)            | Võ-hanh-Sơn     | 122 |       |
| 22 — Hồ xuân hương          | Nguyễn-Vỹ       | 123 | — 125 |

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỒ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỒ-THÔNG**, printed in Việt Nam.



Kết quả đáng khuyến khích của

*chiến - dịch*

## MỘT LON GẠO THẮNG BỜM

CỨU TRỢ ĐỒNG BẢO ĐÓI RÉT VÌ NẠN  
LỤT MIỀN TRUNG.

ĐO Tạp-chí **PHỒ-THÔNG** và Tuần-báo **THẮNG BỜM** khởi xướng, và *Sinh-Viên Học-Sinh Thi-văn-Đoàn Thăng Bờm* được ủy nhiệm phụ trách, **Chiến-dịch Một Lon Gạo Thăng Bờm** trong Đô-thành Sài-gòn. Chợt lớn đã thu hoạch được một kết quả sơ khởi vượt quá xa sự mong ước của anh chị em chúng tôi. Chỉ một ngày chủ nhật 22-11-1970, đoàn **Chiến-dịch** đã đem về Văn-phòng được **1.270 Kí-lô gạo**, đựng dồn lại thành 11 bao bố tạ mỗi bao trên 100 kí, và **8 bao bố lớn áo quần, mũ, giày dép, y-dược**, cho đàn ông, đàn bà, em trẻ.

Khởi hành từ Trụ-sở Tạp-chí **Phồ-Thông** và Báo **Thăng Bờm**, 233 Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn, 30 anh chị em Sinh viên **Học**

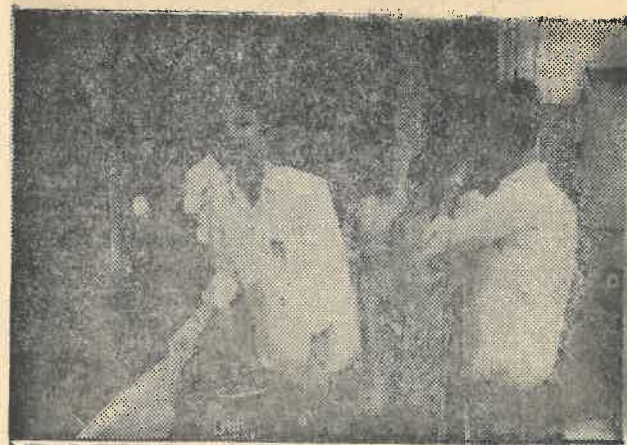


*Gạo Đồng bào, được chở lên xe lam...*

sinh trong Ban Đại diện Thi-văn-đoàn Thăng Bờm, đeo phù hiệu Thăng Bờm trước ngực, nét mặt vui cười hơn hở, chia làm 3 toán, toán A (12 người) toán B (12 người) toán C (6 người) do 3 Toán trưởng hướng dẫn, chia nhau đi 3 khu phố.

Đi xin mỗi nhà chỉ **MỘT LON GẠO** trong trung thời, chứ không dám xin nhiều, và một ít áo quần cũ.

Nhưng Đồng-bào Thành-phố niềm nở tiếp đón chúng tôi, đến đâu không phải 1 lon gạo, mà 5 lít, 10 lít, 20 lít, nửa bao, hoặc nguyên cả một tạ gạo. Nhiều nhà hào tâm cho chúng tôi tiền, từ 500 đến 5000đ, nhưng chúng tôi tuyệt nhiên không nhận, vì chúng tôi chỉ đi xin GẠO và quần áo cũ mà thôi. **Thăng Bờm** sẽ chấm dứt vào ngày 15-12.

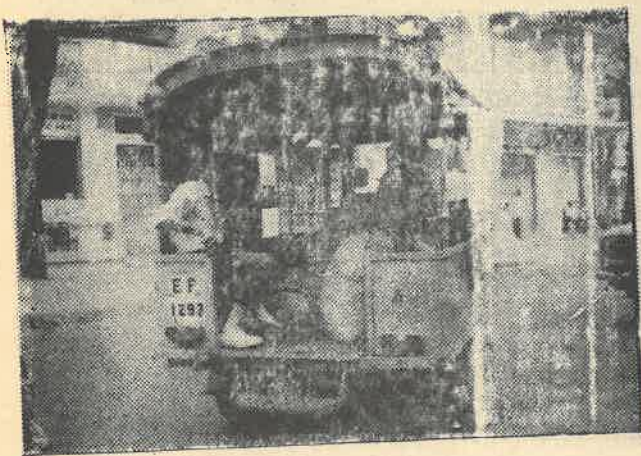


*Nam Nữ Sinh Viên Thi-Văn-Đoàn Thăng Bờm ( toán A ) vào nhà Đồng bào xin một lon gạo*

Nói là quần áo cũ, nhưng quý Bà, quý Ông, và các em lấy ra cho chúng tôi toàn là quần-áo tốt lành, sạch sẽ, từ những chiếc áo sơ-mi popeline mới ủi trắng bóc, cho đến các quần lành, quần satin, quần tây, áo len, đủ các loại áo đàn bà, đàn ông, con nít có cả những chiếc mini-jupes đắt tiền. đủ các modes thời trang.

Đoàn Sinh Viên Học Sinh Thi-Văn-Đoàn Thăng Bờm Đô thành chỉ mới đi từ 8 giờ sáng đến 12 giờ trưa, và từ 3 đến 5 giờ chiều và chỉ mấy đường phố Quận Nhi, mà đã thu góp được số tặng phẩm rất lớn lao không ngờ như đã ghi trên đây.

Chúng tôi thật vui mừng phấn khởi thấy các vị Hảo-tâm Đò-thành rất sốt sắng hưởng ứng **Chiến dịch Một Lon Gạo Thăng Bờm**, tỏ ra lòng tru ái thiết tha của quý vị đối với Đồng bào rui ro bị tai nạn bão lụt kinh khủng ở miền Trung.



*Gạo chở lên xe lam đem về Văn Phòng*

Đồng thời chúng tôi rất cảm động được Đ. i Phát thanh Quốc-gia, Đài Tiếng Nói Quân Đội, nhiều Nhật-báo lớn, và Đại-Tá Đô-trưởng, nhiệt-liệt ủng hộ Chiến-dịch **Một Lon Gạo Thăng Bờm** của Thi-văn-Đoàn Thăng Bờm Đô-thành Sài-gòn-Chợ-lớn.

Bác Chủ - nhiệm cũng đã xin phép cho Ban Đại - diện Sinh viên Học sinh Thi-văn Đoàn Thăng Bờm tỉnh Gia-Định đặc trách Chiến dịch **Một Lon Gạo Thăng Bờm** ở tỉnh Gia-định, với sự yểm trợ sốt sắng của vị chủ tịch và quý vị Hội-Đồng tỉnh và Tòa Hành Chánh tỉnh Gia Định. Chúng tôi sẽ tuyên bố kết quả chiến dịch này trong một số báo sau.

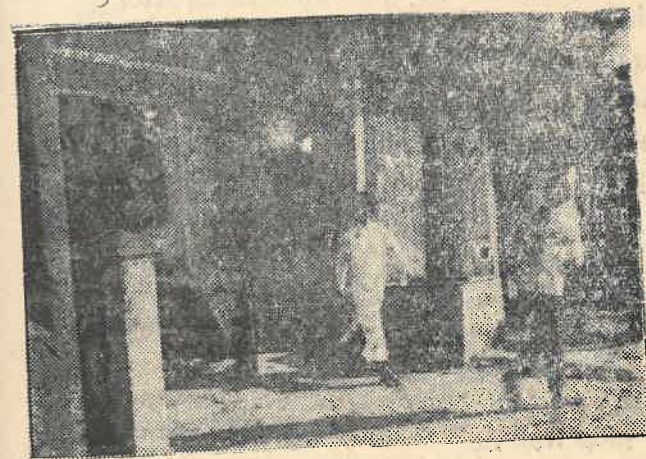
Một cảnh tượng cảm động hơn nữa là hằng ngày các em Thanh Thiếu Nhi Thăng Bờm ở khắp Đô thành Sài-gòn — Chợ-lớn, thân hành đem đến Văn - phòng

em thì một lon gạo, em thì 2 lon, 10 lon, ... đựng trong bọc nylon, hoặc trong gói nhứt trình, và vô số những gói quần áo, mũ, giày dép, để góp phần của các em cứu trợ Thanh Thiếu-Nhi và đồng bào bị nạn lụt miền Trung. Quyền sổ vàng đặt tại Văn-phòng đã chép tên và địa chỉ các nhà hảo tâm trẻ em và người lớn, đặc cả mấy trang giấy.

Anh chị em Sinh viên Học sinh thường trực trong các Ban Thi - Văn - đoàn Thăng Bờm thay phiên nhau đếm từng chiếc quần chiếc áo, sắp hết vô bao, và dồn gạo vào các bao tạ, chổng chất gọn gàng, có thứ tự, dầy chặt cả Văn-phòng.

Công việc làm khá mệt nhọc, nhưng rất hăng say, hào hứng, vì là một việc nghĩa.

Theo chương trình Bác Chủ-Nhiệm đã hoạch định, Chiến-dịch **Một Lon Gạo**



*Thăng Bờm vác gạo lên vai, đi sau là bạn đồng To. 40*

1970. Xong rồi, một phái đoàn Học sinh Sinh Viên Thi-văn Đoàn Thăng Bờm Đô-thành và Gia Định sẽ chở tất cả gạo, quần áo, và tặng phẩm dưới sự hướng dẫn của bác chủ nhiệm, ra Huế, Đà-nẵng, Quảng Tín, Quảng Ngãi, đến tận chỗ và trao tận tay các gia đình đói, rét, đang khốn đốn, đau thương.

Công tác đi cứu trợ này sẽ thực hiện vào khoảng Noel.

Chúng tôi thiết tha mong rằng chừng đó Phủ Quốc - Vụ - Khanh B.S Phan-quang-Đán, Quân Đội, và Hãng Hàng Không Việt Nam sẵn lòng giúp chúng tôi những phương tiện chuyên chở để chúng tôi hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ cứu trợ, dù được một phần hết sức nhỏ mọn, các em Thanh Thiếu Nhi và đồng bào 4 tỉnh miền Trung đang sống dở chết dở trong cảnh đói rét, lầm than, khốn khổ...

#### VĂN PHÒNG

Chiến Dịch Một Lon Gạo Thăng Bờm  
Ban Đại-diện Thi-Văn-Đoàn Thăng  
Bờm Đô-Thành

233 Phạm Ngũ Lão, Saigon II.

● Số sau : Quyền Sỡ.Vàng các nhà hảo tâm giúp Nạn Lụt.

## SAY THƠ

★

Hãy bước đến hỏi nàng thơ Kiều-diễm  
Sao vẫn lạnh lùng, hờ hững, cao-xa  
Đâu những lời vàng ngọc rất thiết tha  
Của một thuở ban đầu tươi đẹp ấy !  
Hãy diu tôi vào lầu thơ lộng lẫy !  
Và ru tôi bằng âm hưởng ngọt ngào  
Cho môi hồng hé nở nụ xanh cao  
Cho mắt ngọc thôi dỗi hờn ủy mị  
Hãy bước đến hỏi tâm hồn Thi-Sĩ  
Không gian này thăm thẳm một trời thơ  
Vi hôm nay cuộc sống rất hư vô  
Thì vũ trụ chỉ còn Thơ với Mộng  
Thơ hòa điệu giữa trời cao biển rộng  
Sẽ ngấm-nga muôn tơ nhạc tuyệt vời  
Để tâm hồn rung cảm điệu chơi vui  
Thơ diễm mộng, hãy diu tôi bước đến

Đêm cư xá, 08-10-70

HOÀI-THI

(Cam-Rank)

# CON CHUỘT XẠ TRONG KHU RỪNG CÁT

## ★ TRẦN ĐÌNH THÁI

**L**Ệ tát yêu vào mặt Hội một phát, rồi hai tay nắm lấy tai Hội dẫn đầu Hội ra phía sau :

— Đ. má nhà anh chứ anh chừng này tuổi mà chưa vợ à ? Hội nhăn nhó :

— Anh nói danh dự với em đó.

— Anh có danh dự không cái đã chứ ?

— Với địa vị của anh anh nói với Lệ sao ? Đồng ý với anh, Lệ nhé ? Anh thuê nhà ở Rạch mít cho em ở nhé ? Rồi trưa chiều anh lái xe ra đưa em đi Bãi-trước, Bãi-

sau... anh bảo đảm với em mà.

Lệ núng nịu, vuốt ve Hội :

— Em sợ lắm.

Hội cúi xuống hôn ót Lệ, Hội nói khẽ với Lệ bằng giọng run run thật cảm động :

— Em đừng lo. Thằng nào lảng cháng là anh bắt bẻ đầu nó ra. Thằng nào nói vào nói ra là anh trừ nó ngọc đầu ngàn năm không lên, hoặc là anh cấm trại nó rục xương.

Hai cách tay Lệ ôm chặt lấy Hội :

— Anh nói gì mà em ghê dữ vậy ? Xuống dưới đờ đờ em có con đi làm nữa không ?

— Có chứ Em cứ tiếp tục đi làm. Em chỉ đi làm ban ngày, ban đêm em ở nhà với anh.

Hai người đang bàn tính với nhau thì bên ngoài tấm tôn có tiếng đàn bà gọi vào :

— Lệ ơi, mau lên con, khách người ta chờ. Mới sáng mà con gặp mỗi lâu quá thế chết cha đời con rồi :

Hội vội vã đẩy Lệ ra :

— Thôi anh về đờ em tiếp khách. Khi nào em cần gặp anh em xuống công I gọi anh

Lệ vui vẻ :

— Thôi anh cứ ở đây với em. Đờ em nói với chị Tư là anh đã bao em cả buổi này rồi.

Hội quán quít vồn vã sẵn sóc đón Lệ như cậu học trò bằng bột trong tuổi đời mới lớn :

— Lệ em yêu anh không hả Lệ ? Em đẹp quá. Anh yêu em

rất nhiều. Hôm đi ngoại quốc anh nhớ em ghê vậy.

Lệ hơi dầy nẩy :

— Cái anh này kỳ quá. Yêu, yêu cái cóc khô gì ? Em nhàm chán cái giọng âu yếm của đàn ông quá rồi.

Hội vội bịt miệng Lệ :

— Em nói nhỏ vậy thôi, chứ mấy người họ ngồi đợi ở ngoài họ nghe kỳ chết. Anh lạy em đó Lệ. Ngừng một lát chữa thẹn Hội lái qua một hướng khác :

— À, anh quên em ăn điềm tâm chưa hả Lệ ?

— Chưa, thì khi sáng mới mở mắt ra thì anh vô tới giờ.

— Hay là anh đưa em đi ăn điềm tâm cái đã. Anh có xe jeep ở ngoài công

— Ờ phải đó anh, anh mặc đồ vào đi. Cấm trại mà anh đi chơi cả buổi không ai nói gì anh à ?

— Dờn hoài vậy em. Cấm là cấm ba thằng nhóc con chứ cấm cả anh nữa thì còn thế

không gì? Anh có quyền ký cả giấy phép xuất trại cho thuộc cấp nữa kia mà.

— Quyền thế quá, mà chi ghê hả?

Hội mở cửa chiếc xe Jeep màu xanh mang số T.000... mới Lê bước lên ngồi chễm trệ ra điều thạo ngồi xe Jeep lắm. Chiếc xe rồ máy từ từ tiến về phía chợ.

Nhiều chiếc xe ngựa cõ xua chạy lạch cạch ven đường. Trên xe có người lính Mỹ và cô gái Việt son phấn diêm đúa và một ông lão hay một đứa trẻ cầm cương ngựa.

Nhìn những chiếc xe ngựa bắt giác Lê nhớ đến quê một cách lạ lùng. Làng của Lê nhà nào cũng nuôi một vài con ngựa để kéo xe. Nhà Lê cũng có nuôi mấy con ngựa thật tốt. Hồi còn ở quê những ngày đi cắt cỏ cho ngựa là những kỷ niệm êm đềm nhất trong tuổi thơ của Lê. Nhưng những ngày xưa đó nay còn đâu nữa?

Lê khẽ nói với Hội:

— Nhìn xe ngựa em nhớ

quê lạ lùng.

— Quê em cũng nuôi ngựa à?

— Có chứ, nhiều nữa à. Quê em ở PL mà.

— Thế à? Anh cũng ở PL mà sao anh không biết em?

— Thế nhà anh chỗ nào?

— Chỗ bến xe ngựa đó.

— Thế anh con ông trùm ngựa chứ gì?

— Đó, đúng đó.

— Sao anh không ở nhà nối nghiệp cha mà anh đi như thế này?

— Thời thế tạo con người mà em. Trời mở miệng mở mồm cho mình mà mình không nói thì uổng quá.

Hai người vừa đi vừa nói chuyện phớt phớt đã đến nơi.

Hội dừng xe trước cửa tiệm phở Hòa-Bình. Hai người vào ngồi một chỗ khuất. Cửa tiệm cũng đã hơi thưa khách.

Hội giới thiệu với Lê:

— Đây là cửa tiệm của đàn em út. Ngon lắm. Em dùng bún bò giò heo hay phở?

— Anh dùng thứ gì thì em dùng thứ đó cho tiện,

Hội quay ra phía sau gọi:

— Phát ơi.

Phát từ dưới sau bếp chạy lên:

— «Anh», dạ «anh» dùng gì ạ?

— Hai bún bò giò heo, hai 33.

Một lát Hội tiếp:

— Bữa nay «toa» ở nhà hả?

Phát khúm núm:

— Dạ, «anh» thông cảm chứ nhà buôn bán mà đơn chiếc quá, Hội có vẽ hao hoa phong nhã:

— Ồ, «moa» thông cảm quá tình trạng của «toa». Khi nào «toa» cần cứ cho «moa» biết.

— Dạ, cũng nhờ «anh».

Khi Phát quay xuống bếp

nói vợ làm bún thì Hội nói với Lê:

— Anh thì đũa nào nó cũng thương anh cả, Anh thật cở mở và nhất là có tinh thần công bằng, hiểu biết với anh em vì vậy mà đũa nào nó cũng thương.

Phát đem hai chai 33, hai tô bún cho Hội và Lê, xong Phát kéo ghế ngồi nói chuyện với Hội.

— Lâu nay anh có lại đánh chẵn ở nhà thằng Đạt hay không? Tôi thì từ hôm đó đến nay sợ luôn.

— Ồ, đêm nào mà «moa» khỏi. Có đêm chơi tới sáng. Nhiều lúc phải mượn tiền thằng Đạt, thằng Tuyển để gỡ lại. Thua cả trăm ngàn rồi đó.

Phát chỉ mím cười.

Khi hai người ăn uống xong đứng dậy ra về, Hội nói với Lê:

— Anh chịu bún bò quán này. Nước xúp đã nhiều lại nhiều thịt.



— Sao đi với anh họ bán nhiều như thế này chứ mấy kỳ em đi với chị Tư họ bán có chút xíu thật trông phát ghét,

★

Buổi chiều bệnh xá Lê-Sơn nóng nực, bệnh nhân ngồi hai dãy ghế dài chờ tới phiên mình vào khám.

Nhân viên bệnh xá và người Bác-sĩ ngồi quay quần xung quanh chiếc Radio trong tư thế chờ đợi. Chiếc Radio thân nhiên hát. Họ vẫn thân nhiên cười đôn.

Tiếng thằng hề vang ra từ chiếc Radio :

— « Nhỏ mà không học lớn làm Đại-Ủy »

Người đàn ông trong bọn phê bình :

Không-tử thì dạy nhỏ mà không học lớn chẳng làm được gì, còn thằng hề thì dạy ngược lại là nhỏ mà không học lớn làm Đại-Ủy bộ nó muốn đặt lại một triết lý giáo dục sao ? Hèn chi bọn nhỏ ngày nay chẳng chịu học hành chi cả.

Lại có tiếng xen vào ;

— Mấy năm nay nghe hát hoài một bực Đại-Ủy, phải cho người ta lên Thiếu tá với

chứ. Bây giờ phải hát là « Nhỏ không học lớn làm Thiếu-Tám. Chứ cứ nằm mãi ở Đại-Ủy ? »

Cả bọn cười khìkhì. Bọn họ hình như không chú ý tới đám bệnh nhân đang chờ. Họ dồn hết chú ý vào chiếc Radio sắp đến giờ xỏ số. Có lẽ bây giờ ở đâu cũng vậy mỗi chiều thứ ba là họ lơ là làm việc mà chú tâm vào xỏ số đề theo dõi số đầu, số đuôi. Trước giờ xỏ số họ bàn tán về chiêm bao, điềm đê họ cả quyết là sẽ ra số nào. Sáu giờ xỏ số người nào trúng thì tha hồ nói đốc. Người nào trật thì buồn bã suốt cả buổi chiều.

Nơi dãy ghế đợi hàng đầu Hội ngồi rên hu hu. Đạp an ủi đàn anh :

— Sợ sợ anh về mua Pénicilline cliché là hết liền chứ khám khúng gì ngồi chờ cho mệt.

Hội nhân nhỏ lắc đầu :

— « Moa » tiêm nhiều lắm rồi « toa » ơi. Loại 1.5000.000 nữa đó. Thật ai đâu có ngờ như thế này !

PHỒ-THÔNG — 257

— Bà xã có nói gì không anh ?

— Về Sài Gòn rồi. Cũng may.

— Tại anh ham con Lẹ quá mà ?

— Đâu có « Moa » có 3 đứa nhỏ rồi, Gạo, sữa đường.. giấy mực, tiền thầy... đắt quá không thể nuôi nổi nên phải tìm cách hạn chế. Sợ không có tiền mua sữa cho con thì bây giờ phải tiền mua Pénicilline. Thật khổ quá.

Mấy người ngồi xung quanh mỉm cười tỏ ý sang sè nổi chua xót của Hội qua câu nói.

Ở dãy ghế sau cùng Hỷ hỏi Điệp :

— Mày mập như con heo mà đau gì cũng đi khám bệnh ?

Điệp cúi xuống nói rất khẽ :

— Đề có có ra Bru-Điện lạnh tiền. Kẹt quá mà xin xuất trại nó không cho.

— Tại mày không biết ngõ xin, chứ thằng Phát, thằng Đạp cắm trại mấy nó cũng đi như điên. Nó xin sao mà ông

Hội ký cho nó hết giấy này tới giấy khác. Giới thật.

Điệp biểu môi :

— Giới mẹ gì. Đồ cường mạnh nó vẫn còn mạnh.

Hỷ dẫn mặt Điệp ?

— A, mày nói thế hả ? Ông ngồi ở dãy ghế đầu kia tao lên hỏi ông nhé ?

Điệp bất cần :

Tao tặc sợ thằng nhỏ. Tao chỉ sợ thằng nào không thổi nát. Còn ngoài ra thì « xa va-tú ». Đó mày cứ lên tàu đi đề kiểm giấy xuất trại đêm.

Hỷ cười hi hi ra điều xóa bỏ hận thù :

Cha mày. Ở nghe nói ông Hội sắp đi làm gì đó hả mày ? Điệp vẫn như bất cần.

— Có liên quan gì tới tao đâu mà tao đề ý. Đ. má nó, tài cán, đức độ cỡ đó mà càng làm lớn thì càng mau mất nước chứ được cái mẹ gì. ời ! Cái quê hương điều tàn này !

TRẦN-ĐÌNH-THÁI

PHỒ-THÔNG — 257

17

# ĂN CẤP... URANIUM

## \* CHU MINH THUY

**H**IỆN nay, trên thế giới có khoảng 100 chuyên viên làm việc cho Cơ quan Quốc-lễ và Nguyên tử năng (thuộc tổ chức Liên hiệp quốc) đặt trụ sở tại Vienne.

Trong số đó, vài mươi người hiện ở Mỹ, dưới quyền điều khiển của một sĩ quan cấp tướng. Số còn lại (54) ở rải rác nơi nhiều nước khác.

Độ mười năm nữa, con số 100 người đó có thể tăng lên gấp đôi gấp ba, nhưng việc tuyển dụng có phần khó khăn, bởi họ là chuyên viên của một ngành hết sức nguy hiểm và mới mẻ.

Người ta tạm gọi họ — vì chưa tìm được danh từ chính xác hơn — là những ông «thanh tra plutonium và uranium». Nhiệm vụ của họ là khám phá,

canh giữ, ngăn cản các cuộc di tản lên lút chất plutonium và uranium «được tăng cường» (*enrichi*) Uranium không phải là một kim loại mới mẻ. Nó được khám phá vào năm 1789, đoạn cô lập năm 1841. Nhưng mãi tới 1940, người ta mới thấy tầm quan trọng của các mỏ uranium, tối cần thiết cho nguyên tử năng, vừa được cường quốc khai thác.

Các cuộc nghiên cứu của Hahn (ở Đức) và Foliot — Curie (ở Paris) vào những năm 1936-37 chứng tỏ trong uranium có một nguyên tố vô cùng phức tạp, một thứ gì đó mà khi gặp các phân tử mênh danh trung hòa tử, sẽ phát ra một năng lượng to tát.

Khi Roosevelt, tổng thống Mỹ, ra lệnh đẩy mạnh các công cuộc nghiên cứu trên bình diện quân

sự — bom nguyên tử là một trong những mục tiêu vào lúc đó — thì người ta thấy cần phải tìm cho được một số lượng nguyên liệu, tức Uranium. Viên chức của chánh phủ lãnh nhiệm vụ mua thứ khoáng chất quý giá ấy không tìm đâu ra người bán, vì... không có ai bán cả! Tình cờ, ông ta tìm được manh mối dẫn tới một văn phòng nhỏ ở Neu York, của đại diện một công ty Bỉ chuyên rút chất radium (dùng trong địa hạt y khoa) từ khoáng sản. Và hàng ngàn tấn đất chứa uranium, sau khi được công ty rút radium ra rồi, được đổ bỏ quanh các

mỏ những thứ cặn bã vô giá trị. Nơi ấy thuộc miền Bắc katanga, trong xứ Congo thuộc Bỉ. Lúc ấy Bỉ bị Đức chiếm đóng, nhưng Congo ở tận Phi châu. Viên chức đó giữ kín mục đích và đề nghị với vị đại diện mua tất cả số đất đó, với giá chỉ bằng 1 phần ngàn số tiền ông ta có quyền đề nghị. Ngược lại, vị đại diện kia cũng vô cùng vui sướng vì đã trả hồi một mỏ đất chẳng ai thèm rớ tới.

Tình thế thay đổi. Ngày nay, uranium kim khí được chiết ra khá nhiều: 10 tới 30 ngàn tấn mỗi năm. Số lượng này có phần

giảm cho tới 1965, đoạn tăng trở lại; nhất là trong khoảng 8 tới 10 đôla. Giá uranium vào khoảng 8 tới 10 đô la mỗi kí lô hiện nay, nghĩa là khá rẻ, chỉ bằng 1/133 giá vàng. Vì vậy, cho tới nay, không có gì rắc rối, bởi uranium được đặt dưới sự kiểm soát ngay từ khi đào dưới lòng đất lên. Mặc dầu người ta biết rõ số lượng, nhưng cũng có một số được đưa đi lén lút qua các quốc gia trên thế giới, bằng đủ phương tiện, giống như các thứ ma túy.

Nhưng khi đề cập tới uranium «nguyên tử hóa», tức đề dùng trong pin nguyên tử, và nhất là loại đã dùng rồi, thì vấn đề trở nên khác hẳn. Tại sao loại này lại quý và mắc?

Uranium 235 (thứ có thể phá vỡ) chỉ hiện diện trong uranium kim khí thiên nhiên theo tỷ lệ 0, 72%. Thành phần còn lại (99, 28% là thứ 238. Chánh thứ 235 tạo ra năng lượng nguyên tử khi bị phá vỡ. Vì vậy, người ta tìm cách làm sao cho tỷ lệ của 235 tăng thêm, bằng các phương pháp mênh danh «tăng cường» (nọc: hơi nổ) có thể nâng cao từ 1 tới 5%. Thiệt ra, về mặt kỹ thuật, rất khó mà thay đổi

thành phần đồng vị trong uranium thiên nhiên, nên giá của loại được tăng cường rất cao. Chẳng hạn 1 kg uranium được tăng cường 4% mắc gấp 8 tới 10 lần 1 kg vàng. Uranium 238, khi được đặt trong máy phát nhiệt nguyên tử, một số lượng sẽ biến thành plutonium 239. Mà plutonium 239 lại có thể bị phá vỡ, tạo ra năng lượng.

Thông thường, bom nguyên tử chứa hoặc uranium 235 (gồm 95% nguyên chất) hoặc plutonium 239 (92 hoặc 94% nguyên chất, phần còn lại là plutonium 240). Với bom chứa U 235, sự tăng cường được kể như thiết yếu. Hiện nay trên thế giới chỉ có 8 trung tâm biến chế: 3 ở Mỹ, 1 ở Nga, 1 ở Anh, 1 ở Pháp (Plesrelatte), 1 ở Tàu cộng.

Plutonium thì được lấy từ các thanh nhiên liệu dùng trong pin nguyên tử bằng phương pháp hóa học phức tạp — vì phải thận trọng, tránh các chất phóng xạ phát xuất từ các thanh ấy. Hơn nữa, plutonium hết sức độc: chỉ một phần triệu gr cũng đủ giết chết một người. Vì thế, plutonium còn mắc hơn

cả uranium tăng cường.

Nhiệm vụ của các vị thanh tra nói trên có phải là ngăn chặn những vụ đánh cắp một chất rất cao giá? Không hẳn vậy. Bởi chẳng ai dại gì xách theo một cục plutonium, hơn nữa nó phải được chế tạo cách nào để khi chuyên chở, khỏi bị nổ bất ngờ.

Khối lượng được coi là nguy hiểm đối với uranium và như là plutonium tương đối ít ỏi. Chỉ cần một bộ phận phần xạ trung hòa tử bằng beryllium có 10 phân bẽ dày, thì khối lượng có thể nổ là 5kg.

Loại bom có khả năng phá tan một đô thị chỉ chứa một khối plutonium lớn cỡ trái cam, hoặc uranium lớn cỡ trái bưởi.

Mỗi ngày, khi một máy phát điện nguyên tử tạo ra 1 *mega watts* (— triệu watt) thì trong trung tâm cũng có 1gr plutonium thành hình. Nhìn qua bằng ước tính tổng số điện lực có căn nguyên hạch tâm, tính bằng tỉ watt (— *gigawatt*) thì ta hiểu ngay tầm quan trọng của «plutonium lậu»:

|          | Mỹ | Anh | Nga | Sô | Các nước khác, không có chặn trong tổ chức |
|----------|----|-----|-----|----|--|
| Năm 1970 | 10 | 5   | 1,2 |    | 7  |
| Năm 1975 | 60 | 12  | 2   |    | 3  |

Mà đó là những cơ sở dân sự. Chỉ cần làm một bài toán, ta thấy ngay mỗi ngày, nước Mỹ có 10kg plutonium, và mỗi năm có thể chế ra 400 trái bom. Năm 1975, con số đó lên gấp 6 lần: 2.400 trái.

Ngoài 5 cường quốc nguyên tử (Mỹ, Nga, Anh, Pháp, Tàu Cộng) các nước khác cũng có chung một khả năng gần tương đương (300 trái bom mỗi năm, nếu họ làm được), và trong vài năm nữa, con số này tăng lên trên 1.000

Ta cũng có thể tính lối khác, bằng cách xem số lượng plutonium rút ra từ các thanh plutonium «được tăng cường» sau khi đã sử dụng trong máy phát nhiệt dân sự:

|          |                  |
|----------|------------------|
| Năm 1969 | có 520 kg        |
| 1970     | có 520 hoặc trên |
| 1971     | 1200             |
| 1972     | 4000             |
| 1973     | 7.000            |
| 1974     | 10.000           |

1976 18.000

Một nước cỡ Tây ban nha hoặc Ý hiện có đủ khả năng chế tạo vài trái bom hằng năm. Nói một cách khác, nguyên tử năng Hòa bình, của các nhà máy điện nguyên tử, lại chứa đựng một tiềm năng vũ khí hạch tâm mà hồi đầu chẳng ai ngờ tới, và khả năng ấy lại gia tăng mau lẹ.

Các vấn đề do sự kiện nói trên gây ra tương đối phức tạp. Để cho dễ hiểu, ta chia chúng ra làm đôi, tùy chúng thuộc phạm vi uranium «tăng cường» hay thuộc phạm vi plutonium. Ở Mỹ, cơ quan AEC (*Atomic Energy Commission* — Ủy hội Nguyên tử năng) chỉ có một số quyền hành hạn chế đối với các nhóm chuyên xây cất và điều hành nhà máy điện — Chẳng hạn Westinghouse và General Electric. Tuy nhiên, vì plutonium là một nguyên liệu có tính cách chiến lược, nên quốc gia có trọn quyền kiểm soát chất hợp ấy, dù là ở địa hạt tư. Hơn nữa, hiện

nay, công việc chế biến các thanh plutonium đều được thực hiện trong vài nhà máy thuộc quyền sở hữu của AEC.

Nhưng Cơ quan Quốc tế Nguyên tử năng được phép phải thanh tra tới các nhà máy ấy, các thỏa hiệp riêng rẽ với từng công ty. Một thời gian nữa, quyền hạn đó có lẽ sẽ được áp dụng chung.

Thiệt ra, từ Thế chiến thứ 2, AEC đã thành lập 2 bộ phận kiểm soát riêng, mệnh danh OSMM (*Office of Safeguards and Materiale Management*) do tướng Delmar L. Crowson chỉ huy, và DNMS (*Division of Nuclear Materials Safeguards*).

Sự hiện diện của các bộ phận kiểm soát ấy đương nhiên phải có, vì chúng chỉ là phần nối tiếp của các biện pháp đã áp dụng trong thời chiến. Bởi nguyên tử năng chính ra đã phát sanh và nảy nở vì mục đích quân sự.

Tất cả những vi định lú tới nguyên tử, uranium, plutonium, đều đương nhiên bị đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ, kín đáo nhưng hữu hiệu từ gần 30 năm nay. Dù vậy, vào năm 1965 có xảy ra một việc bất thường, khiến nhiệm vụ của OSMM

càng trở nên quan trọng hơn nữa. Người ta nhận thấy, sau khi so sánh 2 bảng tổng kết số lượng uranium được đem vào các nhà máy và số đem ra, có một sự chênh lệch — hình như khoảng 100 kg bị mất.

Ủy ban điều tra của AEC lại không thể xác định lý do của sự hao hụt ấy.

Có thể nào bị mất như vậy chăng?

Được; như sau đây là một ví dụ.

Một nhà máy nọ mua của AEC một số uranium tăng cường (hay: uranium mạnh) để chế biến ra theo hình thái thích hợp, hầu đặt vào pin nguyên tử. Ở Mỹ, người ta giao hàng dưới hình thức thùng đựng hình trụ, chứa đúng 25 kg *hexafluorure d'uranium* mạnh, từ nhà máy Oak Ridge gửi đi.

Muốn biến đổi chúng thành các thanh uranium kim khí, người ta đun nóng VF6 để đổi ra VF4 có hình thức bột. Đoạn nhất tế trafluorure này lại được đốt vô «ndi» và đưa vô lò có nhiệt độ thật cao. Nhưng nếu ngay giữa cục uranium có sự liên diện của mấy viên kim khí,

thì bên hông nòi cũng có những mảnh kim khí dính lể tẻ mà khi xong, đập bẻ «ndi», người ta phải dùng acit để tẩy chúng ra.

Bởi trong các mảnh kim khí ấy, thế nào cũng có chứa cặn bã, cộng với mấy chất linh tinh khác (bụi bặm, mảnh sành của nòi, v. v...) làm thành một số lượng khá khá mà sau đó, người ta nấu lại hoặc sa thải.

Như vậy, với các tiêu chuẩn làm việc hiện nay, mỗi ngày một ít, tổng số cặn bã ấy mỗi năm gom góp lại cũng khá nhiều.

Tất nhiên, mỗi nhà máy phải tính số tất cả những thứ ấy. Hằng năm, ít nhất các vị thanh tra của AEC cũng tới viếng một lần, và sách số được gửi về AEC.

Đối với plutonium công việc có phần dễ dàng hơn, bởi lẽ công việc biến chế chỉ được thực hiện trong các nhà máy chuyên môn. Tuy số lượng thì nhiều, nhưng khi biến chế người ta tính từng phần trăm gr một. Lý do là vì có sự nguy hiểm và các khó khăn trên phương diện kỹ thuật. Việc bảo đảm an ninh do đó cũng hết sức chặt chẽ.

Nhưng khi áp dụng vào tầm vóc quốc tế, các vấn đề trở nên phức tạp. Tính tới cuối tháng

10-1969, có cả thảy 91 quốc gia ký tên vào bản thoả ước cấm p<sup>h</sup> biến vũ khí hạch tâm, và 20 chịu thừa nhận. ■

Trong số này, những quốc gia chưa có vũ khí nguyên tử đời ý không mua và không chế tạo chúng trên đất của họ. Thoả ước sẽ trở nên có giá trị một khi 40 nước không có vũ khí hạch tâm, cùng 3 quốc gia đang nắm giữ chúng, thừa nhận. Riêng nước Pháp và Tàu cộng thì vẫn đứng riêng ra ngoài. Tất nhiên những nước không ký và không thừa nhận cũng có lý do của họ. Họ coi thoả ước như một trò lờng gạt của các quốc gia đang nắm giữ vũ khí hạch tâm, nhằm mục đích trói tay các quốc gia khác và giữ độc quyền hạch tâm của họ — tuy bề ngoài họ dùng những luận điệu có vẻ đạo đức, hơn đạo.

Điều lệ của thoả ước có quy định một sự kiểm soát thường xuyên, quốc tế, để coi các hội viên có giữ lời hứa không.

Chánh Cơ quan Quốc tế về Nguyên tử năng lãnh trách nhiệm thành lập bộ phận thanh tra ấy. Từ 1958, một số thoả ước giữa cơ quan ấy với các quốc gia mua «uranium mạnh» hoặc

plutonium đã được ký kết, với mục đích đề cơ quan kiểm soát dùm các máy phát nhiệt.

Năm 1964, có tất cả 2 vị thanh tra đi thăm viếng 38 máy trong 12 quốc gia. Năm 1968, con số máy tăng lên 70, trong 30 quốc gia. Tổng cộng số nhiệt năng của 70 máy ấy phát ra là 3 tỷ watts (tương đương với 1 tỷ watt điện lực) tức mỗi ngày tạo ra được 1kg plutonium.

Vào khoảng 1975, 200 vị thanh tra sẽ báo cáo với Liên hiệp quốc con số hao hụt chính xác



★ On re connait l'arbre à Ses fruits

Ăn trái, người ta biết giá trị của cây.

TỤC NGŨ PHÁP

## Thề này mới hạ được Quan cử Quan Nghè

□□□ THÁI BẠCH

Sáo sậu là cậu sáo đen,  
Đánh trống thổi kèn đưa  
ma sáo sậu.

Cậu đậu quả cà,  
Cậu già cậu chết  
Thời nời com nếp,  
Đưa cậu ra đồng.  
Đánh ba tiếng cồng.  
Cậu lồng xuống lỗ.

Đó là hai câu ca dao ở miền Bắc Việt-Nam, có tính cách trào phúng. Nhưng nói chung, với cái óc tôn sùng không Mạnh quá lỗ của các nhà nho xưa, các quan cử quan nghề nước mình trước vẫn cho đó là dở, là thứ « nôm na cha mách qué », Bụt chùa nhà không thiêng, phải cứ cái gì là của văn minh Trung-quốc mới đề ý cũng như các ông đồ Tây đồ Anh hiện nay, cái gì

hay cũng phải này là của nhà học giả Luân đôn đã nói, trí thức Hoa-thịnh-Đốn đã rằng, này nhà văn hào Pháp đã dạy triết nhân Đức đã bảo.

— Không biết cái đó là gốc rễ ở chỗ muốn khoe tài họcgiỏi tiếng ngoại quốc mà ra, hay ở chỗ quá tự tymặc cảm cho dân cột mình bốn nghìn năm văn hiến nhưng chẳng gì đáng kể.

Ấy chính cũng vì thế mà cụ phó bảng Đỗ-huy-Uyên, một người tự nhận là sức học quán thông kim cổ, mà kết quả phải chịu đi hồi điền tịch ở một ông thầy đồ công doanh khoa hoạn, chẳng có gì hết thầy.

Vốn tánh cụ xem đời là mục hạ vô nhân, một ông đồ ở trong làng biết vậy, lấy làm

căm tức nhưng chưa có dịp để nói ra.

Một bữa nọ, người cậu vượt ông đồ là một cụ tiến sĩ phải có làm vị đại khoa như Thám-hoa, Hoàng-giáp, và lẽ tất nhiên không thể không có mặt quan phó bảng Đỗ-huy-Uyền, người ở cùng làng Lang-nạn đến dự. Trong đám, các quan đại khoa chú ý từng câu đối và từng bức chương một.

Câu này khá, câu này kém, bức kia hay, bức nọ xoàng, các quan thi nhau mà bàn cãi phê bình. Duy có câu đối của ông đồ trên kia làm khóc cậu thì các ngài chịu thôi. Ai nấy đều dán cả mắt vào, mà rồi mặt mũi đều ngay như cán tàu vì có hiểu biết gì đâu, sự tích gì đâu mà dám phẩm với bình. Lại phải nói ngay rằng câu đối đó đọc thấy rất kêu và và chải chuốt.

*Cờ điều hốt cao phi, kích cổ suy xình, ta hà cập hĩ!*

*Già làm không điền tích, khỏi chình chữ phạm dĩ nghinh tổng chi.*

Nghĩa là « con sáo vụt bay cao, đánh trống thổi kèn, hỡi ơi sao kịp! — Rừng cà thổi chẳng ở, nồi công nấu cơm, đưa tiễn gọi là.

Cụ Đỗ-huy-Uyền nghĩ nát óc không ra. Khi đám xong, cụ phải buộc lòng tới nhà ông đồ tác giả câu đối trên, đề hỏi.

— Này thầy, thầy làm câu đối ấy lấy điển tích đâu vậy. Thú thật, tôi tra kinh sách đã nhiều, đã hết mà cũng tìm không ra. Vậy ở quyển nào bộ nào, thầy làm ơn cho biết, thực ra tài học vẫn còn kém lắm.

Ông đồ khiêm tốn chậm rãi trả lời :

— Dạ bẩm cụ lớn, chúng con học ít, nên không dám dùng chữ đâu xa. Sự tích ấy không được ghi chép trong sách vở nào cả. Con xin thưa thật với cụ lớn là con lấy tích ở trong câu ca dao :

*Sáo sậu là cậu sáo đen,  
Đánh trống thổi kèn đưa ma  
sáo sậu.*

*Cậu đậu quả cà,  
Cậu già cậu chết.  
Thổi nồi cơm nếp  
Đưa cậu ra đồng.  
Đánh ba tiếng công,  
Cậu lồng xuống lỗ.*

Con tự nghĩ — thưa cụ lớn — đám ma cậu mà làm câu đối cho cháu viếng, tiết tưởng không gì sát nghĩa hơn bằng dịch lại ý nghĩa những câu ca dao đó.

Cụ phó bảng nghe xong giựt mình :

— Thôi, tôi xin pục thầy. Tôi tự thấy sức học tôi còn dở. Ai ngờ ấy sự tích ở ngay trong nước mình đến cả con nít đàn bà cũng biết cũng thuộc mà mình thì lại đặc cán mai làn tấu.

Cụ cáo lui ra về. Từ đó ít còn lên mặt khoe khoang, hơm mình như trước nữa.

Bài học này chẳng phải chỉ riêng cho mình cụ, mà theo thiên ý còn cho nhiều kẻ khác, nhất là những kẻ đi học mà quên gốc, thứ là những kẻ hay

lên mặt làm tàng, không biết rả

*Ở nhà rứt mẹ nhì con.  
Ru tam kẻ còn dòn hơn ta.*

*Nhì con nhất mẹ ở nhà.  
Ra ngoài lắm kẻ hơn ta còn dòn!...*

### THÁI-BẠCH

\*\*\*



Làm bàn về :

# Thú chơi kiềng

hay là

Phút giây trở về Bản Ngã

(NHÂN ĐỘC QUYỀN : «GỐC CÂY, CỤC ĐÁ VÀ NGÔI SAO» CỦA SƠN NAM)

Tôi nói làm bàn, vì chính tôi không phải là người chơi kiềng. Lẽ tất nhiên sự đóng góp của tôi chỉ là một mớ suy luận dựa trên những điểm: Triết lý, Tâm-lý, Lịch-sử, Văn-hóa và Nghệ-thuật, kết hợp khảo sát thực tế mà có.

Tuy nhiên những ý kiến thô thiển ấy đồng thời nó cũng mang theo thiện chí và một sức ước vọng chân thành mong đóng góp phần nào về một đề tài tuy cũ xưa nhưng ít ai đề cập đến. Làm cho một số người chơi kiềng phải băng khuâng vì những lời bàn tán

đôi khi trái ngược không giải đáp được một lý-luận về thú tiêu khiển xem có vẻ phong lưu mà kẻ cho là « yếm-thế » người nói « Lập dị » hay « Thối xấu »...

Chơi kiềng có nhiều tính chất khác nhau. Chơi theo thói quen địa phương, chơi để trang trí hoặc thương mại và chơi mong tìm một Lạc-thú Tâm-tư là giải đáp một nhu cầu tâm lý (đam mê). Tôi xin đi vào tính cách sau này.



Chơi kiềng là một thứ tiêu

hiền, nghĩa là một trong những thú tiêu khiển khác mà tùy theo hoàn cảnh, sinh lý, tâm lý, văn hóa của mỗi người chọn một lối tiêu khiển thích hợp. Thí dụ : người có sức lực dồi dào chọn môn thể thao, chạy nhảy, đá banh, đánh quần vợt đua xe đạp, leo núi, săn bắn... Kẻ yếu đuối, lại chọn Giải trí bằng những môn ít cần đến sức lực hơn như du lịch, thưởng ngoạn, chơi kiềng, đọc sách, âm nhạc, hút thuốc lá, uống trà... ; người khác lại tìm bằng những thú nguy hiểm như uống rượu gái đẹp, thuốc phiện và các loại ma túy vv... và, vv... Nghĩa là sau khi quá mệt mỏi vì những hoạt động con người trong tương giao cộng-đồng xã-hội. Những phiền toái về nguyên tắc, Luân lý, Đạo-đức, pháp luật... đã gò ép bản-ngã con người con phù hợp với công ích xã-hội, thì «Giây phút trở về bản-ngã» (ta sống cho ta) rất cần thiết. Giây phút xã hội tự do tiêu khiển ấy ta gạt ra ngoài tất cả hay một phần nào (dù trong khoảnh khắc) những gò ép xã-hội trên kia để trở lại với bản tính thiên-nhiên của ta (bản-ngã) tùy theo cái

độ mệt mỏi và quyết tâm nhiều hay ít mà muốn «thoát ly ra ngoài xã hội» nhiều hay ít. Tùy theo bản chất, khả năng, tư duy, tâm duy của cá nhân để chọn một thú tiêu khiển nặng, nhẹ, lành mạnh hay nguy hiểm, mà hậu quả nó có khi giúp ta tiếp tục cuộc sống thêm hạnh phúc ; hay ngược lại ta tự đưa ta lẫn đến sa đọa, thoái hóa suy đồi và diệt vong !

Độ «Thoát ly xã hội» nhiều hay ít như là môn đá banh, hòa nhạc, thì sinh hoạt có thể ấy gồm những người cùng muốn tiêu khiển như nhau đó là thoát ly ít : tương đối, trong khi những người chọn lối tuyệt đối là hút thuốc phiện, gái...

Tuy nhiên dù tiêu khiển bằng cách nào, tương đối hay tuyệt đối, nặng hay nhẹ đều là «PHÚT GIÂY TRỞ VỀ BẢN-NGÃ».

Mà bản-ngã là cái gì ?

Con người sanh ra trong trời đất, có thân thể ta đồng thời cũng có những ý tưởng của riêng ta, trước nhất để tự vệ và thoả mãn những nhu-cầu thiết yếu cho ta. Đó là BẢN NGÃ.

Sơ lược về bản-ngã chỉ có thể dụ rằng nó biến hoá thiên hình vạn trạng trong mọi sinh hoạt đời sống con người, cho trước mắt hay lâu dài, rồi chung quy cũng chỉ có thế.

Tuy nhiên bản-ngã nó là chủ đề của đời sống con người, là trọng-tâm mọi chương trình của các tổ chức giáo-dục, các chủ-thuyết, Tôn giáo, Đảng phái coi là đối tượng chính đề đề ra thuyết « Vô vi » « Vị Ngã » của Lão Tử — Dương Chu; « Trung Dung » ( chí ngã ) của Khổng Tử « Vô Ngã » hay « diệt Ngã » của Phật giáo và « chiến đấu khắc kỷ » ( hóa ngã ) của Mác xít.

Thời cổ xưa, khi con người sống tản mác trong rừng núi với nguồn kinh tế thiên nhiên sung mãn. Lão Tử và Dương Chu đề ra thuyết Vô.vi — Vị Ngã rất thích hợp. Các ông chủ trương vô vi là con người không cần làm gì khác, hơn cái bản tính thiên nhiên của ta sẵn có tức là bản-ngã. Trong thời đại người ít, kinh tế thiên nhiên dồi dào con người được tự do hoàn toàn,

muốn ăn thì ăn, muốn nghỉ thì nghỉ, muốn yêu thì yêu... hà tất phải hạn chế, câu thúc phiền lụy thân ta. Bản-ngã là bản tính thiên nhiên sống trong môi trường thiên nhiên tinh mịch bát ngát hùng vĩ bao la vô cùng tận, ta tận hưởng cái tự do mà Tào hoá đã sẵn dành. Thuyết Vô.vi — Vị Ngã chỉ là một phản ảnh thật tại

Nhưng quá trình tiến triển của Lịch sử ngày ngày đòi hỏi người càng nhiều thêm, trong khi kinh tế thu hẹp lại cũng không đủ nhu cầu ( tiêu thụ không sản xuất, hay sản xuất khi)sinh hoạt cá nhân lẫn lộn bị hạn chế vì tập thể xã hội thuyết Trung dung của Khổng Tử đề ra những nguyên tắc Luân lý, Đạo-đức, pháp-luật Tam Cang, Ngũ thường quy định tầm mức sinh hoạt con người, hạn chế bản-ngã không được phóng túng như trước. Vì con người hiện nay đã ra khỏi rừng không phải chỉ biết có ta, sống cho ta mà phải biết rằng ta chỉ sống trong xã hội và tôn trọng những trật tự xã hội đề ra.

Lịch sử phát triển không

ngừng. Ý thức hệ luôn luôn bị thực tế vượt qua từ « Vị ngã đến « Chế ngã » tiến lên « Vô ngã »... nhưng xã hội ta đang sống hiện nay là hạn chế bản-ngã ( chế ngã )

Con người của ta là một phần tử xã hội, sống trong xã hội và cho xã hội có ta. Bản Ngã luôn luôn bị câu thúc hạn chế trong những nguyên tắc kỷ-luật xã hội. Nhưng bản ngã luôn luôn còn đó, trong người ta, thể hiện trong mọi sinh hoạt của ta chừng nào ta còn sống. Theo thiều ý khó diệt nổi bản ngã theo thuyết Vô-Ngã của nhà Phật. Vì bản ngã là nguồn gốc của đục.vọng là động cơ của sinh hoạt như chiếc xe có sức đẩy của máy, vấn đề đặt ra là « tay lái » sao cho nó an toàn và công ích chứ không phải tắc máy vì sợ nguy hiểm.

Mâu thuẫn xã hội và Bản ngã luôn luôn quyết liệt, cũng như mâu thuẫn giữa tình cảm và lý trí giằng co triền miên nghiệt ngã và vô tận.

« Có thân phải khổ cùng thân »

« Thân ôi ! ~~non~~ biết mấy

*lần gian nan ? !*

« Lịch sử con người là Lịch sử đấu tranh » : tranh đấu với thiên nhiên, với xã hội, với bản thân đi song song liên hoàn và hỗ trợ làm cho một số người mệt mỏi và tìm nơi thoát ly phiền toái xã hội. Một trong những nơi tạm thời trốn lánh ấy là tìm về thú chơi kiếng.

(Khi những Dân tộc có khái niệm chung về Vũ-trụ-Quan nhân sinh quan hấp thụ bởi một nền văn hóa chung thì phản ảnh một sinh hoạt tương đồng. Những quốc gia hấp thụ nền văn hóa Trung quốc như Nhật bản, Triều Tiên, Việt Nam có Văn tự chung thì có nhiều điểm giống nhau; ngược lại Ấn độ Miến-điện... hoặc những quốc gia khác hấp thụ nền văn hóa khác thì sinh hoạt về tinh

*Nói một số không có nghĩa là tất cả, vì có những người suốt đời đấu tranh cho lý tưởng không hề mệt mỏi như một lãnh tụ cách mạng kh làm chung 79 tuổi trong d chức còn viết : «... chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.»*



thần tự nhiên có khác).

Nếu trước kia bởi cảnh thiên nhiên tĩnh mịch của rừng núi bao la là môi trường sản sinh ra thuyết Võ-Vi Vị Ngã, thì hôm nay khách «lữ hành» khi mỗi gỏi chồn chân quay lưng (nhiều hay ít) với xã hội sống trở lại với bản ngã thì cũng cần phải một bối cảnh thiên nhiên tĩnh mịch rừng núi ấy để mà thường thức mà ký gởi tâm tư bất chấp họ có biết hay không biết thuyết Tam giáo của Trung-Hoa.

Theo Sơn-Nam :

«Hồi thời ăn lông ở lỗ, lột da cây da beo da cộp để he thân chắc là con người không cần, không biết chơi Kiềng».

Đúng vậy, vì họ đã có sẵn một môi trường thiên-nhiên hùng vĩ bao la tha hồ thụ hưởng thiếu thốn chi mà phải nghĩ cái giả tạo làm gì ?

Ngày nay cảnh vật thiên nhiên bị chính con người hủy hoại thay vào đó cảnh giết chóc hỗn loạn, sự tàn phá của bom đạn, thuốc khai quang cả bom nguyên tử... thì cảnh thiên

nhiên ở đâu còn đủ cho mọi người thụ hưởng nên con người mới nghĩ ngay đến việc tự tạo lấy «Vũ trụ» bỏ túi của riêng mình.—Đây là nguồn gốc sâu xa của người «muôi» kiềng.

Cái «Vũ trụ» nhân tạo ấy nó nằm trong lĩnh vực nghệ thuật, nhưng hơn hẳn bức họa vì nó là cảnh vật sinh động, vượt điều khắc vì đường nét gần như tự nhiên in vết hằn của thời gian tạo hóa thiên nhiên trong Kiềng vật hay nói rõ hơn là một cảnh trí phối hợp một cách tài tình giữa cái gì thiên nhiên và nhân tạo.

Cái «Vũ trụ» ấy nó chỉ có giá trị tượng trưng cho nên cảnh vật ấy cùng tiêu biểu và tượng trưng Những cây Tùng cây Bá sống thiên nhiên hiên ngang thì gian với phong sương trứ nguyệt được coi như tượng phu dững sĩ tiêu biểu cho giới Nam nhi, thì cây Liễu cây Mai ám chỉ cho phái yếu vì câu : «Liều yếu Mai Oăng» Trúc gọi là quân tử vì «Tiết trực tâm thanh».

Có câu :

«Sơn trung thường hữu thiên niên thọ»  
«Thê thượng hà vô bá tuế nhân»

Tuy là «Bách thảo» «Vạn huê» những món ấy gần như không đáng gì đến đời sống vật chất xã-hội. (họ không ăn được như bại cải trái cà) nhưng trên lãnh vực tinh thần đối với chủ nhân nó là báu vật vô giá.

Họ đem sức lực tâm tư uốn nắn đào tạo từ một gốc cây trở thành chậu kiềng có những yếu tố cần thiết : ý nghĩa tượng trưng, hình dáng cò thụ rồng, rêu nước nữ phong trần cũng như chủ nhân (7) cũng quân tử, cũng trượng phu cây kiềng đặc ý nhưt là những biểu tượng tiêu biểu những đức tính lý tưởng ấy — nó là phóng thề của bản ngã chủ nhân — hay, chủ nhân đã ký thác được tâm tư thâm kín của bản ngã mình với cảnh vật thiên nhiên.

Từ một hòn đá, gốc cây vô tri giác đã trở thành cảnh vật tượng trưng lý tưởng, món tiêu khiển tinh thần siêu thực tế (cùng là tiêu khiển :

Mao . trạch - Đông tròng ca chua, HỒ CHÍ MINH tròng rau cải...) cảnh vật ấy cứu mang trong mình một sắc thái phản ảnh trình độ văn hóa khuynh hướng của chủ nhân qua Nghệ thuật tác tạo hoa kiềng.

Người sành điệu nhìn vào vườn kiềng họ có thể đoán biết được phần nào trình độ và đặc tính của chủ nhân

Cây kiềng tuy hình thù quái đản, nhưng phải hội đủ những nguyên tắc cần thiết đúng với nghệ thuật lâu đời như Vô thập bất thành tùng (1) Vô thập bất thành Mai (2) Trúc thọ (3), sý phong (4) mầu tùng tử (5) Tam tài (6) Chiêu chí (7) ..

Người chơi kiềng trước cảnh vật núi non tùng bá ngoài việc giải đáp tình cảm tâm tư (Phút giây trở về bản ngã) họ cũng rất tự hào về

(1) (Theo họ nghĩ như vậy)

Cây trong núi ngàn năm thường có ;

Người trên đời trăm tuổi mấy ai ?

tài « tạo hoá » của mình.

« Ngắm kiềng ngắm hòn non bộ là siêu thoát thả hồn vào thế giới riêng, linh động vui tươi một thế giới trường sanh bất tử của nông Giàng-Tiên Giàng-Kiều, của chư Tiên chư Phật ở ngoài càn khôn.

Nhưng đây là thế giới ảo tưởng trừu tượng chấp chờn của ảo giác như Trang-Chu ngộ minh là con Bướm với đôi cánh to như bánh xe.

Thả hồn phiêu du trong cái vũ trụ riêng tư ấy là động tác tách rời xã hội, kín đáo như trường hợp đôi tình nhân âu yếm bên nhau, phải có bóng tối chấp chờn, công viên hoặc bãi biển vắng người.

Ai ngắm kiềng ngắm hòn non bộ được trong khi có năm ba người nhìn chòng chọc, soi mói? Như vậy là cụt hứng vì đời sống tinh thần phút thoát trần siêu hình bị đụng chạm rồi!» (Trích: Gốc cây, cục đá và Ngôi sao của Sơn Nam)

Thật vậy, giây phút về với bản ngã là giây phút riêng tư, từ tương đối của tuyệt đối. Tương đối là mở rộng thú tiêu khiển ra cá thể, nhưng tuyệt đối thì thụ hưởng

khoái cảm chỉ thân chứng của cá nhân. Thí dụ: như đoàn quân viễn chinh Mỹ sa lầy ở Việt-Nam, người lính Mỹ đâm ra tuyệt vọng họ khiếp đảm trước thực tại bất lực vô phương đào tẩu. Cùng đường, họ đâm ra thoát ly bằng ảo giác — Hút cần sa!

Hiện tượng thoát ly qua nhiều hình thức khác nhau khi mà xã hội càng phức tạp, sinh hoạt người đời càng khó khăn. Những lý tưởng, nguyên tắc pháp luật nhằm gò bó con người vì quyền lợi xã hội hay phe nhóm thì bản ngã với bản năng-tự-vệ họ càng muốn vượt lên và thoát ra khỏi vòng kiềm toả đó trong khi hướng thoát ly của hạng trí thức tiến bộ theo chiều đi lên của nhân loại thì ngược lại phản ứng vô tổ chức của hạng người chối bỏ nguyên tắc xã hội hiện tại họ đã phá lung tung ngẫu xạ mà không thay vào bằng cái tốt đẹp hơn để dim xã hội sống trong cảnh hỗn loạn man rợ thật là bất hạnh cho loài người.

Những hạng người không thích nghi (non con formism)

hoạt động theo cái « độ thoát ly » nặng nhẹ, có khi họ bất chấp những thuận phong mỹ tục tối thiểu của con người hiện đại. Họ ngang nhiên sống theo thú tính một cách công khai lộ liễu triền miên. Một thứ vị ngã không môi trường, lỗi thời (Thời đại ăn lông ở lỗ đã qua) đó phải chăng là một dấu hiệu thoái hoá suy đồi sa đọa do hậu quả của chế độ chánh trị đầu độc ngu dân mà ra? Ngược lại cũng hiện tượng đó lại xảy ra trong xã-hội tiến bộ thì họ là cận bá của tập thể tiến bộ loại trừ. Họ không hòa đồng được với cái tốt thì khác nào cây Gô một danh mộc nhưng cũng có cái giác. mà « giác gỗ » thì không bằng « võ dẫu » họ đã bị luật tiến hoá đào thải.

Cái thảm trạng này xem chừng như nó cũng mon men xâm nhập được trong hàng ngũ trí thức, đề « đốc » ra một loại gọi là « Trí thức hiện sinh » (Tôi nói cái gọi là) Con người không có dĩ vãng, cũng chẳng tương lai, họ chủ trương chỉ sống với hiện tại. Họ phủ nhận tất cả công trình sáng tạo của một quá trình trí

khôn con người bao ngàn năm tích kỹ-đành rằng có đúng có sai.

Những lý tưởng, Chủ-nghĩa Tôn-giáo thần tượng di bảo của lịch sử họ thẳng tay dẹp bỏ một cách tàn nhẫn vô trách nhiệm. không giúp ích gì cho công cuộc tiến hoá của loài người; ngược lại làm hoang mang thêm cái xã hội vốn đã hoang mang đến gần như cực độ. Việc làm này hình dung như một người vác gậy xông vào Bảo tàng viện đập phá lung tung từ viên ngọc quý đến chiếc ngai vàng mục nát, miệng không ngớt chửi rủa chê bai; đến khi hỏi lại anh có cái gì quý báu tốt đẹp hơn để thay vào? Thì ô bỏ! hần ta chỉ vốn vẹn có chiếc gậy... chuyên đập phá mà thôi!

Hành động này xem chừng như phản lại ý nghĩa của trí thức vì không phân biệt lọc lựa phải trái không đóng được cái thiên chức vai trò ngòi pháo dân đạo dân gian. Họ đã chọn đứng trên một trong ba lãnh vực tiêu biểu cho trình độ 3 hạng người trong

xã hội :

I. — Hạng chỉ sống với một mô quá khứ dĩ vãng bị luật tiến hóa đào thải : — Bảo thủ

II. — Hạng sống không dĩ vãng chẳng tương lai : cái gọi là — «Hiệu sinh»

III. — Hạng biết hy sinh quyền lợi trước mắt để xây đắp một tương lai hạnh phúc con người — tiến bộ



Bản ngã, một con ngựa chững, một động cơ mạnh, một cơn giông đầy cánh bướm vượt sống — có nguy hiểm, nhưng thiết yếu(8) vấn đề đặt ra là lèo lái khéo léo, biết chế ngự bản ngã, như chiếc mao kim — cô của Tề Thiên, chủ động được, sẽ đưa con người tìm về hạnh phúc Vinh quang ; ngược lại bất lực đầu hàng buông lỏng giây cương hay tay lái, hoặc hốt hoảng tuyệt vọng thì thảm họa đang chờ trước mắt.

Như vậy, thú tiêu khiển chơi

kiêng cũng như những thú tiêu khiển lành mạnh khác là một trạm xã hội lấy sức đề tiếp tục cuộc hành trình trên đường đời vạn lối, quyết không phải là bên ghé cuối cùng vì nơi ấy nên nhớ nếu những góc cộng queo hay những môn dùng giải trí khác nó có ích chăng thì chỉ ích lợi riêng cái bản ngã (cái riêng ta) mà thôi. Ngoài ra đồng bào ta, Quốc gia Dân tộc ta không ai «nuốt» những của nợ đó mà sống được.

Không lẽ ta trả giá chúng thân cả một cuộc đời để rồi chỉ lưu lại... một đồ chơi ?!

Tóm lại, thú chơi kiêng là « phút giây trở về bản ngã » một trạm xã hội lấy sức đề tiếp tục trên đường thiên lý.

## DECAPAN

THUỐC THOA.CHUYÊN  
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI  
DA.

mức đến là Hoai-bình Hạnh phúc con người, vì đó mới thật sự là cảnh đẹp nhất ở trần gian.

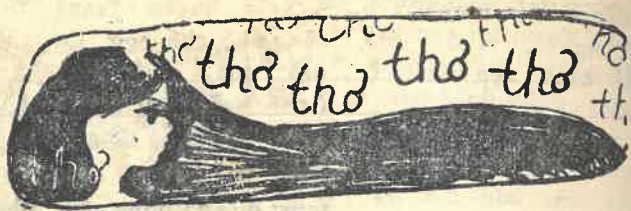
T N

### CHÚ THÍCH :

- 1 — Nhánh tùng phải xuyên ngang thân cây tạo thành chữ thập +
- 2 — Cây mai phải uốn hình chữ nữ
- 3 — Cây tàng dù
- 4 — Xiêu gió
- 5 — Cây có tước con giống nhau.
- 6 — Có 3 tầng tượng trưng THIÊN ĐỊA, NHÂN
- 7 — Chiều chi : cây 5 tầng tiêu biểu Ngũ hành.
- 8 — «Tây du ký» một danh tác trong «Tứ-đại-kỳ-thơ» Trung-hoa nhân-hình hoá cái bản-ngã : qua Tề-thiên ( trí phóng túng ) Bác giái ( thú tính ) Sa tăng, ác tính.

Trần huyền Trang thành công nhờ chế ngự được Bản ngã qua chiếc não kim-cô ( chế ngã ) ngụ ý rất rõ không có Tề thiên Sa tăng, Bác giái ( Bản ngã ) Tam Tạng không vượt qua 72 động yêu; nhưng không chế ngự được bản ngã thì cũng thất bại như vậy. Nghĩa là trí khôn ( Tề Thiên ) không bị câu thúc ( Kim-cô ) để phục vụ cho công ích lý tưởng con người thì cái thất thập nhị huyền công của Tề Thiên ( trí khôn phóng túng ) chỉ để phá hoại mà thôi. ( Tề-Thiên loan thiên cung, phá địa Phủ, trộm linh đơn, bẻ vườn đào. . )





## MƠ HỒ

Trăng  
Lần lần  
Nước trong hồ  
Gợn sóng nhấp nhô  
In lặng bóng chị Hằng  
Sáng rõ ràng một khuôn vàng  
Vài con cá đớp trăng lượn vòng  
Giữa hồ nước xanh in ánh sáng trong  
Lơ thơ vài ánh lá vàng rụng êm  
Lặng lẽ mơ hồ giữa ban đêm  
Con gió hiu hiu nhẹ đưa  
Vài cánh lá rụng thưa  
Mơ hồ trong đêm  
Nhạc để lên  
Mơ màng  
Trăng

HÀN-VIÊN-TẤN  
(Kountu)



NGUYỄN HÒA

## CƠN ÁC MỘNG

CƠN đau sốt làm như-  
bôi vết thương, trên khắp  
mình mảy. Vết bầm tím ăn sâu  
như đục khoét mòn rỗng theo  
thời-gian. Thân cựa quậy trong  
chiêm-bao, nôn mửa như muốn  
tạc-sửa cái chiến-tranh ghê tởm!  
Liên-tiếp mấy ngày trời mưa  
không ngớt hạt. Huân nằm lì  
trên giường bệnh, mệt nhoài  
như đứa trẻ mê ngủ. Hình-hai  
phi-lý của một cuộc chiến sắp  
tàn, và dứt khoát tư-tưởng giữa  
phe-phái! Huân cô-đơn đi tìm  
cái phi-lý hiện-hữu đó.

Ngừng một lát, Huân tự đồ

minh dậy, xoay ngang, xoay dọc,  
đau nhóp-nhúa. Huân cắn răng,  
phun nhỏ nước miếng thừa  
thải của đêm hôm qua. Con  
chết-chóc đi theo không-gian  
ma quái! Huân lầm-bầm đã ba  
ngày ác mộng! Huân chống  
nạ ra phía nhà sau để tiêu,  
thấy tối sầm u-ám. Trời không  
quang-đãng, chắc có mưa tới.  
Huân trở lại giường, tiếp-ục  
hút thuốc còn lại. Không-  
khí buồn của màu trắng trường  
tro nhiều giọt mưa khuya còn  
đọng sót ở mép ngói rêu, càng  
đập vào mắt hơi cay có hơn bao  
giờ. Huân tư-lự, suy-tư sự hằng-  
hữu của Thượng-Đế... Huân nhớ

con, cha mẹ ở miền Trung, núi sương rừng quạnh. Và chàng thức giấc hẳn như cơn sa-mù đột biến trong đám mưa trưa. Bên cạnh giường đối diện, bạn chàng cũng đang kêu đau thê-thảm. Người nữ y-tá vừa chích một liều thuốc trụ-sinh để trừ khử vết chém chiến-tranh ! Con ác-quỷ bị đẩy dần vào bóng tối khi phần thắng sẽ nghiêng về nhân-chúng thời cuộc ! Bạn chàng nhồm đậy, xoa tay tựa vào tường rừng-rực cơn lửa mộng :

— Hoả-ngục chiến-tranh !

— Phải, chính mình sẽ là phế nhân !

Xương máu chém giết rỗng cả anh ạ ! Huân âu-lo khi bạn chàng cau mày tiếp :

— Còn vợ ! còn con ! chúng ta sẽ mất đi niềm tin ! niềm an-ủi riêng tư ! Con đau nổi lên đánh ngả gục xuống giường, nguyên-rửa thậm-tệ... rồi những cái chớp thoảng mau, tìm mất ngoài chân mây không còn gì nữa ở thế-gian này. những ăn-năn, sầu-nuộn, sẽ đông đậy, gậm nhấm nuông ruồng ở những tâm-hồn bạc-phước ! Huân thiếp đi trong cơn mộng âu-lo hồi-hợp. Chàng hơi vội-vàng nhìn nhau trong

cơn hoảng-hốt, chợt nhớ đến cha về thăm. Con mộng se-sua như khói mây và đau-đớn đầy, cộm lên lỗ trống. Năm còn 20 tuổi, chát-chịu sống với mẹ ở quê nhà, với núi mây hun-đùn tu-tướng nên người. Cha qua đời vì cơn bạo bệnh ho khan, nhằm lúc trăng rằm sáng cả thôn. Khi đưa đám táng mưa luôn cả ngày làm tối sầm bầu trời đất. Và đám đạo-tý hết sức khó-khăn mới chôn cất xong vì đường rượt mưa; vì bom đạn đang cày phá chung quanh đó. Huân với khuôn nguyện trước vong hồn cha !

20 mười năm rồi khỏi lửa — đất nước phân-ly — áo thư-sinh đã thay bằng màu áo chỉnh-nhân, hoen lấm cát bụi đồng lầy. Xế trưa 1 giờ ! Người bồi phòng mới mang cơm lên cho Huân ăn. Chàng ăn cảm hơi thối-thởm. Những ngọn rau muống luộc v.t chan quen mùi bay thoảng làm hồi-tưởng lại nơi chôn nhau cắt rốn. Múi cà tươi khai vị thơm ngon, với nước canh chua làm chàng nhớ đến mẹ chàng hơn ! Tuổi già đau thất lưng còng, để rồi nay mai nằm trong bóng tối của hu-vô ! Tro-trọi ! Huân thấy cơm không ngon, ái-tình không ngọt lịm như hồi còn Xuân ! Tac

mây đã nhuộm đậm màu sương, bụi cát đường trường của những kẻ đặt niềm-tin ở đất nước. Ngoài kia chiến trận, ngàn-ngại thấy bạn bè còn ngã gục, chảy máu vì súng đạn K, mìn bầy ?

— Còn con Thuân ? Vợ Huân ?

Chàng tự hỏi Huân âu-lo ngang nhau. Vợ chàng còn trẻ lắm, sợ chàng không còn đủ, là người đàn ông cung phụng đầy đủ. Thụ sẽ ra đi như trăm ngàn cô gái khác trong thời chiến để tìm mãnh-lực giàu sang ! Những tiếc-muốn, săn-sóc của vợ không đủ hàn gắn niềm-tin mong

muốn từ bấy lâu ? Nhìn bóng nắng hát-hiu, lan nhẹ ở bờ thành, Thủy nũng-nịu như hồi mới cưới nhau như bắt chợt có những hạt lệ khô rần-rắc trên má :

— Minh sẽ khỏi anh ạ !

— Anh phải cura chân đúng hơn !

— Trời...

Cơn gió lùa trong bóng tối kéo xuống rủ đơn cành khô mục. Âm-thanh ma-quái và chết-chóc vang lên trong bệnh xá thô-tục ! Kể ra đi ngàn đời người ở lại thương-tiếc quê hương.



● Great barkers are not great biters.

Chien quiaboie ne mord pas.

Chó sủa chó không cắn.

TỤC NGŨ ANH PHÁP

Giữ ngựa tuy hèn cũng chúa tòi

## NGUYỄN VĂN QUYÊN

**Nóng tiết chống cự quân  
Thanh ngay trên lãnh thổ  
chúng**

### ★ NGUYỄN BÁ THỂ

**C**UỘC đời lưu vong của vua Lê Chiêu-Thống trên đất Trung-hoa đời nhà Thanh, ngoài 34 vị tông thần đều tỏ ra có khí tiết khi bị quân Thanh bạc đãi, hãy còn có một người nữa đáng kể : người chăn ngựa của nhà vua, họ Nguyễn tên Văn-Quyên. Người này tuy chỉ là phận tó, nhưng lâm cảnh bức vắn tỏ ra nghĩa dũng chẳng ai bằng.

Nguyễn - Văn - Quyên người làng Bồ-vệ, huyện Đông-son, tỉnh Thanh-hóa. Ông ở chăn

ngựa, hầu vua Lê-Chiêu-thống, tính khí trung liệt.

Kỷ-dậu 1789, quân Thanh do vua Lê cầu viện bị Tây-son đánh đuổi. Tướng chỉ huy 20 vạn quân Thanh là Tôn Sĩ-Ngh, cuốn vó chạy dài, Vua tòi nhà Lê cũng chạy theo sang lãnh thổ Trung-hoa.

Đến Yên-kinh (kinh đô nhà Thanh) không bao lâu vua Lê và các tông thần lần lượt bị chia rẽ ra, đưa đi an trí ở nhiều nơi. Vua Lê cực lực phản đối, nhưng triều đình nhà

Thanh trước sau một mực làm ngo. Giờ phút này, hẳn là Lê Chiêu-Thống bưng tỉnh giấc mơ vọng ngoại, biết rằng lầm lỡ thì đã muộn rồi, thân đành ngâm đắng nuốt cay, mà tên tuổi nghìn thu đặc tội cùng lịch sử dân tộc. Giờ đây, sớm hôm bên cạnh, quanh quẩn chỉ còn một Nguyễn Văn Quyên trắng liệt, trung tín, sẵn sàng đem tính mạng bảo vệ cho nhà vua trong những cơn khốn đốn.

Tân-hợi 1791, đã trải ba năm tủi nhục, một hôm vua Lê cỡi ngựa đến tư dinh Viên Đô-thống triều Thanh là Kim-Giản, toan nhắc lại việc Phấn kháng đưa các vị tông thần đi đây. Quân canh cửa biết.

— Kim tướng công đã đi vào vườn Viên-minh châu Hoàng thượng.

Vua Lê giục ngựa thẳng đến Viên-minh. Nguyễn Văn-Quyên theo hầu, máu nóng sôi lòng vì bao nỗi căm hờn đã nung nấu từ lâu, dáng điệu đĩnh đạc đầy tự tin, dưới mắt đã không còn coi người Thanh ra gì nữa.

Kim Giản đang cùng Vua Càn long đàm đạo trong vườn ấy. Vua Lê đi thẳng vào. Linh giữ vườn ngăn lại. Nguyễn Văn

Quyên quát mắt :

— Các người không được vô lễ. Ấy là vị Hoàng thượng nước Nam.

Quân giữ vườn khoác nạt .

— Không biết, có lệnh không cho bất cứ người lạ mặt nào vào đây.

Vua Lê nhún nhường :

— Mi hãy vào tâu giúp, có ta cự hoàng Lê triều xin ra mắt chúa thượng và Kim tướng công.

Tên quân nạt rân :

— Không được ! không được ! Đi đang ra mau.

Nguyễn-Văn-Quyên nổi nóng bước tới thét vang :

— Lũ chó Ngô kia, sao chúng bây dám làm nhục đến vua tao?

Dứt lời ông lại gào to cốt cho bên trong nghe thấy :

— Chúng tôi cô khổ đến đây, xin Thanh-triều Hoàng-đế và chư vị đại thần hiểu cho, vui lòng tiếp kiến.

Đám quân Thanh hằm hè làm dữ giựt lấy cương, ôm vua Lê Chiêu-Thống đẩy lên xe bảo rặng đưa về ty Thận-hình cứu

xét. Ông quát to :

— Không được làm nhằng. Hãy  
để vua ta xuống đây.

Đám quân Thanh hùng hổ xốc  
tới toan hành hung với ông.  
Vừa tuổi nhục vừa tức giận  
cầm gan, ông lấy gạch đá ném  
ào. Chúng xúm lại đánh ông  
bất tĩnh, rồi đem giam ông nơi  
Thận hình ty một tháng. Thả ra  
thì hôm sau ông chết.

Nay, nơi làng Bàn-thạch  
(Thanh-hóa) bên làng Vua Lê,  
còn có ngôi mộ ông.

Vua Tự-đức đề vịnh (bản dịch  
của Nguyễn-Khắc-Bỉnh) :

Ông bồi ngựa  
Người nào hử ?  
Nguyễn-Văn-Quyên  
Là tên chữ.  
Theo ma đi  
Cương ngựa giữ.  
Dạ trung thành  
Nơi lữ thứ.  
Sau trước theo hầu  
Sớm hôm sấm sủ.  
Thằng ngó lão xứng  
Lông ông hăm hử.  
Hòn gạch ném vung  
Vì vua cầm gỗ.  
Nhỏ mọn nghĩ gì đâu.  
Lấp bề toan những cử.  
Ấu là chỉ biết vua,  
Không biết có ai nữa.

Cứ thấy kẻ vô lễ nhạc quốc thể  
Tức là phải thặng tay má chống  
cử.

Ngon giáo Nguyễn Dương xưa,  
Hòn gạch Nguyễn Quyên nọ,  
Bồi, bếp, hai ông đây  
Tiết nghĩa nghìn thu đó.  
Người lớn còn nói chi  
Phận hèn thật hiểm có.  
Chép lại đề làm ghi  
Truyện ai cùng ghi nhớ,

Dương-Bà-Trạc cảm đề :

Giữ ngựa tuy hèn cũng chúa tôi  
Gan trung ngựa tiết sợ gì ai.  
Cương quyền chúa phải quân vô  
lễ

Quốc thể tôi liều bịch mấy thôi.  
Dùi dẳng đã không linh cấp nạn,  
Hung hăng lại giữ thói khinh  
người.

Anh Ngô biết mặt thằng này  
chừa ?  
Giữ ngựa tuy hèn cũng chúa tôi.

NGUYỄN-BÀ-THẾ

\*\*\*



Tùy bút

# LÀ TRE KHÔ !

★ ĐẶNG CẨM

Ở bên bờ con sông đào,  
rang tre già đứng khom  
minh nghe tóc bạc rụng  
dần từng chập theo cơn gió  
heo may. Những sợi tóc —  
hay những chiếc lá tre khô —  
đã trở về lòng nước mang  
theo cái thân phận hắt hiu  
của kiếp sống âm vốn thâm như  
một thực thể bị bỏ quên trong  
góc tối thời gian, ít người để  
ý tới. Đó là một thiệt thòi vô  
lý cho giòng sông của những  
cành lá tre khi còn xuân sắc  
có lẽ bởi nó quá tầm thường,  
quá quen thuộc như loài cỏ  
dại mọc trên lối mòn dẫn vào  
thôn, bởi hình ảnh nó không  
gây nổi những sôi động háo  
hức cho đời sống con người ở !  
đây Nhưng một lúc nào, mùa,  
đông trở về lần theo những  
dấu chân của gió với rét mướt  
gần kề, và những cơn gió lạ  
ngắt chùm lá tre già tung bừa  
bãi xuống lòng sông, thì một  
số ít người đứng trên bờ  
sông nhìn những cánh lá trời  
đã nghĩ đến ý nghĩa đời sống  
với nhiều nỗi suy tư, hoài  
niệm, băng khuâng...

Những tháng ngày xa xưa,  
khi già còn sống hồn nhiên  
trong lứa tuổi thiên ấu ở quê  
nhà Hình ảnh mùa đông với  
con sông đào bé bỏng, với  
rang tre già quanh năm soi

bóng xuống lòng sông và những chiếc lá tre rơi tan tác trong rét mướt đầu mùa là những kỷ niệm thân tiên khó phai trong trí nhớ sau này của gã. Nhìn những cánh lá tre già trôi lênh đênh trên dòng nước yên hàn gã tự hỏi, chúng sẽ trôi về đâu? Trôi về nguồn nguyên thủy hay trôi vào huyền thoại của quê hương Việt-Nam mến yêu ngàn đời ngào ngọt? Ôi! Trong một góc đời gã hay một phần tư thế kỷ xưa đã may mắn trôi qua nẻo mùa đông thanh bình, đã mang lại niềm rét mướt vừa đủ cho gã tìm thấy cái quý giá của bếp lửa chiều đông bên mái ấm gia đình.

Khi đó chiều chiều, gã ra bờ sông đứng ngó mông vào khu trời bên kia. Trên cao là mây xanh dán chặt lấy da trời, mây không còn bay lang thang như những cánh bướm hoang và cánh đồng thì tro màu đất nâu, khô ráo đến tận cuối tầm nhìn. Những mộ bia, những bóng miếu âm hồn nổi trập giữa khoảng không đồng bóng như dấu mốc nhắc nhở, mắt nhìn, nổi ràng buộc chặt chẽ với đời sống tâm linh

những bí mật thiêng liêng và hình nhưng rất đỗi gần gũi cuộc sống.

Bóng chiều xuống âm thầm, sương rơi rất nhẹ như hơi thở đầu đó, tiếng chuông chùa làng bên đang đổ giọt thu không, huyền diệu đến từ phía hư vô cho hồn người chìm dần xuống đạo hạnh. Không còn gì thanh tịnh để tâm hồn có thể bay bổng hơn những giây phút xuất thần như thế. Nhưng rồi cũng có cả nỗi buồn nhân thế hiện ra, buổi chiều hôm ấy trên bến sông vắng bóng con đò, có người thiếu phụ bỗng con đứng đợi trên bến đê sang ngang. Chiếc khăn màu tang chẻ chít trên đầu với tà áo vải sô rơi lọt giữa khoảng không, cô đơn như chiếc bóng liêu

**DECAPAN**

THUỐC THOA CHUYÊN  
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI  
DA.

trái một đêm nào ròn rợn. Người thiếu phụ mắt nhòa ngấn lệ thương đau và đưa bé trên tay cũng khóc ngất, nhưng chắc chắn tiếng khóc trẻ thơ mang một ý nghĩa khác, vì bé đối hành động theo phản ứng tự nhiên để tìm nguồn sữa mẹ. Nàng đứng đó mang nhândáng đau thương tận cùng nhưng gã vẫn bất lực không làm nổi một cái gì khả dĩ an ủi được nỗi đau thiếu phụ!

Rồi mùa rét qua đi — Bao nhiêu mùa rét qua đi. Con sông đào vẫn giấu kín cái linh hồn huyền hoặc khó diễn. Rồi đất nước loạn ly. Rặng tre đứng khom lư trên bờ sông đã xác xơ, xém cháy như một kẻ mất hồn khi chiến tranh mang khói lửa vào tàn phá thôn xóm! Từ đó thế đứng của gã không còn ở trên bờ con sông đào bé bỏng quê hương. Gã lần theo dấu đạn bom ra đi xa dần, xa dần... và bây giờ quê hương gã đã mù tăm ở bên kia trí nhớ. Hình ảnh những ngày vào đông của quá khứ yên hàn với dòng sông đào hiền hòa đón nhận từng cánh lá tre rơi như vòng tay mẹ hiền vuốt ve bây giờ chỉ

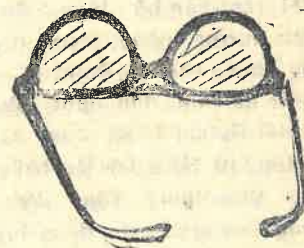
còn trong tiếc nỗi đời người!

Gã như chiếc lá tre rơi lạc dòng bị bão tố đập vùi xô dạt khỏi môi trường đời sống, sông nước quê hương. Bây giờ đã thật xa những kỷ niệm ngọt ngào thời thiên ấu và càng xa hơn khi gã nghe gió heo may đang thổi về từ phương trời tiềm thức hôm nay.

Viết những dòng này, người viết muốn thay gã gửi đến những người đồng cảnh luồng gió heo may còn ẩn khuất trong trí nhớ để cùng nhau làm nên một mùa đông bên cạnh mùa đông đang hiện diện trên miền xích đạo có những cơn nắng lực lưỡng này.

**ĐẶNG CẨM**  
Sài Gòn tàn thu 70

\*\*\*





## Các trận đánh phái bộ quân sự Pháp của dân Thượng Tây-Nguyên.

★ PHẠM-VĂN-SƠN

LẦN mở những trang sử thực dân của Pháp trên bán-đảo Đông-Dương chúng ta, ta phải thành thực ngợi khen một số cán-bộ của chúng rất tận tâm trong các công tác phát-hiện, khám phá những tài nguyên quý báu của nước chúng ta để khai thác, bóc lột, trước đoạt làm giàu cho chính-quốc.

Vài tên cán-bộ đáng được luyện dương công trạng trên bảng phong thần là Doudart de Lagrée đã cầm đầu một phái-đoàn đi thám hiểm con sông Cửu-long từ Nam bộ lên tới sát vùng Vân-Nam. Tên này vì không dương đầu đại đẳng được

với lam sơn chương khí của Đông-Dương, lại thêm bệnh đau gan mà chết ở xứ này sau hai năm lặn lội khắp các núi rừng. Xác của y đã được bạn đồng-đội là Francis Garquier đem qua Tàu rồi đưa xuống tàu thủy mang về cố-quốc.

Hành trình của chúng bắt đầu từ tháng 5 năm Mậu-dần (1866). Sau này đến 1890 nối tiếp chi-hướng của bọn Doudart de Lagrée và Francis Garquier là đội quân biệt phái do Pavie cầm đầu vẫn có nhiệm-vụ vừa quân sự vừa chánh trị và nối đến chánh-trị của thực dân phải hiểu căn bản vẫn là vấn đề kinh-tế.

Khoảng năm đó Pavie được

lệnh lên Tây-nguyên thiết lập nên thống-trị mà trung-tâm-diêm là Kontoum, đồng thời tranh chấp với vương-quốc Xiêm vùng Tây-nguyên, Hạ-Lào và Bắc Cao-Mên, như chúng tôi đã từng nói.

Pavie đã tranh đấu rất tích-cực từ 1890 đến tháng 10-1893 đã đi tới một thoả-hiệp trong đó Xiêm nhận giao lại cho Pháp tất cả vùng Hạ-Lào, vùng Đông-Bắc Cao-Mên và vùng Tây-nguyên.

Nhưng ngay từ lúc đầu đội Pavie vừa ló mặt lên miền núi cao rừng thẳm này đã bị đồng bào Thượng kháng cự kịch-liệt : ngày 26-11-1890 tên đại-úy De Moalglai và một đạo quân từ Huế định vượt núi Trường-sơn thuộc vùng Alouat đã bị vây đánh bốn mặt khiến chúng phải quay về.

Henri Maitre phải thú thật rằng ngay từ lúc bọn Pavie xuất phát các bộ lạc «Mọi» đã gây cho họ nhiều sự khó khăn : hoặc họ làm vườn không nhà trống đối với chúng, hoặc họ đón tiếp phái đoàn quân sự của thực dân bằng tên thuốc độc và giáo mac...

Tháng 8-1896 dân Hoài-An và Nghĩa-anh (Quảng-ngãi) đã đánh

đuổi một bộ đội Pháp tung vào địa-phương để dò thám.

Năm 1899, một đội quân Pháp vào Bun Ten (Ban-mê-thuột) bị bộ-lạc của Tù-trưởng Mitrang-gub chặn lại và đôi bên có sự xô xát ác liệt. Đồng thời có ba Tù-trưởng của ba địa-phương khác nhau đã liên minh ngẩng đón quân đội thực dân cùng một bộ đội khác ở phía Bắc Ban-mê-thuột Ba Tù-trưởng ấy là Am Wal, Sina phao, Ama-kol. Họ lấy gỗ rào khắp «Bun» còn người và vật rút hết vào rừng sâu.

Ngày 11/1900 Công-sứ Bourgeois tiến vào vùng có bộ-lạc Pih ở Tây-Bắc Banmethuột. Nghĩa-quân Thượng ở đây dưới sự chỉ huy của Tù-trưởng Ngeuh tấn công quân-đội của Bourgeois rất mạnh tại Bun Tour. Bourgeois tức lắm hạ lệnh đốt Bun Trar để trả thù và tiến đánh Bun Teuah là nơi Ngeuh cố thủ-cuộc giao phong lại trở nên gay gắt hơn các nơi khác và khiến một số lính của địch bị thương nhưng cuối cùng vì địch có tiếp vận hùng hậu nên đồng bào thượng không kéo dài chiến cuộc được phải bỏ «Bun» rời vào trong rừng. Để nghĩa-quân và dân làng mất đất dung thân, nhất là về phương-diện kinh-tế,

Bourgeois đặt luôn một đồn lính ở Bun Tour. Từ-trưởng Ngeuh chưa chịu khoanh tay nhìn giặc xâm chiếm cơ-sở của mình, một tháng sau mang quân hai lần về đột kích đồn của giặc tại đây.

Cũng năm ấy (1900) lãnh tụ dân Sedan tại miền Thượng du Quảng-Nam tên là Thăng-Mậu đã nổi lên ở Phrong-xá vào tháng 9 và tháng 10 Giám-binh Haguët cùng Thiếu-ủy Ario, Bréguet đem quân đến đánh dẹp Thăng Mậu — Tới nơi quân Thăng Mậu đã biến mất và trên đường về địch bị nghĩa-quân phục kích ở cạnh một vực sâu trên một con đường cao vòng quanh núi đèo. Địch ngã xuống vực sâu, một số sa vào hố có cọc nhọn đâm chết khá nhiều — Nhưng rủi cho Thăng Mậu không bại về việc kháng Pháp vua bị hai tên Quân Thượng phản-động ở Mang-ta và Trê-Văn chỉ đềm giúp Bréguet bắt sống được.

Trong giai đoạn này, đồng bào Thượng ở An-Khê (Bình-Định) cũng không thúc thủ nhìn quân không cướp nước. Từ-trưởng Vô Trụ đốc quân chống Pháp và cuộc chiến đấu của đồng bào Thượng ở đây

khác các nơi khác ở chỗ Kinh — Thượng liên minh. Ngày 5-1900 hai ông Đề Nam và Chu Su đã tổ chức được một lực lượng nghĩa quân để hợp tác với Vô Trụ.

Cuối năm 1902 nhân dân vùng Trê-luong-pê (thuộc tỉnh Phan Rang) đã rào làng, giăng bẫy, cắm chông chớ giặc mở cuộc càn quét. Nghĩa quân chia làm hai phần nấp sau các công sự trong làng vừa đánh ra vừa giữ làng, một phần phục kích ngoài làng đón giặc tới. Ngày 13-12-1902 quân của thực dân vừa tới đã bị tên thuốc độc bện ra như mưa vào, làm bị thương tên Giám-binh Pháp, một Tri-huyện, 4 lính khổ xanh và bắn chết một tên. Việc này xảy ra cách Trê-luong-pê 8 cây số trên con đường hẻm bên bờ sông Đa-chir-mang. Bị đánh bất ngờ, quân Pháp chạy tán loạn. Nhưng đến một chỗ quẹo của sông Đa-chir-mang, nhìn qua những rặng cây thưa, giặc thấy nghĩa quân đang lấp tên vào nổ, chúng dùng súng bắn lại. Nghĩa quân cầm cự trong hai tiếng đồng hồ rồi rút đi. Riêng tên Giám-binh (Canivey) bị 4 mũi tên, một tên cắm vào tới phổi. Còn nghĩa quân thiệt mất

2 người. Bọn này xuất phát từ Tam-bát, mang-linh, tổng có 20 lính Pháp, 15 ngụy binh người ta, đi từ ngày 6-12-1902.

Làng của nghĩa-quân ở ngay bên bờ sông.

Con sông này sâu và rộng chừng 400 thước.

Xung quanh làng là lũy tre dày tới 20 thước và vào làng chỉ có một con đường nhỏ hẹp và phải qua một cái cổng gỗ rất vững chắc.

Như trên chúng tôi đã nói, tình thế không cho phép một lực lượng yếu kém về cơ-giới kéo dài trận đánh nên khi thấy bất lợi, nghĩa quân phân tán. Trong khi đó giặc bắt 2 người dân dẫn vào làng, sạo sục bắt thêm một đàn ông, 6 đàn bà và 3 tù binh Pháp nghĩa-quân không kịp mang theo. Sáng hôm sau Canivey dùng thủ đoạn thả 2 người đàn bà về, đến trưa thả thêm một người nữa và dụ dỗ họ rằng: bảo dân làng đừng sợ, cứ ở nhà những người bị bắt sẽ được tha hết. Rồi Canivey mang quân tới thì lại bị phục kích và dân làng lại chạy cả vào rừng chúng không thâu được kết quả lại phải kéo nhau ra về.

Tháng 9-1903 người thượng ở Quảng-ngãi đã chặn đánh quân của giám binh Haguët ở vùng Lang-mót.

Tháng 2-1904 hơn 100 nghĩa quân cắm chông ở đèo Đachát làm cho nhiều ngụy binh và giặc Pháp từ nước Vang xuống bị thương.

Đến tháng 1-1905 dân thượng ở Pa-tao-poui (Qui-nhon) đã bố trí một cuộc bao vây 150 lính khổ xanh do giám-binh Renard dẫn đầu. Tất cả những cuộc nổi dậy ở đây có tính cách lẻ tẻ nhưng có tiếp nối đã làm cho giặc Pháp mệt mỏi nhưng không thể có tương lai được sau khi thực dân đặt xong guồng máy thống-trị ở miền kinh rồi giặc lan tràn dần lên các vùng sơn cước. Quân cô, thế yếu, tiếp vận khó khăn và không đều

**DECAPAN**

THUỐC THOA.CHUYÊN  
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI  
DA.

hoà thì cuộc kháng chiến chỉ có tính cách nhất thời mà thôi. Rồi Tây-nguyên cũng bị chiếm đóng dần cho tới hết nhưng ít ra đồng bào thượng cũng tỏ cho giặc biết họ không hèn. Chúng tôi xin kể tiếp các cuộc võ trang tranh đấu của các sắc tộc khác ở những vùng thượng khác để các bạn nhận định rằng cho tới ngày Pháp thôn tính trọn vẹn toàn thể lãnh thổ Đông-Dương, chúng đã phải đương đầu với khắp mọi tầng lớp sĩ-dân và mọi sắc-tộc của bán-đảo này,

việc chinh phục của chúng quả đã đòi phí khá nhiều xương máu và nước mắt trong cuốn «Grauseur et servitude coloniale» vinh nhục của nghề đi chiếm thuộc địa, Albert Sar-raut đã từng thổ lộ nhiều tâm sự bi-đau như trên.

#### CHÚ THÍCH :

Trên vùng Phú-thọ (châu yêu-lập) có thứ nhựa cây sui cũng làm chất độc bôi vào mũi tên giết người rất lẹ.

### Da Đen Làm Sao Trắng

Thí dụ : những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hết đen được, bằng cách : tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, nắng tắm và kỳ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiềm giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sống chế được thứ kem và phấn vừa dễ trang điểm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAKAO.



## Hắn

Hắn !

Chết mẹ

Chết cha

Bốn bề không nhà

Mười phương nương náu

Khờ quá !

Không một cô, dì, chú cậu

Ăn nhờ ở đậu

Chẳng biết nhà trường

Chỉ biết phố phường

Đầu đường

Xó chợ

Có lúc làm nghề ở đợ

Có lúc làm nghề đánh giày

Thảm thay !  
Không may  
Bị bắt  
Họ gán hẳn theo đạo tặc !  
Ba tháng tù ra  
Hẳn thù  
Hẳn ghét  
Hẳn làm đạo tặc  
Hẳn thét la ca hát  
Mười bốn tuổi đời tâm hồn tan nát  
Xa lánh thiên đường tìm về tội ác  
Tuổi thơ ngỡ ngác  
Tan nát  
Vì ai ?  
Chiến tranh ?  
Xã hội ?  
Tù tội ?  
Không may ?  
Thảm thay  
Cay nghiệt  
Nỗi lòng hẳn ai hay, ai biết  
Đưa hẳn khỏi con đường mờ miệt thảm u  
Tù  
tội

VÕ-THANH-SƠN  
(Gia-định)

LÀ THƯ ĐỨC QUỐC

# Mua sắm theo những «QUYỀN MẪU HÀNG»

★ ĐÀO THỊ NGỌC DIỆP  
(Munich)

1 khía cạnh của kỳ quan  
kinh tế

Ai cũng biết Tây Đức sau chiến tranh thế giới thứ II nền kinh tế rất kiệt quệ nhưng đã phục hồi một cách nhanh chóng. Hiện nay theo những người đi du lịch hoặc sống ở Tây Đức có thể nói dân chúng Đức có mức sống khá cao. Nhiều thống kê cho biết tiền lương người Tây Đức kiếm được hàng tháng, ngoài việc chi dùng và ăn uống, số còn lại họ để dành cho việc du lịch và mua sắm đồ đạc, áo quần. Mà quả thật người Tây Đức rất thích

mua quần áo đồ đạc và trang hoàng nhà cửa. Tại các tỉnh ở khắp Cộng-Hòa Liên-bang-Đức, đâu lớn hay nhỏ người ta cũng thấy nhan nhản các cửa hàng bán quần áo máy móc, đồ đạc... Thế vẫn chưa đủ, vì ở Đức còn có nhiều hãng bán các thứ hàng theo các «quyền mẫu hàng» (Catalogue).

Hàng của 4 mùa :

Thường thì các hãng bán hàng theo «quyền mẫu» bán đủ loại : quần áo đàn bà, đàn ông, trẻ em, máy móc, đồ đạc... Từ những thứ lớn

nhất, công kênh nhất như đồ đặc cho phòng ăn, phòng ngủ, đến những thứ lật vật như tách chén, muỗng đĩa, kim chỉ, cả đến các đồ nữ trang cho các bà các cô, đồng hồ, nhẫn cưới v.v., đều có thể đặt mua ở các hãng này được. Các mẫu hàng ghi trong «Catalogue» được trình bày xếp đặt một cách rất khoa học, thứ tự và linh động. Ví dụ đầu quyển là hình ảnh về mẫu áo cho các bà, với đủ màu sắc, đủ các kiểu áo và các cỡ to nhỏ khác nhau. Hết lớp quần áo đến máy móc dùng trong nhà; vô tuyến truyền hình (đen trắng hoặc màu), radio, máy ghi âm... rồi đến các loại máy làm bánh, bếp điện, lò điện quay gà, hoặc là đồ chơi cho các trẻ em như em dây búp bê, súng bắn, xe lửa, xe hơi, xe đạp v.v...

Mỗi mẫu hàng đều kèm theo giá tiền và những giòng mô tả đặc tính của từng thứ cùng màu sắc, vì sách in màu hình như đồ thực.

Ở nước Đức mùa đông khá lạnh, và mùa hè cũng nóng gần bằng Việt-nam mình, vì

thể sách in ra để bán theo «Catalogue» cũng theo mùa, 1 năm in ra 2 lần vào mùa hè (cùng với mùa xuân) và mùa đông (cùng với mùa thu). Về mùa hè bán các loại như: quần áo nhẹ và mỏng để mặc trong những ngày tiết trời dịu dàng hoặc nóng bức, áo tắm cho các bà các cô, các loại hạt giống trồng hoa, máy cắt cỏ (vì mùa đông lạnh quá, các loại hoa và cỏ không mọc mà chỉ bắt đầu xanh tốt khi xuân sang kéo dài tới hết hè!) Đặc biệt trong mùa hè là mùa du lịch nên các hãng bán được rất nhiều đồ cắm trại như nồi niêu song chảo, bập gaz, trại bằng vải bạt «ba lô» bàn ghế nhẹ nhàng bằng plastique v.v.. Về mùa đông thì bán đặc biệt các áo manteau dày, áo lông, áo len, đồ dùng cùng quần áo đặc biệt để mặc khi đi trượt tuyết v.v...

### Thẻ thức mua bán:

Mỗi hãng bán hàng theo mẫu in trong sách có 1 trung tâm, tạm gọi là nơi để sản xuất và chứa hàng. Hãng có nhiều cửa sổ đại diện tại các tỉnh, đại diện hãng có nhiệm vụ phục vụ khách hàng, chẳng

như sau khi 1 chiếc máy nào bị hư có thể mang lại đại diện của Hãng (nơi mình ở) đại diện hãng này sẽ giữ về trung tâm sửa cho mình. Còn những nơi quá nhỏ như quận làng thì không có đại diện của hãng. Đến đây ta tự hỏi: Nếu ở nơi đèo heo hút gió mà muốn mua 1 bộ phòng ngủ, phòng ăn công kênh thì sao? Câu trả lời sẽ là dù ai ở tận «góc bể chân trời» mà muốn mua bất cứ thứ hàng gì của Hãng đều được thỏa lòng ước nguyện. Trong mẫu hàng mỗi thứ hàng đều có 1 số riêng, cùng số trang in trên sách khi khách cần mua thứ gì chỉ việc viết số riêng của mẫu hàng» cùng giá tiền là được rồi Hãng còn in các giấy sẵn, cùng phong bì có sẵn địa chỉ của hãng. Khách hàng gửi phiếu đặt mua hàng không cần dán tem vì hãng sẽ thanh toán riêng phí khoản này với nhà bưu điện. Tóm lại với những hãng bán hàng theo «Catalogue» này thì khách hàng là vua» như lời họ thường quảng cáo.

Nếu khách hàng «đại lãn» không muốn viết phiếu đặt hàng, có thể gọi giấy nói ngay cho hãng để đặt. Ngoài giờ

làm việc (khoảng từ 17 đến 7 giờ sáng) những lời khách nói qua điện thoại được thu vào máy ghi âm, và sáng hôm sau các nhân viên sẽ quay băng lại để nghe rồi gửi hàng theo lời khách yêu cầu. Ngày lễ và chủ nhật cũng có thể đặt hàng qua điện thoại như thể thức bên trên. Thường thì sau khi đặt hàng trong vòng từ 3 đến 4 tuần hãng sẽ giao hàng.

Trường hợp khách mua các đồ đặc công kênh như bàn ghế, giường tủ v.v.. hãng sẽ chuyên chở đến tận nhà (không phải trả cước phí chuyên chở). Những hàng gọn gàng như quần áo, vải vóc, đồ chơi v.v... hãng sẽ gửi bằng đường bưu điện (có thể nói không có trường hợp mất xảy ra, khi gửi bằng bưu điện). Đặc biệt là khi đặt mua hàng khỏi cần trả tiền trước, vì khi nào khách nhận hàng mới trả tiền cho người giao hàng, hoặc trả cho bưu điện theo lối lĩnh hóa giao ngân. Nội trong 3 tuần khách không ưng ý thứ hàng họ đã mua có thể trả lại hãng, với điều kiện phải trả cước phí chuyên chở.

Hàng mua theo Catalogue còn được mua theo lối trả góp một cách dễ dàng. 1 bộ salon giá 300 Dollars khách hàng có thể trả góp từ 24 đến 36 tháng tùy theo hoàn cảnh tài chánh của họ, mà chỉ phải chịu số lời rất nhẹ khoảng 50% (năm phần trăm) trong cả năm. Hàng bán theo Catalogue không đắt, mà có nhiều thứ còn rẻ so với giá mua ngay ở tiệm ở Tây Đức có 2 hãng lớn nhất bán các hàng « thập cẩm » theo Catalogue là hãng Quelle và Neckermanu, còn có nhiều hãng khác chỉ đặc biệt chuyên về đồ trang sức quần áo, chăn đệm, vải vóc, hoặc các hãng bán đồ gỗ. Riêng những hãng chỉ bán quần áo hoặc đồ gỗ thì có khá nhiều.

### Kỳ quan kinh tế bên Đông Đức

Không phải chỉ ở Tây Đức mới có lối mua hàng theo sách mẫu kê trên mà ở Đông Đức cũng có lối mua hàng này nhất là kể từ mùa đông 1969/1970. Chỉ khác là ở Đông Đức mấy năm trước đây người dân chỉ mua những thứ gì họ được phép mua chứ không phải

những thứ gì họ muốn, chẳng hạn nhiều người nghiện cũng không mua được thuốc lá thơm để hút, hoặc các cô gái Đông-Đức khi vào nơi giải trí như tiệm nhảy hoặc quán cà phê giải khát thấy ai từ Tây Đức sang sẽ nhờ mua dùm vợ, son phấn v.v... những thứ mà ở Đông Đức không ghi và bên ngoài cũng khó mua được.

Nhưng bây giờ ở Đông Đức tình trạng đã khả quan hơn: dân chúng ở Đông-Đức cũng được mua những thứ gì họ cần. Cách đặt hàng bên Đông-Đức cũng tựa như Tây Đức vậy, nhưng có 1 vài điểm đặt biệt hơn là giúp đỡ các gia đình đông con: thường thì khách hàng được mua theo lối trả góp với tiền lời 5% 1 năm (năm phần trăm), riêng đối với gia đình có 3 con hoặc các người già cả về hưu chỉ phải trả 30% lời khi mua theo lối trả góp. Gia đình nào từ 6 con trở lên mua trả góp khỏi phải chịu lời. Đông Đức có bán đủ các loại hàng: từ đồ dùng nhỏ đến đồ dùng lớn, đồ đạc trong phòng ăn, phòng ngủ, máy khâu đồ bếp núc v.v.,

nhưng đặt biệt là không bán máy vô tuyến truyền hình, có lẽ vì ngại vấn đề «chiến tranh tâm lý?».

So với giá hàng của Tây Đức và Đông Đức, cùng phẩm chất thì hàng của Đông Đức rẻ hơn bên Tây Đức nhiều (vì đời sống ở các nước Cộng sản thường rẻ hơn ở các nước Tây-Âu) thành ra có nhiều hãng bán hàng theo «Catalogue» ở bên Tây Đức đặt mua hàng từ Đông Đức để bán lại cho dân chúng Tây-Đức. Hiện ở Đông Đức có 2 hãng lớn bán hàng theo «Catalogue» là hãng Centrum và hãng Konsument. Bên Đông Đức tính cho đến năm 1972 hãng sẽ bán tới 4000 loại hàng khác nhau cho 3 triệu khách trong 1 năm, trong khi hiện tại chỉ mới có 1300 loại hàng khác nhau.

Tuy nhiên phải nói rằng dù tình trạng kinh tế Đông Đức cũng đạt đến 1 «kỳ quan» so với các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa, và trong «Catalogue» dân chúng đã được tự do mua nhiều món hàng nhưng không phải ai cũng có tiền để sắm sửa.

Trong bao nhiêu năm qua nhiều người Tây Đức có bà con họ hàng ở bên Đông Đức đã gửi qua cho thân nhân vào dịp Noel đủ thứ hàng, như một hình thức tiếp tế, từ: vải vóc, áo quần cho đến thực phẩm như đường và hoa quả v.v...

### Ưu điểm của lối mua hàng theo sách mẫu

Mua hàng theo Catalogue có điều rất tiện là tiết kiệm được thì giờ. Chẳng hạn người ở những nơi hẻo lánh như làng, quận v.v... mỗi khi muốn mua 1 thứ máy móc hoặc đồ đạc gì thì — như đã kể — chỉ cần viết 1 phiếu đặt hàng sẽ được như ý, khỏi mất thì giờ lên tỉnh. Rất nhiều người chỉ mua hàng theo Catalogue mà rất hài lòng về các thứ hàng họ đã mua (các hãng cũng không thể làm ăn cầu thả được vì vấn đề cạnh tranh, phẩm hàng dở sẽ bị đào thải).

Có một số (không phải là tất cả) các tài tử vô tuyến truyền hình, điện ảnh v.v... thích mua hàng theo lối Catalogue này. Thường họ giàu

sang, có 2,3 chồn đi về, nơi để ở, nơi đóng phim, nghỉ mát. Việc mua sắm đồ dùng đầy đủ cho căn nhà không phải là giản dị, vì phải mua từ nào là chăn đệm, màn cửa, thảm, mắc áo, bát đĩa, nào là Phòng ăn, phòng ngủ v.v... Dĩ nhiên nhiều tài tử ngoài việc « Shopping » biểu diễn ít ai để thì giờ mua sắm chi ly mọi cái (các tờ báo via hệ Âu mỹ via hệ đăng tin Sophia Lorenz nếu xuất hiện trong mỗi phút quảng cáo kiếm tới 10.000 Dollars!) mà giao cho người khác mua chưa chắc họ đã ưng ý, chỉ bằng họ mua đồ đặc theo Kataloge là tiện hơn cả. Khi cần hãng có thể gửi người tới góp ý kiến trong việc mua các món hàng.

Riêng các hãng bán hàng theo Catalogue nếu được các tài tử « chiến cổ » đến là một hân hạnh lớn lao và họ không quên lợi dụng dịp này để quảng cáo. Chẳng hạn hãng bán hàng theo Catalogue Becker (chuyên bán các đồ gỗ cho phòng ăn, phòng ngủ) được các tài tử Hildegard Knief Nadja Tiller, Marianne Koch ... mua đồ đạc đã quảng cáo

rùm beng với lời khen của Hildegard Knief như sau: « Chồng tôi và tôi rất thích đồ đạc của quý Hãng, tôi hân hạnh giới thiệu với các khách hàng. Katalog : Nhịp cầu thương mại

Đến đây ta tự hỏi: Khi mua hàng lấy đâu mà có quyển Catalogue? « thì chính hãng đã » lo dùm « ta việc này, hoặc ta có thể đến các cơ sở đại diện của Hãng ở tỉnh mình ở để lấy quyển catalogue không mất tiền, còn như ở chốn heo lánh xa xôi hoặc lười đi thì chỉ cần viết 1 tấm thiệp cho hãng chính, trong vòng 2 tuần sau hãng sẽ gửi tới 1 quyển catalogue dày 300 đến 700 trang khổ lớn mà người nhận khỏi cần trả cước phí bưu điện. Có khi chính hãng cho người đi bỏ những tờ quảng cáo « biểu » sách mẫu vào thùng thư mọi nhà để tạo duyên tri ngộ. Ai muốn chỉ việc điền tên họ địa chỉ mình gửi đi không cần dán tem là có sách về tận tay để tha hồ « nghiên cứu » sắm sửa! Kể ra cũng là 1 cách « kêu gọi » kiến hiệu túi tiền của thế nhân!

ĐÀO-THỊ-NGỌC-DIỆP

**Bông sen đẹp ở giữa ao hồ  
vẫn đục hay là một kẻ sĩ  
không khoa giáp cụ :**

**NGUYỄN - TRI - PHƯƠNG**

□□□ ĐÔNG TÙNG

« Đằm xuyết hữu hồn  
hương mãn địa  
sinh nè bất nhiễm tinh toàn  
thiên.»

(LIÊN HOA QUÂN - TỬ)

**M**ỖI khi viết tới một nhân vật lịch sử, người ta thường đề cập tới :

A) Chính nghiệp (sự-nghiệp chính-trị)

B) Quân nghiệp (sự-nghiệp quân sự) cũng gọi là quân công.

C) Văn nghiệp (sự-nghiệp văn-hóa hay văn chương).

Căn cứ vào những tiết mục trên, nên từ trước tới nay, khi đề cập tới Cụ Nguyễn-Tri - Phương, người ta chỉ nói nhiều về chính nghiệp và quân công của cụ. Vì Cụ xuất thân chỉ là một chân trắng malam tới chức Vũ đầu triều, cụ không phải là một võ quan mà cũng có những võ công bình định giặc Miên, giặc Mọi ở Lạc-Hóa, chống cự quân Pháp ở Đà-Nẵng ở Gia-Định thành, ở Hà-Nội, cuối cùng là gia-đình cụ cả ba bốn con anh em đã hiến mình

cho đại nghĩa quân - vương, dân tộc (Nguyễn-Tri-Phương), Nguyễn-Duy Nguyễn - Lâm cùng bỏ mình trong cuộc thất thủ Hà-nội lần thứ nhất vào ngày 20-11-1873).

Khi viết về Nguyễn-Tri-Phương, người ta ít nếu có cũng chỉ sơ sài đề cập tới những nét cá biệt của cụ, đó là :

«Bông hoa sen đẹp ở giữa ao hồ vẫn đục, hay là một kẻ sĩ không khoa giáp».

### Bối cảnh lịch sử

Thời Cụ Nguyễn - Tri-Phương nền hành chánh hãy còn thô sơ, quan cai-trị địa-phương phủ hay huyện, về chính chức chỉ có tri-phủ hay tri-huyện, về giáo chức thì có viên giáo thụ hay Huấn đạo là chính-thức, các viên chức này do Cử-nhân Phó-Bảng hay Tiến-sĩ bổ dụng ra. Còn những người phụ trách về văn-phòng người ta gọi chung là Nha lại : ( Đề-Lại, Thông-lại, Thông Nhất, Thông-Nhi, Thôn-Ba ) chỉ là những người biết chữ nghĩa ít nhiều

rồi xin vào làm việc, làm lâu lên dần.

Mẫu người viên chức phụ thuộc này là cả một cái gì hết sức cận hạ trong chế độ phong kiến. Vì bọn người đó thường lang bãi với bọn cường hào ác bá nông thôn : Cai-tông, lý-trưởng, hương-hào... để đục khoét và bóc lột dân chúng.

« *Lạ gì là thời nha  
Làm cho khốc hại chẳng qua  
vi tiền* »

( NGUYỄN-DU )

Đề phản ảnh những hành-động gian manh của bọn người nha lại. Tục-ngữ Việt-Nam có những câu :

« *Quan tha ma bắt* »

Và

« *Chồng con có đại, cho ở với  
thầy đề lại cũng khôn* »

Và

« *Tới phủ huyện nha là  
nhà anh chày  
Tiền vào cửa quan như than  
vào cửa lò  
Được kiện mười bốn quan  
năm  
Thua kiện mười lăm quan  
chẵn* »

«  *Ai muốn coi mà, tới huyện  
nha thì thấy  
Bỏ mặt làm lý, như thầy  
thông nhì ở huyện  
Nói bù lu bù loa như ông  
thông ba ở phủ  
Nghe lời ông Đề ruộng bề  
bề bán hết* ».

Đề cảnh giới cho bọn người này bằng luật « Nhân quả » của nhà Phật tục ngữ Việt-Nam cũng có câu : « một đời đề lại, vạn đại ăn mày ».

Người ta bảo rằng phủ huyện nha là một ao tù vẫn đục đầy rày mùi hôi hám trong xã-hội phong kiến Việt-Nam.

Ấy thế mà nhà Tiên liệt Nguyễn - Tri - Phương, một nhân vật thượng đỉnh trong xã-hội Việt-Nam vào lúc Nguyễn triều mặt diệp lại là kẻ xuất thân trong đám người nha lại ấy. Bởi vậy phải nói Cụ là một bông sen đẹp ở giữa một ao tù vẫn đục. Vì như Cụ mới thiết đúng với những câu :

« *Nhụy vàng bông trắng là  
xanh  
Gần bùn mà chẳng hôi tanh  
mùi bùn* »

Và

« *Điềm xuyết hữu thần  
hương mãn địa  
Sinh nê bất nhiễm tinh toàn  
thiên* ».

Tạm dịch :

« *Điềm xuyết tài tình hương  
ngát đất  
Gần bùn mà chẳng vương  
hôi tanh* ».

Cụ Nguyễn-Tri-Phương người làng Chi-Long, huyện Phong-Điền tỉnh Thừa-Thiên và đương sơ Cụ cũng là viên lại mục ở huyện này.

Xuất thân trong đám người ô trọc, bần thiêu ấy, đời Cụ không khỏi có những tự ty mặc cảm vô lý. Chúng có là trong một bức sớ dâng về cho vua Tự-Đức, trong khi Cụ trấn giữ Hà-nội năm 1873, bị giặc Pháp khiêu hấn, cụ cương quyết bố trí kháng cự, quyết thề một mất một còn với thành, Cụ viết :

« — Hạ thần tuy xuất thân là một người thuộc lại, nhưng lòng trung quân ái quốc vẫn không có gì khác với những bậc sĩ phu trong khoa giáp »



(thần tuy lại đả xuất thân nhi ái quốc trung quân hiện dự khoa giáp sĩ phu vô dị).

Ồi ! Thiệt là sai lầm lịch lạ. Sao lại chỉ bọn người biết l' n thơ, phú, kinh nghĩa, văn sách để đi thi đậu Cử-nhân, Phó-Bảng, Tiến-sĩ rồi ra làm quan mới biết trung quân ái quốc ?

Cụ Nguyễn-Tri-Phương chưa thấy đó sao ? Bọn người khoa... bâng vào mặt điệp Nguyễn-Triều là bọn người chấp mê thủ cụ nhất, dốt nhất mà cũng là hèn nhất nhất

Trước thời cuộc tình hình thế giới biến chuyển, trước họa xâm lăng của bọn tư bản đế quốc Tây-Phương đã bày ra trước mắt, mà những bản điều trần đề nghị cải cách của Nguyễn - Trường - Tô, Phạm Phú Thứ, Bùi-Viện v. v... mà Nguyễn Triều không thực hiện được chút nào, đâu phải là lỗi; hoàn toàn ở vua Tự-Đức ! Mà bọn người này cũng phải liên đới chịu trách nhiệm trước lịch sử.

Chúng cơ là người ta kể chuyện, có một vị quan đầu

triều lúc đó đã phê vào cấp bát điều luận» (tám việc của một cá nhân như vậy : «Nhật bản áu quá độ, bất miễn luân vi đi». Nghĩa là : nước Nhật bản say sưa chạy theo Âu-Mỹ quá, không khỏi trở thành mọi rợ.

Rồi tới khi giặc Pháp tới công phá Đà-Nẵng, rồi Gia-định thành, trừ một số đám chủ trương đánh giặc cứu nước trong đó có cả Nguyễn-Tri-Phương, ngoài ra bọn hoa hốt Trám bào kia lại chủ trương hàng giặc, vì hèn nhất cầu an tệ hơn thế nữa bọn người hèn nhất đó còn dám chửi vào mặt những kẻ dám chủ trương đánh giặc cứu nước như Tôn-Thất-Thuyết là « Ngu » ( Viêm khùng, Thuyết ngu ) là « Khùng ».

Thiệt vậy, Nguyễn Triều mặt điệp, ảnh hưởng Tống Nho sâu đậm, bá quan Văn Võ chỉ là một bọn người tối om trước thời cuộc, trong khi chính người bình dân lại sáng suốt hơn, cho nên họ đã nói :

« Văn-Miêu trông thông, Võ Miêu trông bàng

Trông lên xã tắc hai hàng mù u »

Và

« Sóng Hương nước chảy lờ đờ

Dưới dòng dĩ điểm trên bờ vua quan »

Đề mĩa mai cái bọn người lúc thanh bình thì dành nhau quyền lợi địa vị, tới phút lâm nguy của triều đình xã-tác thì lại tỏ thái độ hèn nhất muốn hàng giặc để cầu an, không quên viên ra những lý lẽ vì định mệnh, phải biết tùy thời :

« Văn khen văn giỏi, Võ nói võ tài,

Có sau mà cửa Thuận-An thất thủ, Trần-Bình đi cò xiêu ».

Bọn người này đâu phải kẻ sĩ, mà chỉ là những anh chàng biết chữ, biết làm thơ, phú kinh, nghĩa để đi thi cho đậu Tú-Tài, Cử-nhân Phó-Bảng, Tiến sĩ, rồi ra làm quan.

Nhân nhắc tới danh từ « Kế sĩ không khoa giáp » Nguyễn-Tri-Phương làm ta liên tưởng tới vấn-đề : khoa học thức, trí thức bằng cấp, kế sĩ, khoa bảng v.v...

Trong bài Tống Nho và đạo học Khổng-Mạnh của nhà Tiền bối Cách-mạng Huỳnh-Thúc-Kháng đăng ở báo Tiếng-Dân năm 1932, cụ có kể lại một câu chuyện cũ như thế này :

Khi Quang Trung Nguyễn-Huệ đại phá 20 vạn quân Thanh, Bình định xong Bắc Hà, có một ông Thám-Hoa tới yết kiến và xin bổ dụng.

Vua Quang-Trung hỏi :

— Ông là cái gì ?

— Tôi là Thám-Hoa ;

— Thám Hoa là cái gì ? Có làm được Chánh-tổng không ?

Rồi Cụ Huỳnh viết tiếp : « Máy anh viết sử triều Nguyễn, khi nhắc tới sự việc trên, cho Nguyễn-Huệ là một người dốt nát, dốt đến nỗi không biết Thám Hoa là cái gì ? Thám Hoa người ta có

thê bỏ làm chúa tể, hay chủ trương một bộ, hay nhiếp lý triều chính, mà hẳn ta lại hỏi có làm được Chánh tể không ? »

Trình bày như thế rồi Cụ Huỳnh kết luận : « Nhưng theo thiên ý chúng tôi thì lại nghĩ khác, ý giả vua Quang-Trung vị anh hùng dân-tộc chúng ta, không cho bọn người ấy ra gì. Ví dụ ông Thám Hoa kia, có thể là một anh chàng biết làm thơ, phú. Kinh-nghĩa văn sách để đi thi và đậu Thám hoa, chứ nếu cho làm chánh tể, chưa chắc đã làm xong xuôi trót lọt hết. Vì trí thức trong sách vở, vả chăng bọn người đó cũng chưa chắc đã là người có học thức trong sách vở nữa.

Nếu như cụ Nguyễn-Tri-Phương ý thức được vấn-đề minh bạch như Minh - Viên Huỳnh-Thúc-Kháng thì không bao giờ cụ lại có mặc cảm để viết ra như trên.

Đề hiểu về danh-từ kẻ-sĩ ngày xưa với người trí-thức hiện-đại, chúng ta cũng cần phải tìm hiểu thêm :

Giáo-sư Vũ-Ký, trong cuốn «Đạo Làm Người» của Nguyễn-Công-Trứ, ở trang 43 ông viết :

«Ta thử tìm hiểu trong ngôn-ngữ hiện-đại một tiếng có nội-dung tương đối với danh-từ kẻ sĩ. Hãy tạm chọn tiếng trí-thức vậy.

«Thời nay, trí-thức có thể xem là phản-ảnh của kẻ-sĩ thời xưa chăng ? Một phần giống, nhiều phần khác nhau giữa hai con người ấy vì xã-hội, thời-đại đã đổi khác nhau nhiều rồi.

«Trong một bài diễn-văn đọc ở Los-Angelès năm 1954, cựu Tổng-Thống Eisenhower định-nghĩa trí-thức là «người dùng rất nhiều chữ để nói những điều mà họ biết rất ít». Đó là một lối định-nghĩa rất trào-lộng.

«Cuốn tự-điền ở Mạc-tư-khoa định-nghĩa :» Trí-thức là những thành-phần không hợp thành giai-cấp và không tham-gia về hệ-thống sản-xuất trong xã-hội». Quả thực là một lối định-nghĩa quật ngược chân-lý của chế độ tư bản.

«Khi vụ án Dreyfus đang sôi-nổi ở Pháp, liên-quan tới

trí-thức, có người cho rằng trí-thức là những người bất-lực, bất-lực vì không thể đi lính mà cũng không làm thợ được.

«Ông Lâm - Ngữ - Đường trong cuốn sách «sống-đẹp» thì lại viết : «Những triết gia, những vị giáo-sư đại-học, nói chung là người trí-thức, càng giảng-giải một cái gì, thì người ta lại càng không hiểu về cái đó».

Những định nghĩa đó có tính châm-biếm trên đây, nếu có đúng thì cũng chỉ đúng với những người có học-thức trong sách vở để đi thi lấy bằng cấp ngày nay hay khoa-bằng ngày xưa, chứ không phải là loại trí-thức sống-động mà người ta thâm lượm được ở ngay thực-tiền cuộc sống ở trường đời, loại trí-thức mà Cụ Nguyễn-Tri-Phương có để xây-dựng quần-công, chính-nghiệp và công-tác xã-hội của Cụ.

**Tiết thân nhờ một bản án :**

Khi bàn tới vấn-đề xử-án,

người ta chỉ cho rằng đó là vấn-đề thuộc lãnh-vực pháp-luật hay là chuyên-môn về Tư-pháp.

Nhưng, nếu ta kết-hợp hai vấn-đề tư-pháp và xã-hội thì lại thấy trong nhiệm-vụ tư-pháp vẫn mang nặng tính-chất xã-hội vì có thực-hiện được tư-pháp công-minh, đứng-đắn mới bảo-đảm cho xã-hội công-bình được.

Có người, nhất là các cụ đồ nho, thường có quan-niệm cho rằng chỉ có chế độ đức-trị của Ngũ-đế, Tam-Vương thì pháp-luật mới mang nặng tính-thần đạo-đức, luân-lý, giáo-huấn, còn trong chế-độ pháp-trị, từ Tử-sản, Hàn-Poi, Thương-trương trở về sau thì chỉ có tính-cách trừng-trị mà thôi.

Hiểu như vậy, thiệt không có gì sai hơn, vì đặt ra pháp-luật, áp-dụng pháp-luật cho công-minh, lại không phải là thực-hiện những tiêu-chuẩn đạo-đức, làm cho xã-hội an-ninh, công-bình, hoan-lạc hay sao ?

Bởi vậy, bản án mà Cụ Nguyễn-Tri-Phương làm khi Cụ còn làm lại mục ở huyện Phong-Điền là một công-tác xã-hội đầu tiên trong đời cụ. Cũng như trí-tuệ sáng-suốt, đức-tính công-bình mà đặt được viên đá đầu tiên để xây dựng lâu-dài sự-nghiệp bất hủ của Cụ.

Theo truyền thuyết : Vào triều Minh Mệnh, ở huyện Phong-Điền có xây ra một vụ án mạng cực-kỳ bí mật, trải qua hai viên tri-huyện mà không ai tìm ra kẻ sát nhân.

Mãi cho tới Ông huyện thứ ba vừa lúc Cụ Nguyễn-Tri-Phương được bổ làm lại mục ở huyện này, ông Huyện sai Cụ đảo lại hồ-sơ nội-vụ để xét lại.

Cũng như tất cả những ông huyện và nha lại trước, trong hồ-sơ nội-vụ không thể tìm ra được một ánh sáng nào hết.

Cụ Nguyễn - Tri - Phương mới đọc và nghiên-cứu lại hồ-sơ, thì thấy trong khâu-cung của người vợ kẻ xấu số, có khai một câu, khi chồng y thì

bị gết rồi, thì có một người ttong xóm tới cửa ngoài hỏi vọng vào : « Anh có ở nhà không chị ? ».

Đó là tia ánh sáng đầu tiên, mà Cụ đặt ra vấn đề tiếp-tục điều tra tìm ra hung-thủ sát-nhân.

Cụ lý-luận rằng : « Đáo môn hô ty dĩ tri gia nội vô huynh,

Nghĩa là :

Tới trước cửa người mà gọi chị, thì đã biết trước rằng ở trong nhà không còn anh nữa.

Đây là một thủ đoạn đầu lạc-hướng điều-tra của nhà chức-trách mà hai ông huyện và bọn nha lại trước đã mắc

Nhờ tia sáng đầu tiên đó, mà cụ tiếp tục điều-tra vụ án bí-mật này tới thộ lý mà không cần dùng tới roi vọt tra tấn gì cả.

Sau khi điều tra vụ án bí mật này, ở địa-phương đã tặng cho Cụ cái biệt danh « Bao-công Việt-Nam ».

Đại-Nam Nhất thống chỉ chép rằng : Bản án ấy, từ Huyện để lên tỉnh, tỉnh lại

từ sang bộ, tỉnh cờ vua Minh Mạng đọc tới, phục cụ là người sáng suốt lỗi lạc, truyền chỉ cho quan địa-phương dẫn Cụ vào châu.

Thế là từ một chức lại mục Nguyễn-Tri-Phương nhảy lên chức biên tu nội các ngự tiền văn phòng.

Thế là thân thế sự nghiệp cụ thành một nhân vật lịch-sử bắt đầu từ vụ án mạng này.

Tương truyền rằng : Từ ngày cụ được bạt dụng về triều, bên cạnh nhà vua, khác hẳn với những vị quan trưởng đương thời, cái thời chú trọng thơ, phú kinh-nghĩa của triều Tự-Đức. Cụ rất chú trọng công-tác cải-cách xã-hội trong đó làm sao cho người này có ruộng là chính, dựa trên câu mà các nhà chánh-trị học Đông-Phương thường nói : « Nông giả thiên hạ chi đại bản, nông suy bách nghệ bại ( nông-nghiệp là một nghề căn bản của thiên hạ, cho nên nghề nông suy yếu thì trăm nghề khác cũng lụn bại theo ). Và :

« Hữu Đức hữu nhân, hữu nhân thử thổ, hữu thổ thử tài hữu tài thử hữu dụng » ( Có đức mới có người nhân dân, có người mới có đất đai ( người để khai phá ruộng đất) có ruộng đất mới có của cải ( tài nguyên của xã-hội nông-nghiệp ), có của rồi lại phải biết sử dụng hợp lý ( hợp lý sự thu chi ).

Một hôm Cụ thảo luận-với vua Tự-Đức về vấn-đề kinh-tế tài chánh quốc gia cụ nói :

— Biện pháp kinh-tế tài chánh và quốc-gia, không có gì khác hơn nguyên lý Thánh hiền đã dạy trong sách võ-đạo là : « Sinh tài hữu đại-dạo, vi chi giả chúng, thực chi giả quả vi chi giả tạt dụng chi giả thư tác tài hàng túc hỹ » Phương-pháp chủ-yếu của kinh tế tài chánh là : Phải làm cho số người sản xuất đông, với tinh thần khẩn trương gấp rút chi dụng phải có tiết kiệm điều độ, kinh-tế tài-chánh sẽ dồi dào.

Tương truyền rằng : một hôm hội thảo, trước Vua Tự-Đức và bá quan văn võ, Cụ

Nguyễn-Tri-Phương đưa ra chương trình khai hoang ở Nam-Kỳ, cụ nói : Việt-Nam chúng ta là một quốc gia nông nghiệp, ở ngoài Bắc ruộng ít người đông nhân dân không đủ ruộng cày, ở Trung-Kỳ là nơi dân eo xǎ hẹp, lại núi rừng trùng điệp ruộng đất lại càng ít hơn, chỉ có dân Nam-Kỳ là vùng đồng bằng đất đai phì nhiêu, nhưng chưa được khai phá Bấy giờ triều đình phải ckiêu mộ nhân dân ngoài Bắc, Trung vào đó định-cư lập-nghiệp, để khai hoang, làm cho nguồn lợi quốc gia phong-phú thêm lên.

Trong khi vua Tự-Đức chưa có ý kiến gì đối với lời đề nghị của Cụ Nguyễn-Tri-Phương, thì trong đám triều thần, bọn người xuất thân ở khoa bảng, sau đó đã làm sớ dâng lên vua đề bài bác Nguyễn-Tri-Phương có những câu sau đây :

« Lão nông lão phó Không Tử bất như, nhi Đường-Xuyên ( biệt hiệu của Nguyễn-Tri-Phương ) như chi, Đường Xuyên chân khí vị lão nông lão phó hỹ » ( Không-tử không

bảng lão nông, lão phó, nhưng ông Đường-Xuyên thì bảng, cho nên Đường-Xuyên cũng là một công, lão phó (1).

Khi viết ra câu trên bọn khoa bảng Nguyễn-Triều tự cho là khoái lắm vì đã mỉa mai được Nguyễn - Tri - Phương không phải là một tay khoa bảng xuất thân, cho nên chỉ làm được cái việc lão nông, lão phó, còn việc kinh bang tế thế, thì phải là những tay Cử-nhân, Phó-bảng, Tiến-sĩ như bọn họ mới làm được.

Nhưng tiếc rằng bọn hủ Nho đó là hiểu sai lạc mất vấn-đề, vì chương trình kế hoạch khẩn điền của Nguyễn-Tri-Phương vừa trình bày, đâu phải là kỹ thuật canh tác, mà là một công tác xã-hội quan trọng dựa trên mục phiếu tăng gia diện tích ruộng đất, để thực hiện người cày có ruộng.

Trong một xã-hội nông-nghiệp như Việt-Nam, đây là một quốc sách thượng đỉnh, cũng như chính sách khẩn địa của Trương Thượng Ưông, một vị hiền thần của Tần-Hiến Công với chính sách «nông

chiến» đã làm cho nước Tần trở nên giàu mạnh để thống nhất thiên hạ.

Bọn triều thần nhà Nguyễn sớ dĩ có thái độ thách đố với Nguyễn-Tri-Phương không phải là không có lý do : Đó là :

1). — Nguyễn-Tri-Phương xuất thân không phải Cử-nhân Tiến-Sĩ như bọn họ, mà lại là một người bình dân, đương sơ làm việc dưới quyền của bọn họ. Nhưng lúc đó liền tiếp được Minh-Mệnh, Thiệu-Trị, Tự - Đức tin ái, trong triều đình có một địa vị đứng trên họ.

2). — Một buổi hội trào nọ, trước vua và đình thần Nguyễn-Tri-Phương thuyết trình về chương trình kế hoạch khẩn hoang ở Nam-Kỳ, đã có một văn thân nào đó phản đối bằng một câu :

— Bất vi thái lao dân hồ. (Nhưng vậy không phải là nhọc nhằn nhân dân quá sao ?) Nhưng rồi đã bị cụ quật lại bằng những luận cứ sau đây :

Các Ngài thường hay nói

sách Thánh hiền. Nhưng nếu nói như vậy thì chính các Ngài lại chưa thông lời dạy của Thánh hiền. Vì chính các Ngài há đã chẳng dạy ta : » «Trạch khả lao nhi, lao nhi hữu hà oán». (Chọn cái việc xứng đáng có lợi cho dân mà bảo họ làm, thì dù có nhọc nhằn bao nhiêu, dân cũng không oán.)

Rồi Cụ giải thích tiếp.

— «Kẻ làm cha mẹ dân trên hết là đức Hoàng Thượng rồi tới bọn chúng ta, khi muốn bảo nhân dân làm một việc gì, trước hết phải tự đặt ra, và tự trả lời được những câu hỏi sau đây :

— Tại sao làm việc đó ?

— Làm việc đó có ích lợi gì ?

— Làm cho ai ? Vì ai mà làm ?

— Ai là những người chủ động làm ?

Trụ - Vương, Tần-Thủy-Hoàng, Lê-Ngọc-Triều nhân dân xây dựng cung điện, đắp vạn lý trường thành mà nhân

dân oán ghét tới tận xương tủy, là vì chỉ để nuôi hàng ngàn cung phi mỹ nữ của các vua chúa, chứ có phải làm gì cho nhân dân đâu, mà bảo nhân dân không la than oán hận.

Trái lại vua Hạ-Vụ bắt nhân dân khai thông sông Hoàng-Hà, sông Hoài sông Dương-Tử, công trình vĩ đại biết bao nhiêu, nhân dân khó cực khổ biết chừng nào, mà nhân có oán trách đâu. Vì công việc đó chính làm cho họ. Cho họ khỏi bị nước lụt ngập và có ruộng cấy. Công cuộc của Hạ-Vụ làm, là công trình thủy lợi gắn liền với việc tăng gia diện tích ruộng đất canh tác cho nhân dân, đều do dân vì dân. mà làm, đến nỗi trong thời gian công tác này, vua Hạ-Vụ ba lần đi qua của mình mà không kịp làm.

Thì nay việc khẩn hoang tại miền Nam chúng ta cũng vậy, chỉ nhằm mục đích làm cho nhân dân, người cấy có ruộng, một công tác chỉ vì dân như rế, thì tôi tin rằng, dù cho nhọc mệt tới đâu nhân dân ta không bao giờ ta than,

chẳng những họ còn hoan hô hưởng-ứng nữa.

Nhưng trước khi khởi công. Đức Hoàng-Thượng phải ra lời chỉ dẫn phò biển cho nhân dân hiểu tường tận mục đích và ý nghĩa của đại cuộc này.

Từ phiên hội trào ầy trở đi công tác khai hoang tại Nam Kỳ của Cụ Nguyễn-Tri-Phương mặc dù gặp nhiều bộn thủ cựu chống đối ngấm, nhưng cụ vẫn cố hăng thực hiện cho bằng được, và cụ đã thực-hiện được từ bước đầu khi vua Tự-Đức lên ngôi.

Đại Nam Nhất Thống chi chép rằng: Năm 1947, vua Thiệu-Trị Bạng hà, vua Tự-Đức lên ngôi, Cụ Nguyễn-Tri-Phương được giữ chức « Hiệp biện Đại-Học sĩ » sung « Công bộ thượng thư » là Trang-liệt tử, sau đó lại lãnh chức kinh-lược Nam-Kỳ. Đây là một dịp tốt để cụ thực-hiện một công tác xã hội vĩ đại mà đời Cụ hằng hoài bão.

Trước khi đề cập tới công tác khẩn điền của cụ Nguyễn-Tri-Phương ở Nam Kỳ, chúng ta cũng cần ôn lại bài quốc sử

Nam tiến của tiền nhân mà Cụ Nguyễn-Tri-Phương chỉ là người tiếp tục hoàn thành sự nghiệp.

— Năm 1069, vua Chiêm Thành Chế-Củ dâng vua Thánh-Tông nhà Lý ba châu: Đìn-lý, Ma-Linh, và Bối-Chính nay là Quảng-Bình, Quảng-Bình, Quảng-Trị.

— Năm 1306, vua Chiêm-Thành là Cnế-Mân dâng vua Nhân-Tông nhà Trần đất Ô và Châu Rí, nay Thừa-Thiên.

— Năm 1402, Bá-Địch-Lai dâng nhà Hồ đất Chiêm động và Cồ-Lụy nay là Quảng-Ngai.

— Năm 1470, nhà Lê lấy đất Đồ-Bàn, Đại-Chiêm

— Năm 1611, Nguyễn-Hoàng lấy đất Phú-Yên

Năm 1653, Chúa Hiền lập Thái ninh phủ (Khánh-Hòa)

— Năm 1693, Chúa Nguyễn lập Thuận phủ (Phủ Bình-Thuận).

— Từ năm 1698 cho tới 1714 dân tộc Việt-Nam vào tận Đồng Nai hạ, rồi Hà-Tiên, cắm mốc cuối cùng của

sự nghiệp mở mang bờ cõi.

— Năm 1802, Nguyễn - Gia-Long thu gồm giang sơn về một mối, dân tộc Việt Nam sống tung bưng trong một quốc gia lãnh thổ thống nhất.

— Dân tộc Việt - Nam đã thành công trong sự nghiệp di dân vĩ đại, đã tránh được sự thôn tính của Bắc phương, đã thoát được ảnh hưởng bên kia bờ sông Cửu-Long, để có một lãnh thổ thống nhất suốt từ ải Nam-Quang tới mũi Cà-Mau. Người Việt - Nam tự bảo vệ lấy giống nòi mình và phát huy khả năng dân tộc.

Mỗi bước tiến về Phương Nam chỉ là một cuộc tấn công để phòng thủ, tính chất tương đồng với ý nghĩa những cuộc chiến tranh tự-vệ chống Bắc phương, không ai chối cãi được tinh thần bảo vệ giống nòi. Trong sự nghiệp phát triển quốc gia dân tộc.

Đọc hết những dòng trên ta thấy rằng. Một giải giang sơn gấm vóc hình chữ S, tiền nhân chúng ta đã đổ bao nhiêu mồ

hồi, xương máu để xây dựng, kẻ làm con cháu không thể không tốt tâm bảo vệ, tô điểm cho nó đẹp để thêm lên.

Vậy việc Cụ Nguyễn-Tri-Phương khai khẩn thêm ruộng đất ở miền Nam, cũng là để làm chuyện đó.

Sử chép rằng : Khi Cụ Nguyễn - Tri - Phương được sung chức Nam Kỳ Kinh lược, sau một thời gian cụ quan sát, nghiên cứu tại chỗ, cụ viết số dâng về triều đình, gồm 13 khoản trong đó có 4 khoản tối quan trọng sau đây :

1). — Chiêu mộ nhân dân Bắc — Trung vào Nam để khai khẩn ruộng đất ở miền Nam.

2). — Giáo dục rồi phóng thích cho số phạm nhân bị lưu đày từ Bắc, Trung vào Nam cho họ trở lại người công dân lương thiện, tiếp đó giúp phương tiện cho họ khai khẩn hoang điền, tổ chức gia đình, thành lập làng, xã cùng nhau canh tác.

3). — Không bắt nhân dân

đắp đương, bắc cầu chỉ có mục-dịch để quân quan đi lại cho tiện, mà lại đắp những đê, những đập ngăn nước mặn để tăng gia diện tích canh tác.

4). — Chiêu mộ một số sĩ tử từ Bắc, Trung vào Nam để dạy cho nhân dân ở đây học, hay nói cách khác là mở mang văn hóa.

Với tinh thần cứu quốc tận tụy, chí công vô tư, óc sáng kiến và sức làm việc không ngừng của Cụ khiến cho nhiều quan liêu ghen ghét.

Nhất là lạithấy Cụ được nhà vua biệt-đãi, thì bọn ăn không ngồi rồi sao chẳng phải lo cho số phận mình.

Cũng vì thế là năm Tự Đức thứ 9 (1856), với công cuộc xin khai khẩn đồn điền của Cụ, viên An-sát Định-Tường là Vương-sĩ-Kiệt đã mật tấu về Kinh, bài bác tờ điều trần, nói mộ dân làm ruộng, khai khẩn đồn điền là một điều bất tiện, tha tù nhân cho ra khai khẩn hoang địa là sinh trộm cướp, giúp họ có cơ

hồi trốn tránh.

Sử thực thì đương hồi ấy ở Nam-Kỳ còn nhiều đất đai bỏ hoang, dân cư không được trú mật, trộm cướp vì đói khổ và thiếu giáo dục nổi lên như rươi.

Phương pháp khẩn điền của Nguyễn Tri-Phương không những chỉ là một công tác xã hội, khuếch-trương kinh-tế nông-nghiệp mà còn là ổn định tình-thế rồi-rấm ấy.

Nghĩa là lo cho nhân-dân được an-cư lạc nghiệp và cải tạo con người bất-lương trở thành lương-thiện, để xây-dựng quốc-gia.

Trong lời phiến tâu gửi về triều đình Cụ đã thuyết minh rõ-ràng những mục-dịch chủ-yếu ấy.

Bởi vậy, khi nhà vua giao tờ tấu của tên hạnh thần Vương-Sĩ-Kiệt lại cho triều đình xét nghị.

Nhờ sự thông minh và biết người của quan Thượng-thư bộ Hộ lúc bấy giờ đã thức phá sự gian-mạnh ganh tỵ của Kiệt

cũng như sự công tâm, công-đức vì dân vì nước của Cụ Nguyễn-Tri-Phương nên ông đã cực-lực phân trần với vua Tự-Đức.

Nhờ vậy mà chủ trương, chính sách của Nguyễn-Tri-Phương được thực-hiện.

Thế là giải non sông gấm vóc Tổ- quốc Việt-Nam Nguyễn-Tri-Phương là người đã kế-tiếp sự nghiệp tiền nhân mà vãi vời thêm dệt thêm.

Đọc hết những dòng trên, ta có thể tạm kết luận rằng :

Những người khoa giáp ngày xưa, cũng như những kẻ có bằng cấp cao bây giờ, chưa hẳn đã là những người có trí-thức thực tiễn. Trong khi những người bình dân, như

**DECAPAN**

THUỐC THOA CHUYỀN  
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI  
DA.

Nguyễn-Tri-Phượng chẳng hạn, thường khi lại là những người nhiều kiến thức giàu nghị-lực, để xây dựng những chính nghiệp, quân nghiệp và công tác xã hội lừng danh muôn thuở như Nguyễn-Tri-Phượng.

Cho nên có kẻ nói rằng: Hít-lo chỉ là một anh chàng thợ sơn, mà thời gian 1939 — 1943, gã khịt mũi một cái làm cho quả địa cầu rung chuyển Staline chỉ là một anh chàng thợ nguội, mà công cuộc bẻ gãy trụ Tam cường ( Đức-Y-Nhật ) của Đồng-Minh, gã đã chỉ huy dân-tộc Nga để đóng góp một phần không nhỏ, sau đó gã đã kháng-hành với cả phe Đồng Minh, nhuộm đỏ khối Đông-Âu và Bắc-Hàn, ai dám bảo Staline không phải là nhân vật lỗi lạc.

Cũng như ở Việt-Nam, những Lê-phụng-Hiếu, Phạm-Ngũ-Lão, Lê-Lợi, Nguyễn-Huệ chỉ là những người bình dân ít học, mà đã xây dựng nên những sự nghiệp vĩ đại. Cho nên học thức trong sách vở là một chuyện, mà trí-thức

ngoài trường đời lại là một chuyện khác.

(1) — Một hôm Phạm-Tri hỏi Khổng-Tử về kỹ thuật cày ruộng. Ngài nói : việc đó tôi không bằng một lão nông lại hỏi kỹ thuật làm vườn, Ngài nói : Việc đi tôi không bằng một người lão phở ( Sách-Luận-Ngữ ) . Phạm-Tri thỉnh học giả. Tử viết : Ngó bắt như lão nông. Phạm-Tri thỉnh học phở Ngó bắt như lão phở.

\*\*\*



## Cảm mến tặng Nguyễn-Vỹ

**N**GƯỜI chi cả giữa thời nguyên tử

**G**IANG hồ say, lao thứ cũng từng

**U**NG dung lợi suốt băng rừng

**Y**ÊU văn hóa quyết vượt từ ng cao siêu

**Ê**M nếp sống xé chiều không muốn,

**N**Ợ tài hoa còn vương tâm tư.

**V**ĂN thơ Dân-tộc tuyệt vời

**Y**ÊU lo lớp trẻ (1) xứng Nòi Rồng Tiên

*Kiến Phở*

(Đà Lạt — 19 70)

(1) Thăng Bờm

# Thử nhìn vào sinh hoạt thơ hôm nay

●●● PHƯƠNG ĐÀI

(Do Trung Tâm Văn Bút tổ chức ngày 8-11-  
70 tại trường quốc gia Âm Nhạc)

**K**INH thưa quý vị.

Tôi được may mắn, nhờ sự can thiệp của Linh mục chủ-tịch, mà sớm được gặp quý vị, và được ra mắt quý vị hôm nay, để xin trình bày một đôi ý kiến về chuyện thi ca. Thật ra, tôi cũng hiểu rằng việc phát biểu ở giữa đám đông, nhất là trước một cử tọa chọn lọc và có thẩm quyền như là quý vị là một việc làm khắt khe, có những ý nghĩa như là một cuộc mạo hiểm lớn lao. Nhưng nếu quý vị vui lòng thông cảm cho rằng tôi vốn đặt nặng đến sự hân hạnh được gặp quý vị, được hầu chuyện với quý vị đặt nặng đến cái niềm vui được có một sự tiếp xúc với

những thính giả hiểu biết hơn mình, hơn là nhìn thấy vấn đề của mình bày tỏ có một giá trị nào đó. Đôi khi người ta có thể khen chê xác đáng về một chiếc áo may khéo hay là may vụng, mặc dầu có thể người ta không phải là một thợ may lành nghề

Nhưng tôi thật lòng, tôi không dám nghĩ rằng ý kiến của mình, có thể xác đáng về mặt thi ca, dù tôi cũng có làm thơ. Chúng tôi cầm bút viết lên văn điện, quả không dễ nuôi ảo tưởng về một nhân hiệu thi sĩ, và cũng không mong đợi chờ một món tư lợi nào khác, vì quý vị đã hiểu rõ thi ca ở trong xã hội hiện nay của chúng ta, là món quà tặng phổ biến hơn là món

hàng có giá trị ở trên thị trường. Nhưng tôi làm thơ là vì cũng muốn góp phần nói lên một số nguyện vọng nào đó, khả dĩ có đóng góp vào trong sinh hoạt quanh mình một số ý tình thực, bởi vì bản thân không phương tiện nào khác, là sự giúp nên văn điện.

Suốt thời gian bị giam giữ ở Thủ Đức tôi không có dịp đọc được một thi phẩm nào. Kề ra ở trong bốn vách tường giam vẫn khá nhiều thi-sĩ, và thỉnh thoảng chúng tôi cũng được nghe những bài thơ truyền miệng trong tù, những lời chân thực không thiếu khả năng truyền cảm. Nhưng mà các loại thơ như thế, người ta không bao giờ nhớ hết một khi ra khỏi phòng giam, và những loại thơ như thế thực không thể nào đem ra đọc giữa quý vị, vì lẽ nó không hợp cảnh hợp tình.

Thưa quý vị,

Thời gian tôi bị giam giữ, vào khoảng giữa năm 69 đến giữa năm 70 tôi được tự do. Trong thời gian đó, có nhiều thi phẩm xuất hiện, đủ mọi lối thơ, đủ mọi trường phái. Nhưng tựu trung không ngoài ba đề tài: chiến tranh, quê

hương và tình yêu. Hai nhà thơ lão thành: cố thi sĩ Đông Hồ với quyển «Bội Lan Hành» tuy nhan đề mới nhưng các bài thơ có từ khoảng 1945 đến 1965 nội dung nghiêng về tình yêu và quê hương cũng như «Ta Đợi Em Từ Ba Mười Năm» của thi sĩ Vũ Hoàng Chương là những bài thơ đã có từ lâu. Còn về những thi phẩm xuất bản khoảng hai năm gần đây, có ý hướng về quê hương và tình yêu: vào Thu của Bằng Bá Lân — Nữ sĩ Tuệ Mai với Như Nước Trong nguồn và Trên Nhánh Sông Mưa — Giấu Mặt của Phổ Đức — Thấp Tinh của Thành Tôn — Trong Tháng Ngày Buồn của Đình Thị Thụy Uyên — Em Còn Hải Trái và Lời Gửi Cây Bông Vải của Trần Tuấn Kiệt — Mẹ Trường Da của Trần đồng Trọng — Quê Hương Như Một Thành Tích của Hoàng Bảo Việ. Màu Sắc của Thanh Vân — Thơ Minh Viên của Minh Viên. Nét Gầy và Mây của Nguyễn Hoàng Thu — Tình Trong Cửa Mắt của Trường Thủy.

Những thi phẩm mang khuynh hướng về chiến tranh và quê hương thì có: Lúa Sạ Miền Nam của Kiên Giang — Đâu của Phương Lạc — Đất Nước Tôi



của Thù Dương Tử — Tinh  
Biển Nghĩa Sông của Hoàng  
Thoại Châu — Mộng Thanh Bình  
của Tôn Nữ Hỷ Khương.

Thưa quý vị, nói về những  
thi phẩm được bày bán và  
những tác giả đã có tên tuổi  
trước bạ vào làng văn nghệ,  
thật là một điều khó khăn.  
(Khó khăn thứ nhất là các tập  
thơ đã được ấn hành quá nhiều.  
Chừng như đều đặn mỗi năm  
có một số khá đông thi phẩm  
ra đời, và một số thi sĩ mới  
xuất hiện. Một điều đáng kể là  
hầu hết các thi sĩ đều phải  
xuất đồng tiền túi để mà in thơ  
của mình. Đọc cho hết các thi  
phẩm không phải là chuyện dễ  
đàng.

Khó khăn thứ hai, là cái thị  
hiếu đọc thơ ngày nay cũng đã  
phân hóa quá nhiều. Mỗi thi sĩ  
có riêng một số độc giả của  
mình. Bởi vậy, những loại thơ  
Điền chẳng hạn của ông Bùi  
Giáng, hay của ông Ngu-Ý vẫn  
có một số độc giả tán thưởng  
rất là nhiệt tình. Thi ca có vẻ  
chủ quan hơn hết trong số các  
bộ môn văn nghệ khác cùng là  
cách dùng ngôn ngữ. Cho nên  
nói về các vị thi sĩ ta dễ gây  
hiểu lầm và khó chịu, mà gây  
khó chịu hiểu lầm là điều mà

một phụ nữ rất nên kiêng kỵ.

Bởi vậy, theo tôi nghĩ hãy  
cho các nhà thơ ngồi yên ở  
trong lãnh địa của mình. Và nếu  
được nói về họ như là hôm nay  
tôi chỉ xin được đề cập đến  
những tình tự mới mẻ qua các  
thi phẩm trong khoảng thời  
gian gần đây, bởi vì trên cái  
quan điểm của kẻ cầm bút,  
luôn luôn hướng về đời sống  
quốc-gia xã hội tôi luôn tìm  
kiếm cái tình tự ấy như là kiếm  
một sự đóng góp đáng giá vào  
trong sinh hoạt tinh thần hiện  
nay. Trước hết tôi không chú  
nhiều đến sự làm thơ phổ diễn  
tâm tình.

Thật ra cũng như đa số người  
khác, tôi rất mong muốn được  
nói về mình, hoặc được nghe  
nói về mình. Có dịp làm thơ đề  
mà giải bày tâm sự, tâm tình  
một cách rộng rãi và đẹp đẽ  
như thế, thật là cả một sự lời  
cuốn, thú vị biết chừng nào.  
Vả lại nói về bản thân của  
mình là sự giải thoát, là sự cởi  
mở tâm sự khiến cho đời sống  
nội tâm cũng nhẹ nhàng hơn.  
Nói như thi sĩ Anh Oscar Wilde  
« Cuộc sống có những bờ lũy  
của nó » và mỗi chúng ta hàng  
ngày dễ bị vấp phải những thứ  
bờ lũy cản ngăn chúng ta họ

chúng ta, đó là bờ lũy, đạo  
đức, bờ lũy tín ngưỡng, bờ lũy  
pháp v.v... Ôi ! biết bao  
hiên hình vạn trạng, những  
vật rào cản vô hình cũng như  
bờ lũy hình, khiến cho tâm trạng  
con người luôn bị dồn nén ần-  
n. Tất cả sự dồn nén ấy, sự  
ấn ứ ấy chỉ được đa số con  
người giải tỏa bằng cơn mộng  
mị trong lúc ngủ mê nếu không  
trở thành điên loạn, mà nói rõ  
hết các ý sâu kín của mình ra  
cho mọi người đều biết. Nhưng  
các người làm văn nghệ thì  
may mắn hơn, được dịp phổ  
bày, trong các tác-phẩm đề  
giải tỏa ần ứ của mình. Như  
thế các nhà làm thơ mà nói về  
tâm sự mình nhiều quá là  
những người bị ần ứ nhiều và  
chúng ta nên thông cảm đến  
nỗi khổ tâm của họ.

Thưa quý vị, khi dùng thi ca  
để mà giải tỏa ần ứ cá nhân  
thật quả là một niềm vui, bi  
thảm. Một phần vì tâm sự cá  
nhân có nhiều diễn biến vô  
cùng mà phơi bày thật không  
dễ quyết được gì. Nếu không  
bị ràng buộc thêm. Lời chính  
sự phơi bày ấy. Bởi thế mọi sự  
phổ diễn tâm tình dù cho đọc  
đáo đến đâu, cũng khó ra ngoài  
ngổ bí và cũng ở trong khuôn

khô của những tình tự đã cũ  
Thi ca chúng ta suốt thời tiền  
chiến là sự phổ diễn tâm sự,  
tâm tình. Bây giờ nên thi ca  
ấy còn lưu lại với chúng ta  
thi ca ấy còn lưu lại với chúng  
ta những niềm sâu mộng. Khó  
buồn phiền khá mệnh mông ấy,  
chỉ chực lời kéo chúng ta, mỗi  
lúc vào sự chán nản buồn xuôi.  
Có lẽ vì vậy mà có một số  
người đã lên án khá nghiêm  
khac nên thi văn ấy. coi đó là  
sự « đào ngũ » không tốt đẹp  
gì, bởi giữa một thời nước nhà  
khốn đói mà họ chỉ có một nỗi  
than mây khóc gió.

Chúng tôi không dám lạm bàn  
về các nhận định như thế. Tuy  
nhiên, nếu như quý vị cho phép  
tôi được phát biểu kiến riêng  
tư của mình về sự tai hại của  
nền thi văn lãng mạn có cái  
khuyh hướng suy đồi. Tất cả  
sự thật không phải bao giờ nói  
ra cũng tốt, và nhiều khi trông  
cuộc sống, sự thành thật mà  
không hợp chỗ, có thể là một  
tai họa.

Nhưng thưa quý vị, nói về  
những sự cũ kỹ nói về những  
cái tiêu cực, bao giờ cũng là  
chuyện buồn. Tại sao chúng ta  
không đi tìm sự mới mẻ nhất là  
sự mới mẻ ấy làm cho tươi đẹp

tâm hồn, cũng như đời sống chúng ta. Tôi muốn nói về tình tự mới trong thi ca hiện đại.

Tình tự mới mẻ nổi bật trong thi văn của những năm gần đây là sự đề cập đến cái vận mệnh của đất nước mình. Rất nhiều nhà thơ đã phải giã từ mảnh đất tâm tư riêng lẻ để mà phóng mắt nhìn xuống thực trạng cuộc đời chung quanh. Cái ý hướng về một thực tế lớn lao đang vây bủa mình đang chi phối mình, không chỉ bằng cái giá cả sinh hoạt, bộn bề ở trong cơm mắm hằng ngày, mà còn bằng cả trăm nghìn ngõ ngách, xuyên vào hơi thở, chùng vào da thịt, thấm vào não tủy, khiến cho họ phải mở rộng tầm nhìn và lấy dấu chứng thực-tại vào trong tim óc. Thi sĩ đã bết khóc than mây gió mà khóc về những hiện trạng đất nước khổ đau. Lá vàng, mộng biển đã được thay thế nhiều hơn bằng những bom đạn, bằng những xác người. Đầu tiên các vị thi nhân của chúng ta nhìn thấy ánh hỏa châu vừa sáng vừa lạ, lại dễ dàng gọi chú ý trong đêm u tối hơn là những sự kiện khác. Rồi lửa hỏa châu lại dần vì hỏa châu tàn rất chóng, và ta bắt gặp những dây kẽm gai xuất

hiện nhiều hơn. Không biết có phải là dây kẽm gai gọi được chú ý vì nó dài dòng lại có khúc mắt như là tâm tư con người, hay là nó là sự thể hiện của một cản trở đáng kể.

Nhưng kể từ khi nó biến thành thi liệu, văn liệu thì cuộc đời của chúng ta có vẻ bận rộn, khó khăn hơn nhiều.

Dần dần những dây kẽm gai rồi cũng bị các thi sĩ vượt qua. Họ đã đi được xa hơn và cái nhìn họ bây giờ cũng rộng rãi hơn nhiều, và cụ thể khá đặc biệt. Các nhà thơ hôm nay, nhất là các nhà thơ trẻ đã không bằng lòng với cái trừu tượng dễ dãi, đầy ý phỉnh lừa. Ngay tập thơ của Phương Lạc, nhan đề là Đau với hình phụ nữ ngoài bia, vẫn mang ở trong nội dung của thơ bao nhiêu ý tình thời cuộc. Hay Quyền Lúa rạ Miền Nam của Kiên Giang, vẫn là chan chứa tình yêu sự sống quê hương. Bây giờ nỗi đau đã ra khỏi cái giới da thịt, và đã ra khỏi khu vực cá nhân. Đó là niềm đau của cả dân tộc, của cả hàng vạn hàng triệu con người. Nhà thơ không đau vì người yêu phụ bạc sang ngang

không đau vì có một bạn em ngồi xa anh quá, hay vì gói thơ em chẳng trả lời, mà đau vì những :

Mụ tú bà hăm hi đếm những  
tờ giấy bạc

Nhìn 'gã ngoại nhân ân  
nghĩa tràn trề

Nhà thơ Phương Lạc lại đau vì cái tâm trạng :

Trận chiến này em ước ao  
tồn tại

Cho em ngồi phê phôn đếm  
đó la

Lúa Sạ Miền Nam của Kiên Giang cũng vậy. Như nhà văn Sơn Nam đã nói : « Kiên Giang đã bắt đầu đi xa chân trời tím; khung trời thơ ấu dễ góp nhặt điệu tàn, trong thống khổ những cánh thơ màu đen nhưng đầy đủ tánh chất thanh cao, vị tha : lòng yêu nước. »

Tôi xin dẫn chứng vài đoạn trong bài thơ Tiếng Ru Ba miền của thi sĩ Kiên Giang :

Một dãy giang sơn hề gấm  
vóc

Cà Mau liền máu thịt Nam  
Quan

Trường sơn nằm soãi ôm  
lưng mẹ

Chín mạch rồng phun máu  
Việt Nam

Tiếng mẹ ngân nga triều  
nước lớn

Điệu vành khuyên âm  
hưởng tiếng chim oanh

Máy không đuổi cánh cò bay  
mỗi gió

Đất miệt vườn mở rộng  
chân trời xanh

Tiếng mẹ ru mở đường bay  
cánh gió

Kết tụ mùa xuân trải bốn  
ngàn năm

Chìm xuống đất ngấm vào  
đáy thâm tâm

Sức mạnh chim nhụy trang  
trong tiếng nức

Mắt nhìn xuống mà tâm  
hồn bất khuất

Tò ngả màu vì bạc trắng  
niềm tang

Vạt áo tứ thân, manh áo va  
quàng

Đều in ngấm lán đồ công  
chữ S

Tiếng mẹ ru sinh non thành  
đất thép

Trường sơn gầy giương đôn  
 gánh dẻo dai  
 Mốc trắng mờ hôi lung áo  
 vá vai  
 Lóng lánh Kim cương trái  
 tim mẹ Việt  
 Tiếng ru vượt trời cao ói  
 diễm tuyệt  
 Cuộn sóng hồng uốn khúc  
 Cửu Long Giang  
 Gỗ xương khó gọi hồn phách  
 mờ hoang  
 Thức dậy tìm sử xanh hơi  
 thổ mát  
 Hòn Vọng phu nhìn thủy  
 triều ca hát  
 Tình hoài hương bát ngát  
 mấy trùng dương  
 Nắng vàng hanh lồng bóng  
 nước soi gương  
 Rừng gọi gió cho sương mù  
 bàng bạc  
 Mỗi mòn tiếng vạc  
 Đêm lạng kêu sương  
 Hai mươi năm lẻ đầu thương  
 Chiến tranh rỉ sét trong  
 xương sọ người  
 Hui hắt khói sương mờ cổ  
 độ

Quanh hiu trời đất đục màu  
 mây  
 Áo nâu sứt chỉ đường may  
 Cánh diều chao gió, đứt  
 giây to trời  
 Mối giềng gấm vóc xe loi  
 Vỡng ghèo nát bố, tao nôi  
 rã rời  
 Đạn bom cày nát đất trời  
 Mà niềm đau vẫn chói ngời  
 trắng sao

Nhà thơ Giác Hạnh cũng đã  
 nói đến Mẹ, mà người mẹ của  
 Giác Hạnh đây bao la như núi  
 như sông, ôm trùm đất nước.  
 Khi nghe Giác Hạnh nói trong  
 quyền «Tinh Mẹ».

Mẹ tôi già yếu đuối  
 Thân gầy đét Việt-Nam  
 Hai con giờ hai ngã  
 Anh Bắc và em Nam

Thi ta điều biết người mẹ đó  
 là đất nước chúng ta, dân tộc  
 chúng ta. Tất cả hình tượng  
 thân yêu quen thuộc ngày nay  
 đã được nhập thể vào những ý  
 niệm cao lớn hơn nhiều. Các  
 nhà thơ hôm nay đã cảm thấy  
 cái biên giới cá nhân quá chật  
 hẹp rồi, quá cũ kỹ rồi.

Khi Phở Đức «Nói cho con»  
 những lời của nhà thơ không  
 phải là chuyện gia đình gò bó  
 với bao tình tiết vụn vặt, mà  
 đó cũng là tâm sự đất nước,  
 hiện tình quê hương qua bài  
 thơ Thăng bé chầu trâu trên  
 cánh đồng người. Khi thi sĩ  
 Phong Sơn chịu cảnh «Trắng  
 Canh Tâm Sự» không phải là  
 đề ngời nhắc chuyện lòng của  
 cảnh lúa đôi hay đề buồn bã  
 sự đời cho một thân phận cho  
 một kiếp số. Đó là cái tâm sự  
 của một người dân đối với  
 đất nước, là cái nổi lòng của  
 một nhà thơ đối với dân tộc  
 khổ đau, mà cũng lớn lao trong  
 sự kiên hùng. Trong bài thơ  
 Tóc Xanh Phong Sơn đã nói  
 với một người :

Ta tóc xanh mà người tóc  
 xanh  
 Gặp nhau rượu nổi sóng  
 đấng trình  
 Mười Phen vẫn hẹn buồn  
 căng gió  
 Đây mái chèo trăng đến  
 nguyệt đình  
 Người bút nghiên mà ta bút  
 nghiên  
 Giờ trang quốc sử gợn ưu  
 phiền

« Mái trắng quom bầu còn  
 âm hưởng  
 Đầu bạc lòng đau nợ nước  
 thiêng »  
 Người viết bài thơ thương  
 nhớ ai ?  
 Trắng canh tâm sự trắng  
 đêm dài  
 Mà nghe nước nở lòng âm  
 điệu  
 Như một tâm tình thuở bán  
 khai  
 Ta viết bài thơ chưa gọi đi  
 Như chim còn đợi gió biển  
 thùy  
 Như trăng còn đợi màn  
 mây hé  
 Như lệ tâm tình đọng nét  
 mi  
 Ta tóc xanh mà người tóc  
 xanh  
 Còn trắng còn nước còn  
 viễn hành  
 Còn ngời lửa lên đôi mắt  
 Còn đợi ngày mai nắng đẹp  
 lạnh  
 Ta có mười phương bạn  
 đón ta  
 Thì đi cướp lấy những ngày  
 hoa

Đem về cầm lại bình sông  
núi  
Cho những tâm tư ngời  
thái hòa.

Không những Trăng Canh  
mới vậy, mà dù cho thao thức  
cho đến Nghìn Khuya như là  
thi sĩ Trương Linh cũng thế mà  
thôi Sự thao thức ấy rõ ràng,  
là không ích kỷ như xưa, không  
bi thảm như xưa. Nhiều người  
rất quý các bài thơ như bài  
thảm Nạn Quê Hương mà Trương  
Linh đã nói về cái nạn lụt  
khủng khiếp xảy ra ở miền  
Trung với các đoạn tả như sau :

Không còn gì nữa cả  
Không còn gì nữa cả, em  
oi !  
Một tháng quê hương không  
bóng mặt trời  
Một tháng quê hương mưa  
gào gió thét  
Đất quảng thân yêu người  
ngươi rên siết  
Sáu mươi năm lại đến «nọ  
năm Thìn»  
Thảm nạn này biết thuở  
nào quên  
Biết thuở nào quên  
Một tối nước lên nước tràn

lên khủng khiếp  
Cả trăm người cả ngàn  
người không chạy kịp  
Nước réo ầm ầm át tiếng  
kêu la  
Chơi với ngựa nghiêng  
người cuốn theo nhà  
Nhà theo sóng người không  
thấy nữa  
Nhìn con trôi mắt cha máu  
ra  
Nhoai lên, tay vợ níu lưng  
chồng  
Rồi hai người thành hai xác  
giữa mênh mông

Và bài Miền Trung Đau  
Thương trong quyển «Đất Nước  
Tôi» của Thùỵ Dương Tử.

Hai tuần rồi ta không sao  
về được  
Nhưng cuối cùng ta cũng  
tôi phi trường  
Quảng Nam ơi ta về lại quê  
hương  
Trời tang tóc đau thương  
mùa bão lụt  
Trời tang tóc trời luôn  
thành phố  
Cảnh khổ nào bằng cảnh  
khổ thiếu ăn

Đau thương nào ba tỉnh  
trời phẳng  
Em thơ đại treo cành cây  
lững lờ  
Tôi chớp mắt trời ơi ngàn  
xá chết  
Tôi đi về Dục Đức tang  
thương  
Sông thu ơi nước trôi hết  
phố phường  
Về Tiên phước người đương  
rên xiết  
Tôi quay lại người xưa  
chốn cũ  
Tôi đi về Quảng Tin, Tam  
Kỳ

Tôi đi về nước mắt dâng mi  
Nước và nước còn ngập đầy  
thôn xã

Những bài thơ như thế, gán  
bó với sự thực và cũng là cách  
biểu lộ tấm lòng tha thiết nồng  
nào đối với xứ sở quê hương.  
Quyển Tinh Biên Nghĩa Sóng  
của Hoàng Thọai Châu là một  
tác phẩm đã được giải thưởng  
văn chương năm rồi cùng với  
tác phẩm Lời Gửi Cây Bông Vải  
của Trần Tuấn Kiệt, chúng ta  
cũng đọc được tình tự mới mẻ  
về một thông cảm sâu xa đối  
với hiện tình đất nước. Đó là

những tình tự cụ thể cổ những  
đối tượng thật là cụ thể, chứ  
không bằng lòng với công thức  
mơ hồ 'Hoàng Thọai Châu nói :

Ở trung tâm thành phố  
Có khách sạn đèn màu  
Ra xa chừng cây số  
Đói lạnh và thương đau  
Ở trung tâm thành phố  
Có gái đẹp, trai tơ,  
Ra xa chừng cây số  
Khói đạn đã hoen mờ

Và đoạn cuối cùng nhà thơ  
kêu gọi sự cảm thông tương  
 trợ giữa thành thị và thôn quê,  
giữa kẻ sung sướng và khổ.

Kính thưa quý vị.

Chúng tôi xin nghĩ rằng nhà  
thơ chỉ thật sự lớn lao khi  
mang ở trong thi phẩm của  
minh những tình tự lớn tình tự  
phản ảnh được cả nguyện vọng  
đồng đảo, của cả quốc gia dân  
tộc lúc này. Mang cái tình tự  
như thế, và truyền cảm được  
như thế, nhà thơ sẽ hòa nhập  
vào một đời sống chung, và sẽ  
được chính cuộc sống chung ấy  
truyền tiếp cho một sức sống  
mạnh mẽ lâu bền. Chúng ta  
không chỉ mong mỗi có nhiều  
một hay hai nhà thơ như thế,

mà cầu chức cho có nhiều thì nhân lớn lao như thế. Và chỉ có thể, thi ca mới mong ra khỏi được sự bế tắc để hiện nay là chỉ tề in ra để tặng hơn là để bán, và các thi sĩ gởi bài đăng báo, thường chỉ may lắm, mới có một nóm thù lao gầy mòn.

Thưa quý vị, đọc những bài thơ nói lên được cái tiếng lòng sâu xa trung thực của chúng ta đây, đó không phải là tiếng lòng thu hẹp, trong những nhớ thương gò bó cá nhân, với những ước vọng thấp thỏi, mà là tiếng lòng rung động cùng với hơi thở đồng bào đồng loại của mình. Cái gì là sức cản ngăn cho loài hoa quý ấy chậm nảy sinh? Thiết tưởng không phải hoàn toàn là tại thiếu bản miếng đất thích hợp, bởi cái sinh hoạt phong phú đau khổ và những hy sinh hiện giờ luôn luôn cung cấp muôn vạn đề tài bi tráng đủ mọi khía cạnh. Có lẽ, là tại chính cái bản thân nhà thơ chúng ta còn nặng tâm tình hoài cổ, bởi sự vọng hướng về cái bản ngã riêng tư của mình cũng là một món thừa kế của cái quá khứ xa xưa. Nếu tôi được phép đem bản thân mình ra làm một sự kiểm điểm ở trước quý vị, tôi cũng xin thú nhận rằng, mỗi sự thể hiện

tinh tự dân tộc mỗi sự vươn đến cái gì ở ngoài khuôn khổ bản thân đều là những nỗi cố gắng khó nhọc. Cái hoàn cảnh mà chúng ta đang sống đây thực không khuyến khích bao nhiêu cho những tình cảm vị tha tích cực. Đều đó thật cũng dễ hiểu vì trong cuộc sống mà mỗi người phải vật lộn, tranh giành cơm áo khó khăn với chính những kẻ thân yêu của mình, làm sao tâm hồn được cởi mở nhẹ nhàng? Chúng ta luôn luôn phải dùng thủ đoạn đối phó với nhau và sự thành thật dễ thành là sự khó dại, và sự hiền lành có thể là một tật xấu khó dung, cũng như mọi cái ý hướnh vị tha lại có một cái bình phong cho sự vị kỷ cao độ. Vậy ý thức được cái nỗi khó khăn nơi mình, mà tôi thành thật cảm phục cái sự cố gắng của các bạn thơ đã hứng lòng mình về những tình tự quê hương dân tộc và đã tạo được bao nhiêu vần điệu giá trị: Tôi cũng xin phép nghĩ rằng.

Không có một tâm sự nào một cảnh trạng nào, thuộc về cá nhân mà không lệ thuộc vào cảnh ngộ chung của xứ sở mình. Chỉ có khi nào cái cảnh chung

ấy, thật sự đã được giải quyết thì cảnh tình riêng của chúng ta đây mới có hi-vọng an bài. Tôi cũng cảm thấy khuyết điểm lớn lao là trong cuộc nói chuyện về thi ca hôm nay mà tôi đã không nhắc kể được hết bao nhiêu nhà thơ có những tinh tự mới mẻ và đã không ngừng đóng góp tiếng nói tha thiết cho xứ sở mình. Mới đây tôi có được thấy trên báo nói về quyển thơ « Một Thế Kỳ Mấy Vần Thơ » của thi sĩ Truy Phong và tin tưởng với đề tài ấy nhà thơ chắc đã đi vào khá nhiều tinh tự cụ thể sâu-xa đối với miền đất yêu dấu của mình. Tôi chưa đưa đọc tác phẩm như vậy và nhiều tác phẩm như thế rải rác đây đó, tôi cũng không có dịp đọc. Đến đây tôi xin được xác nhận với quý vị rằng: nói về thơ trong hai năm gần đây, tôi đã rất nghèo nàn về vấn đề trích dẫn thơ của các thi-sĩ có tác phẩm đã xuất bản. Nhưng tôi nghĩ rằng, làm như vậy chẳng khác chi một sự « bình thơ » của một người phụ trách chương trình thi ca.

Tôi chỉ nhìn qua những « hiện tượng » thơ bằng tổng quát nội dung của các tác phẩm đề

có một nhận định. Quý vị đều rõ người phụ nữ làm thơ ở trong xã hội chúng ta, dù là bất cứ làm loại thơ nào, phần nhiều ít kể được sự thanh nhân. Như tôi, không may mắn có được sự thanh nhân nên sự làm thơ đã khó, mà sự đọc thơ kể ra còn khó khăn hơn.

Nhưng đều mà tôi mạn phép nói cùng quý vị không ngoài một nỗi ước mong là ước nguyện sao, cho có những nhà thơ của thời đại, tiêu biểu cho thời đại mình.

Xuất hiện ở giữa chúng ta. Những nhà thơ ấy có thể nói hộ lên những tâm sự mà chúng tôi không được, những nhà thơ ấy khai thông, giải thoát cho bao tâm trạng bế tắc, ứ đọng những nhà thơ ấy chấp hộ những đòi cánh lớn cho các ý tình cao đẹp có thể bay vút đi xa. Hiện nay ở trong địa hạt thi ca, thấy có nhiều náo nức xôn xao của những con người muốn quay chuyển tấm lòng mình, của những bất bình nội tâm của kẻ tự thấy nhàm chán lối cũ đường mòn, mình đã lê bước nhiều năm. Ở trong «Th p Tỉnh» thi sĩ Thành Tôn tự soi gương gọi tên mình:

Đối với xác thân này  
 Tôi chỉ là chiếc bóng  
 Đối với cuộc đời này  
 Tôi đâu chính danh tôi  
 Từ chối lời mời trở về  
 Chánh đạo  
 Bởi e có ngày giáp mặt thần  
 linh  
 Chưa gặp mặt tôi mong gì  
 kẻ khác  
 Chưa hết đời mình chi với  
 lo âu  
 Bởi tôi là người luôn biến  
 dạng  
 Bởi tôi là người khác trong  
 tôi  
 Bởi sống là nhìn lưng kẻ  
 khác  
 Tôi nào thấy cần tôi  
 Sống nhân danh đời mình  
 Ý phục từ kẻ khác  
 Tôi hiểu gì tôi hơn các anh  
 Có kẻ khác chẳng biết mình  
 cử động  
 Tôi đã đập vỡ gương  
 Ở lần soi t r nhất  
 Khi giáp mặt tôi rồi  
 Mới thấy mình bản liệt

Tóm lại nhà thơ xưng danh kỹ sư tâm hồn qua những biến

thiên của thời cuộc đất nước,  
 vẫn mãi mãi mơ ước, cầu  
 nguyện và đi tìm, họ đã mơ  
 ước, và đi tìm, đang và sẽ đi tìm  
 cái chân, thiện, mỹ trong cuộc  
 sống. Nhà thơ xưng danh với  
 sứ mạng của mình bằng văn  
 nghệ, theo thiên ý của tôi là  
 phải luôn luôn khơi động những  
 niềm tin, thổi sinh khí và niềm  
 hy-vọng vào mọi tâm hồn.

Để thể hiện ý tình tha thiết  
 đó, tôi xin giới thiệu vài đoạn  
 thơ sau đây của nhà thơ Tuệ  
 Mai trong quyển « Như Nước  
 Trong Nguồn »

Một nếp nhà xinh  
 Một cuộc đời lành  
 Đẹp tha mộng đẹp  
 Cửa em của anh  
 Xin trời thanh bình  
 Cho đôi lứa mình  
 Không lo ngang trái

**DECAPAN**

THUỐC THOA.CHUYÊN  
 TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI  
 DA.

Xin trời thanh bình  
 Cho đôi lứa mình  
 Sẽ cùng mãi mãi  
 Chung giấc mộng tình

Nhà thơ Tôn nữ Hỷ Khương  
 bên cạnh bao nhiêu lo lắng về  
 sự thù tạc đối với gia đình, thân  
 hữu cũng đã có tác phẩm là  
 « Mộng Thanh Bình » và đã tâm  
 sự :

Từ bao lâu rồi  
 Cứ mỗi lần xuân đến  
 Chị làm thơ cầu nguyện  
 Cho đất nước Thanh Bình

Cũng như nhà thơ Bằng bá  
 Lân đã hằng tâm mơ ước thanh  
 bình trong tập « Vào Thu » với  
 bài Mộng Thanh Bình.

Nhà thơ chỉ tưởng tượng, mà  
 đã vui sướng quá reo lên :

A, Hòa bình ! A chiến tranh  
 kết liễu !  
 Tin lan tràn như thuốc súng  
 nơi nơi...  
 Người ôm nhau, nước mắt  
 ướt môi tươi  
 Reo sung sướng khóc cười;  
 như lũ dại  
 Trên trang nhất, báo in hình  
 chữ đại

Cháo hòa bình trở lại với  
 non sông

Tất nhiên nhà thơ chỉ bày tỏ  
 lòng khát vọng hòa bình vốn là  
 tình cảm chân thật, rộng lớn và  
 cao quý nhất hiện nay, nhưng  
 còn giải pháp hòa bình ra sao,  
 là công việc của các nhà chánh  
 trị.

Thưa quý vị, tôi xin ngừng  
 lời nơi đây, và xin thành thật  
 cảm ơn toàn thể quý vị đã đến  
 dự cuộc nói chuyện hôm nay.

PHƯƠNG ĐÀI  
 8-11-70





## Cây dứa 4 ngọn

... DOÃN-LÊ  
Bồng Sơn

THÔNG số 255.

**T**HẤY cây dứa 3 ngọn lạ nhất thế giới của ông PHAN-HOÀI-BẢO đăng trong tạp chí PHỒ-

Chạnh nhớ đến cây dứa 4 ngọn ở quê tôi. Nó có tự bao

-HỒ-THÔNG - 257

giờ tôi không rõ. Song tôi được biết nó cách đây mười mấy năm về trước, thuở ấy nó xanh tươi, 4 ngọn đều trĩu nặng những trái mỗi mùa.

Nếu không thấy cây dứa 3 ngọn của ông PHAN-HOÀI-BẢO, tôi đã quên hẳn nó đi vì thời gian, chiến tranh đã chông chất lên quê tôi quá nhiều tang-tóc phũ-phàng...

... Từ đầu cầu Bồng Sơn, theo Quốc lộ, về hướng Bắc chừng 3 cây số, rồi băng ngang qua đường xe lửa về hướng đông độ 800m qua mấy đám ruộng. Lâu lắm rồi chưa một lần trở lại, trên đường đi tôi cứ nghĩ nó đã bị bom đạn hay bão lụt đã làm gãy mất rồi, nếu không cũng bị thuốc khai hoang của Mỹ làm

trơ ngọn như bao vườn dứa khác.

Nhưng may thay nó vẫn còn, vẫn 4 ngọn ngoạn mục, vẫn những tàn lá, vẫn những trái ngọt no tròn. Song không làm sao tránh khỏi những vết bom đạn dày xéo.

Nó vẫn lặng lẽ đứng khép mình ở một vườn dứa, trong những vườn dứa của quê tôi :  
... Tiếc thay chiến tranh đã làm cho nó lở-lói, thương tích. Không còn tươi tốt nguyên vẹn như xưa. Và thời gian cũng đã làm cho nó ngửa nghiêng, quằn quại dần biết chưa đến nỗi tróc gốc, trơ ngọn. Nhưng cũng làm đau lòng cho những kẻ tha phương trở lại với cố hương !...

DOÃN LÊ  
Bồng-Sơn-

## THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão

Điện.thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG  
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỤ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,  
NHÃN CỜ ÁO, (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP BỀN, KHÔNG PHAI  
Gửi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon T1M 2.701, THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

PHỒ-THÔNG - 257

93

# Truyện dài đường rừng

## CHIẾC VÒNG CỨU MỆNH

● của MẠCH-QUẾ-HƯƠNG

(Tiếp theo P.T. 256)

**M**ẤY hôm nay Bích-Chiều bỏ cả công việc nơi lâm trại, nàng lo cặm cụi dệt xà rồng. Nàng dệt đêm ngày, rất công phu và tạo được những tấm xà rồng tinh xảo. Xong nàng gói cẩn thận vào một bọc công trình mỹ mãn của nàng.

Khác với mọi hôm, buổi sáng này nàng dậy thật sớm và trang điểm kỹ càng. Nàng vận âu phục gọn gàng, nhưng đôi

mắt long lanh thoáng gọn nét buồn. Những bộ âu phục đắt giá mẹ nàng may sắm từ khi nàng còn học tại lyui, nàng cất giữ mãi đến hôm nay mới đem ra mặc lại.

Nàng nói với Mộng Quyên :

— Thưa chị, em xin phép chị vắng nhà một hôm để đi bán xà rồng. Nếu em có về trễ trưa nay, chị đừng chờ cơm.

Mộng Quyên ngạc nhiên nhìn em.

— Nếu em cần tiền em cho chị biết để chị giúp em, tội gì phải đi buôn bán cho nhọc ?

— Xin cảm ơn chị. Em không cần tiền chị ạ ! Em muốn đi buôn cho vui đấy thôi. Em đi đây. Xin chào chị.

Nói đoạn, Bích-Chiều xuống chuồng ngựa, chọn con tuấn ma nàng thường cưỡi, thẳng yên cương và phóng nhanh vào rừng.

Hoàng-ngọc cũng đã thức dậy, thấy Bích-Chiều ra đi, chàng nhìn theo bóng người em gái xinh xinh.

Mộng-Quyên cười bảo :

— Tội nghiệp Bích-Chiều giờ đây côi cút, anh có người bạn nào anh gửi lên đây để em làm mai cho nó. Ngày sau em đi rồi không khéo Thao-Sơn lại chụp đến nó thì khổ !

Mộng-Quyên cô biết đâu Bích-Chiều chỉ yêu vô vọng có một người và côi lòng cô em gái đã khấp kín từ đây.

Bích-Chiều phóng ngựa đi về phía lâm trại Thao-Sơn, nàng lăm-lũi tiến vào hang cộp

dữ ! Ngày thường nàng ít khi đi một mình giữa đường rừng thế mà hôm nay nàng mạo hiểm, đơn độc ra đi vì sự lộ việc. Nếu người nhà hay được, ngăn cản nàng, không cho nàng tìm Thao-Sơn, công việc dự tính của nàng sẽ lỡ dở hết.

Thường thường nàng có ra khỏi nhà, nàng không quên mang súng theo để phòng thú dữ. Hôm nay, không một khí giới hộ thân nàng thấy hơi nao nạt. Nàng nhủ thầm.

— Ta kể như bắt đầu bước vào cõi chết, ta đánh liều với số mệnh. Cõi lòng này đã khô héo, đời ta còn có nghĩa gì ?

Lốt hai giờ sau, nàng đã tới công trại Thao-Sơn. Tim nàng đập loạn hồi trong lồng ngực. Nàng cố thu hết can-dảm giả như người vô sự, nàng tươi cười chúi vào tay tên gác công một xấp bạc và hỏi :

— Có ông Thao-Sơn ở nhà không ? Tên gác công nhận tiền và nghĩ thầm :

— Đây chắc là người yêu của Thao-Sơn hẳn vui-vẻ đáp :

— Xin cô đợi tôi vào báo



tin, ông Thao-Sơn đang luyện võ đấy.

Một phút sau hắn trở ra và mở rộng cửa.

Bích-Chiêu cúi mặt, mím môi cho ngựa đi chậm vào sân.

Thao-Sơn thấy người đẹp Bích-Chiêu đến, hắn rất ngạc nhiên, nhìn nàng dăm-dăm rồi đến trước mặt nàng niêm-nữ :

— Chào cô Bích-Chiêu ! cô đến tìm tôi có việc chi ? cô là sứ-giã của Mộng-Quyên mang tin mừng đến cho tôi đó phải chăng ?

Rồi không đợi nàng đáp, hắn đơn-đã mời nàng vào nhà :

Hôm nay Bích-Chiêu trang điểm thật diễm kiều, Hắn cười mơn-man :

— Cô Bích-Chiêu đẹp lắm, cô đâu kém gì Mộng-Quyên, thế mà từ lâu tôi bị nhan sắc Mộng-Quyên thu hút, không để ý đến cô chớ !

Bích-Chiêu nghe nóng ran cả mặt trước những lời sỗ-sàng của hắn, nhưng nàng cố dần lòng, tươi cười đáp :

— Anh Thao-Sơn, hôm nay nhàn rồi em đến viếng anh và kính biểu anh mấy tấm xà rồng do chính tay em dệt đấy.

— Cô tử tế với tôi quá ! A xin phép được gọi cô bằng em. Em tử tế quá ! xin mời em ngồi và dùng nước.

Rồi hắn tự động nắm tay nàng kéo nàng ngồi xuống ghế.

Bích-Chiêu thăm nhủ :

— Hắn đã chóa mắt trước dung nhan của ta rồi ! Như thế càng tốt. Ta sẽ bắt mày khai hết mọi âm mưu sâu độc của mày !

Nàng cười thật tươi :

— Anh Thao-Sơn à ! Em biết anh đau khổ vì sự hờ-hững của chị Mộng-Quyên và hôm nay anh càng đau khổ hơn khi có một tình địch đến vùng này.

Nghe nhắc đến Hoàng-Ngọc, Thao-Sơn hân-học thốt :

— Em nói đúng đấy ! Tôi thì không đợi trời chung với kẻ ấy.

— Vì biết anh đau khổ em mới liều-linh đến đây an-ủi anh.

Anh mãi đeo đuổi theo một người, nhưng người ấy lại hờ hững với anh. Anh có biết đâu còn một người con gái khác thâm kính yêu anh mà anh lại vô tình không biết đến. Bộ em xấu-xí lắm sao nên không bao giờ được anh nhắc đến và ban cho một chút cảm tình ?

— Em đừng nói thế ! Em cũng là một hoa đẹp trên rừng, chẳng qua tôi ít có dịp gặp em đây thôi. Nếu em quyết đến đây an-ủi cho vui niềm đau khổ uất hận của tôi, tôi sẽ dâng hết giang san này cho em, em bằng lòng chứ ?

Bích-Chiêu nghe xót cả ruột gan, nhưng cốt cho hắn tin tưởng để dễ hành sự nàng thiết tha đáp.

— Thật em không ngờ được anh ban cho diễm phúc này. Hai kẻ đau khổ gặp nhau nên dễ thông cảm nhau. Em xin thề với anh là em sẽ nhận lời làm vợ anh với một điều kiện :

— Điều kiện gì em cứ nói.

— Anh phải tìm cách giết Hoàng-Ngọc để trả thù cho em. Từ khi hắn về đây, được chị Mộng-Quyên yêu chiều hắn tỏ

ra kiêu hãnh với em, em phải hạ hân để rửa hờn

— Lời thề kết nghĩa trăm năm của em khiến cho anh trở thành kẻ sung sướng nhất đời, anh không từ chối việc em sai bảo.

— Vậy thì hôm nay chúng ta cùng thề nguyện nhé !

Thao-Sơn không chần-chờ. Hắn vội nắm tay nàng, đưa nàng đến trước bàn thờ tổ đặt ngay giữa nhà.

Bích-Chiêu liếc thấy có mấy hàng chữ bùa, có tượng thần núi rừng và ngay giữa bàn có một cái hộp thủy tinh đựng một chiếc vòng bằng ngà voi.

Thao-Sơn thắp đèn lên, hai người quỳ xuống khấn vái ;

Thao-Sơn nói trước :

— Hôm nay tôi thề trước mặt linh thần tôi sẽ kết duyên với Diệp-Bích-Chiêu, nếu tôi có phụ nàng xin linh thần trừng phạt.

Bích-Chiêu cũng thề khấn một lời trước khi thốt ra tiếng :

— Lay linh thần xin chứng minh cho con đây là sự bất đắc dĩ con thề cho cô lệ thứ thật ra con không kết nghĩa với Thao-Sơn được, con chỉ đóng trò để mong giải cứu một người bị nạn

Rồi nàng nói to :

— Tôi, Diệp - Bích - Chiêu xin thề trước mặt thần linh sẽ kết duyên với anh Thao-Sơn. Nếu tôi không giữ lời xin thần linh trừng phạt.

Thề xong, Bích-Chiêu đứng dậy nghe choánh váng cả mặt nàng và tê tái trong lòng.

Trái lại Thao-Sơn hơn hờ vô cùng, hần âu-yếm nhìn Bích-Chiêu khẽ nói :

— Ngày này anh xem em như người bạn đời chính thức của anh. Anh không còn dấu giếm em điều chi cả. Anh sắp trả thù cho em, kẻ thù đó đã bị anh thủ êm rồi.

— Anh tài tình quá nhỉ ? Em rất hài lòng.

— Em biết không ? Hoàng-Ngọc sẽ chết một cách đau đớn trong ngày gần đây. Em

còn nhớ hôm nọ hần nắm chuôi dao phóng theo anh đó không ? Bắt đầu ngày ấy tên tuồi hần đã bị ghi vào sổ tử.

— Em thật phục anh vô cùng.

— Hần không còn mong gì thoát chết.

Đoạn hần trở chiếc vòng ngà trên bàn thờ, thao-thao nói tiếp,

— Đến khi bị nguy, nể hần đeo được chiếc vòng ngà kia vào tay và úp mặt xuống nước mới mong thoát nạn.

Bích-Chiêu mừng-rỡ lắm, nhưng nàng giả-vờ bím môi :

— Cho đáng kiếp hần đi ! Hần kiêu cần lắm, xem anh không ra gì cả !

— Vì biết thế, nên anh phải hạ hần trước.

— Vậy anh đợi khi Hoàng-Ngọc chết rồi, anh sẽ mang lễ vật đến cầu hôn em với Bác Pha Giai nghe ! Anh đừng đến vội bây giờ bác ấy hạch hỏi em lời thôi lắm.

— Anh xin tuân lệnh và nể lòng chờ đợi.

— Cách vài hôm em sẽ đến thăm anh. Em sẽ nói dối với chị Mộng-Quyên là em đi bán xà rồng.

— Thật là diệu kế ! Anh rất hài lòng. Anh cảm tạ thần linh đã đưa đến cho anh nàng tiên đẹp.

Hần nói xong cười vang lên. Thấy ý định đã có kết quả Bích-Chiêu khắp khởi mừng thầm.

Nàng ở lại dùng cơm với Thao-Sơn, đàn hát cho hần vui đến xế chiều mới giả vờ bịn rịn chia tay hần.

Khi nàng cáo biệt, hần phi ngựa tiền nàng hơn nửa đoạn đường mới chịu quay về.

Khi trở vào trại, hần vỗ tay reo

— Đời ta sao hèn quá xá ! Ta sẽ chiếm đoạt Mộng-Quyên và ta có thêm nàng Bích-Chiêu. Hai đóa hoa xuân sắc sẽ về tay ta. Ha ! Ha ! Sau nhiều lần đến thăm Thao - Sơn, Bích-Chiêu đã thành công trong việc đánh tráo chiếc vòng ngà. Nàng vui mừng vô hạn.

(Còn nữa)



☪ Sleep over it.

La nuit porte conseil.

Ý nghĩa : đêm tối giúp người ta suy nghĩ chính chắn.

TỤC NGỮ ANH, PHÁP.

# ALEXANDRE SOLJENITSYNE và giải NOBEL văn chương 1970

●●● VŨ MINH THIỀU

NĂM 1962, vào tuổi bốn mươi tư, Alexandre Isafevitch Soljenitsyne bỗng nổi danh với một truyện khoảng một trăm trang, nhan đề MỘT NGÀY CỦA IVAN DENISSOVITCH. Nhờ lòng can đảm của một nhà văn, cho đến lúc này hoàn toàn xa lạ, nhờ tạp chí NOVY MIR và bị giám đốc của tạp chí này, Alexandre Tva dovski, nước Nga sau thời Staline, với câu chuyện giản dị và gay gắt này mở đầu một kỷ nguyên làm cho người Nga phải suy nghĩ về nền đạo đức, có một tầm quan trọng đặc biệt. Đó chỉ là một câu chuyện thật giản dị về đời sống trong trại tập trung ở Tây-bá-lợi-Á. Nhà văn Nga mô tả thời dụng biểu một ngày của một tù nhân khá thô lỗ, sinh

trưởng trong giới nông dân, nhưng nghề riêng vốn là thợ nề. Anh chàng Ivan Denissovitch không hiểu tại sao mình lại ở trại giam, và chạp hàng ngày với các cựu sĩ quan, kỹ sư, giám đốc và giáo sư, những kẻ vô tín-ngưỡng cùng những tin đồ, người Nga và những người dị chủng... Lâu lỉnh, dẻo dai, chàng cương quyết phấn đấu cho sự sống còn. Sống sót được ở trại tập trung, là biết đi, không bao giờ thối chí. Viên đội trưởng báo trước cho Ivan Denissovitch biết ba mỗi hiềm họa luôn luôn rình rập chàng : ốm yếu, liếc ngó bệnh xá, khởi kiện chế được việc mách lẻo. Vừa khéo xoay trở, nhưng cũng hết sức chân thành, Ivan Denissovitch chấp nhận đời

sống cực nhọc, quên đời sống cũ và không tưởng tượng đến đời sống tương lai nữa. Ngay ở trại giam, chàng cũng có thể cảm được một vài niềm vui lớn dành cho con người trên trái đất này : thoả mãn cơn đói, làm xong một công việc, ngắm bầu trời. Như tất cả người Nga, Ivan quên « với bàn tay nào làm dấu thánh giá », nhưng có thể nói, chàng chưa quên hẳn Thượng-đế mặc dầu mãi miết về những nỗi lo âu của một đời sống có vẻ như một đời sống đời lốt và tạm bợ, con người giản dị này có một sức mạnh tinh thần, một kho tàng khiêm nhượng và không lay chuyển được. Đi tới chỗ tạo được kho tàng này, Soljenitsyne nhà văn coi đó như là sứ mạng của ông... Đó là câu chuyện thứ nhất dành cho đời sống ở trại tập trung. Một đề tài cấm kỵ trong đời sống ở Nga, số vừa mới được khuyến khích ; và ngay tức thời đề tài này được đề cập đến bởi một nhà đại văn hào, đặt lại vấn đề trong nền văn học Nga : đâu là chân giá trị, và làm thế nào để giải thoát được sự đối trá ?

Tác giả câu chuyện này sinh năm 1918 ở Kislovodsk ; ông qua tuổi trẻ thanh niên ở Rostov

miền sông Don, ở miền nam, nước Nga. Ông theo học ban toán và vật lý ở đại học đường Mạc-tư-khoa, theo cả lớp hàm thụ của Học Viện Sư, Triết và Văn chương. Ông vừa ra trường thi chiến tranh bùng nổ : thoát tiên linh trong kỵ binh, rồi sĩ quan trong pháo binh, không mấy lúc thăng đại úy, nhiều lần được huy chương Soljenitsyne chiến đấu ở Leningrad, trên mặt trận Orel, ở Biélorussie, tại Đông Phổ... Nhưng đến tháng giêng 1945, ông bỗng bị bắt : người ta thách ông trong một bức thư riêng, đã phát biểu ý kiến hoài nghi tài chiến lược của Staline. Không cần xét xử, ông bị tám năm tù đầy trong một trung tập trung. Không bao lâu, ở Karagande, Soljenitsyne chỉ còn là tù nhân số 232, và như Ivan Denissovitch, ông làm thợ nề... Năm 1953, Soljenitsyne được thả, nhưng lại bị đầy ở một làng ở Kazakhstan. Tù đầy kéo dài ba năm và chính trong thời gian này, các bác sĩ phát giác là Soljenitsyne mắc bệnh ung thư, nhưng ông được « tái sinh » như bởi một phép màu nhiệm (1). Năm 1957, Tối cao Pháp viện xét lại trường hợp của viên cựu đại úy Soljenitsyne. Đề bào chữa

tác giả chỉ đọc tác phẩm của mình : MỘT NGÀY CỦA IVAN DENISSOVITCH. Như biết bao ngàn kẻ tù đầy khác Soljenitsyne được phục quyền. Cuối cùng được tự do, ông thực hiện một trong những mơ ước của mình : Sống ở trung tâm nước Nga, trong miền Trung Nga rộng bao la với những mùa thu vô tận những giáo đường vòm tròn từ ngọn đồi khác đối diện nhau, với những túp liêu tranh trang hoàng thật đẹp, tiếng nói thuần túy chứa chan ý tưởng. Lòng yêu mến nước Nga, nước Nga này với phong tục thô lậu, nhưng thanh bình đối với lòng mọi người, đậm bạc nhưng cũng không tiếc của, khiêm nhường bề ngoài và giàu thi vị, có lẽ và là sẽ điềm chính trong tác phẩm của Soljenitsyne.

Được trả tự do, Soljenitsyne lại trở về làm giáo sư vật lý tại một trường trung học ở Riazan, một thành phố nhỏ ở đông nam Mạc-tư-khoa, ở phía tây Toulá. Chúng ta có thể hình dung đời sống của ông qua một truyện tuyệt hay ông viết trong khi bị tù đầy vãng trong tạp chí NOVY MIR, tờ báo đã có can đảm tiếp nhận tác phẩm đầu tay của ông. Với

những nét giản dị, gợi cảm của những truyện ngắn hay nhất của Tourgueniev, tác giả mô tả đời sống của ông trong khoảnh đất nhỏ thanh bình của nước Nga. Ông ở trọ tại nhà một bà già hiền hậu, trong một túp liêu tranh, chuột chạy lảng xảng, giản dị xào xạc. Và ở đây dần dần biểu lộ điều mà ông tìm kiếm : linh hồn nước Nga. Không phải vẻ đẹp của nước Nga cổ xưa, nhưng giá trị tinh thần của Nga : vì nhân vật Matriona, được lấy làm nhan đề của truyện NGÔI NHÀ CỦA MATRIONA, người không được vận may ở đời người đã trải qua những tai họa lớn lao và những sự hiếp đáp ti tiện, người một phần, nào vô tin ngưỡng mà vẫn giữ những lễ ghi của đức tin chính thống, người hiến thân không cần đếm xỉa cho nông dân hợp tác xã, trong khi mọi người đã ăn bám vào bà và còn bòn của cải của bà nữa, mặc dầu vậy, bà vẫn giữ được bí quyết đơn giản của cuộc đời.

(1) Những chi tiết này được rút trong một bài phỏng vấn tác giả dành cho ký giả xứ Slovaquie Lieko đăng trong tạp chí VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG, ở Bratislava, năm 1967.

Bí quyết đó, ở trong lòng quảng đại, chính trong sự phung phí của bà, bị những người có của chỉ trích nặng nề, thú vui làm việc và nhất là sự thanh đạm. Matriona không phải là người có nhà cửa rộng lớn, có lợn, bò thu tiền vào tù sắt. Và hào hiệp, bà chết nạn nhân của lòng tham lam của gia đình. « Tất cả, chúng ta sống gần bà và chúng ta không hiểu chính bà biểu hiện Nghĩa chính đáng của câu ngạn ngữ, không có nó cả làng mạc sẽ không đứng vững được, cả thành phố, cả xứ sở của chúng ta. »

**NGÔI NHÀ CỦA MATRIONA** là một kiệt tác. Matriona, người « không được hiểu biết và bị bỏ rơi » là một trong những hình ảnh của nước Nga hiện nay. Những câu chuyện khác cũng giản dị và nhân ái của Soljenitsyne cũng được đăng trong tạp chí NOVY MIR năm 1968. **CÂU CHUYỆN TÌNH CỜ Ở GA KRETCHENOVKA** trình bày một viên trung úy trẻ chính trực và trong sạch, năm 1941 bị ảnh hưởng vì không khí nghi kỵ trong đống sinh sống, bắt một người chàng làm là đo lường. Sự lầm lạc của trung úy Zolov là một trong những hành

động này mà không bao giờ người ta có thể chuộc được và cái mỉm cười rầu rĩ của nạn nhân sẽ theo đuổi chàng suốt đời. Một câu chuyện khác, cũng rất tuyệt vì sự nhận xét tâm lý chính xác. **VÌ NHU CẦU VỀ LỢI ÍCH CHUNG**, đối chiếu hai quan niệm của chủ nghĩa cộng sản, một phần tao bởi lòng nhiệt thành, tin tưởng tham gia, một phần khác bởi sự phục tùng, lòng ngờ vực và tham vọng. Vị hiệu trưởng chất phác của một trường, buộc lòng phải phản bội lòng tin tưởng của học sinh, vì đến phút cuối, lệnh từ trên ban xuống phải dỡ trường học sinh mới xây cất. Trong mỗi câu chuyện của Soljenitsyne có che dấu « sự công bình ». Ở đây là một viên thư ký của ủy ban đảng : « khi sự công bình và sự bất công chạm trán nhau -- và sự bất công bao giờ cũng có vầng trán rần hơn -- thì Gratchikov phải gõ lưng xuống đất cho vững và không còn lưu ý đến việc gì xảy ra cho mình nữa. »

Bốn truyện này cho đến nay là tất cả những gì trong tác phẩm của Soljenitsyne được xuất bản tại Nga. Không phải là tác giả đã cạn nguồn cảm hứng,

trái lại. Nhưng từ 1964, hình như lệnh truất quyền đã bao trùm cả tác phẩm của ông. Cuốn KHU UNG THU (1), viết từ 1963 đến 1967, mặc dầu được Ủy ban Chi bộ Mạc-tư-khoa của Hiệp hội nhà văn chuẩn y, nhưng liên tiếp bị ba tạp chí phủ quyết. Cuốn tiểu thuyết VÒNG ĐÀU của ông bị tịch thu. Hai bản kịch, một chuyện phim, một số truyện ngắn chưa in không được phép xuất bản. Ngày 16 tháng 5 năm 1967, tác giả gửi cho Hội nghị lần thứ tư Hiệp hội nhà văn Xô viết một bản kháng cáo thật cao quý, nhưng cho đến nay vẫn chẳng ai nghe. Yêu cầu bãi bỏ tất cả kiểm duyệt, và lấy thí dụ của chính tác giả, Soljenitsyne nhu muốn biện hộ nhân danh toàn thể nền văn học Nga, trong quá khứ, hiện tại và hơn nữa về tương lai, « với tất cả sự thanh thản, tôi có thể nói rằng tôi sẽ hoàn tất nhiệm vụ nhà văn của tôi vào bất cứ trường hợp nào, và ngay cả dưới mỏ, vì lúc đó hành động của tôi sẽ mạnh hơn và không thể chối cãi được như tôi còn sống. Không ai có thể ngăn chặn những con đường đưa tới sự thực, vì tiến bộ của chân lý, tôi sẵn sàng chấp nhận ngay cả cái chết. Nhưng có thể

còn nhiều bài học cuối cùng sẽ dạy cho chúng ta biết không nên ngăn chặn ngòi bút của một nhà văn còn sống.»

Cuốn KHU UNG THU đề cập tới nhiều đề tài đã nói ở trên. Soljenitsyne vẫn trung thành với lối viết trực tiếp. Có lẽ vì nghi ngờ sự dối trá của những hình thức lãng mạn chẳng? Cũng như trong những tác phẩm, trước, Soljenitsyne kể lại một ngày của nhân vật của ông. Nhưng vẫn một ánh sáng dương soi sáng những giấc mơ nhục dục của một Kostoglotov được hoàn sinh một cách bấp bênh và những sự vùng dậy thăm thương của kẻ hấp hối Poddoufev. Như vậy, tránh hình thức tiểu thuyết, Soljenitsyne đi tới chỗ đối chiếu sự dị biệt ớn lao những số phận của con người đến một số phận chung cái chết. Cách chết là điều liên kết và chia xẻ nhiều người nhất. Cuốn KHU UNG THU gọi người ta nhớ tới ngay một tác phẩm Nga nổi tiếng khác cũng dành cho đề tài này, CÁI CHẾT CỦA

(1) Bản dịch Việt Văn của Vũ Minh-Thiều, Lửa Thiêng xuất bản

IVAN ILLITCH của Tolstof. Trong một thoáng, người ta có cảm tưởng là câu chuyện của viên chức Roussanov có thể chấp nối câu chuyện của viên chánh án Ivan Illitch. Nhưng Soljenitsyne không dẫn chúng ta đến cảnh hấp hối, cho đến cái «túi đen» mà Ivan Illitch cảm thấy có một bàn tay xô đẩy chàng vào mà ở quá xa đấy, có một ánh sáng, chính là bản thông điệp của Tolstof. Roussanov không dối trá, mặc dầu sợ hãi. Nhưng cảnh chàng, có một người quê mùa và vô học anh chàng Poddoufev, cho đến lúc này lãnh đạm với tất cả mọi thứ: chàng lại sẵn sàng át cả; đối với chàng, đối trả xuất hiện. Đặt vào tay Poddoufev một trong những truyện ngắn biểu tượng, Tolstof viết cho giới bình dân, khi ông không còn tin tưởng vào giá trị những hình thức lớn lao về tiểu thuyết. Soljenitsyne tỏ lòng kính trọng Tolstof nay đã mất giá trị một phần nào, nhà đại văn hào Tolstof đạo đức, giản dị, bình dân, không phải tác giả của Anna Karénine (1) nhưng là một nhà kỹ thuật khiêm nhường kể lại bài ngụ ngôn luân lý về vị lãnh chúa và

ánh tập sự và giầy. Vị lãnh chúa không trông thấy mình sắp chết, nhưng anh tập sự và giầy trông thấy cái chết của vị lãnh chúa trên lưng vị lãnh chúa. Dân chúng nhìn thấy những cái gì mà những vị chúa để không trông thấy... «Cái gì làm cho người ta sống?» Câu hỏi này mà Soljenitsyne nhắc với người đương thời, không có lời đáp sắp đặt sẵn, nhất là vào giờ chết, mà tất cả mọi người lại tìm thấy ánh cô đơn họ trốn tránh trong tâm đồng. Người ta cảm thấy vì lưckhoan hồng, Soljenitsyne không muốn kết tội bất cứ ai. Zoé, vừa vô liêm sỉ, vừa ngây ngô cũng như Vadim, cố chấp, lại đam mê, Lioudmila Afanasievna, với lòng tận tụy hy sinh vô bờ bến, Vera Kornilievna, mặc dầu lòng xao xuyến và bà già Stéphanie còn giữ những lễ cổ xưa, và ngay cả nhà diễn giả bất hạnh kia mắc bệnh ung thư cổ, tất cả đều có một điểm gì trong sạch cứu vớt họ. Có lẽ vì ở đời họ đã ràng buộc với một điều gì thiết thực: Poddoufev ràng buộc với cuộc đời cao sang và

(1) Bản dịch của Vũ Ngọc Phan — Vũ Minh Thiệu, Gió Bốn Phương xuất bản.

tự do, nòng Assia đáng thương và ham nhục dục. Riêng chỉ có những người chỉ lưu tâm đến bề ngoài bị coi là chết...

Nếu sự đối chiếu người với bệnh ung thư khiến cho Soljenitayne khám phá được một cách kỳ diệu tâm hồn người ta thì giờ phút mà ông lựa chọn để đặt những nhân vật của ông chính là giờ phát sinh ra tình trạng hỗn loạn sâu xa. Quả thế, việc xảy ra vào năm 1955, vào những buổi đầu Staline suy giảm, khi mồm đá lớn bắt đầu có những dấu hiệu sắp sụp đổ. Lúc này ở trong lương tâm một số người bắt đầu có một cuộc tranh luận không bao giờ hết và như gọi cảm hứng cho nhiều tác phẩm khác của Soljenitsyne : làm thế nào tất cả những việc này có thể được ; vì sự đối trá ở trong lòng tất cả, người có quyền nói dối cho lợi ích chung không ? Cuộc tranh luận còn thô sơ và đượm thú tính trong tâm hồn Roussanov, trở thành hiển nhiên và vượt trội hẳn trong phần thứ hai với cuộc đối thoại khác thường giữa Kostoglotov và Chouloubine. Một người bị chôn vùi nhiều năm dài trong những trại giam, người kia luôn luôn làm

tất cả những gì để tránh việc này. Trông hai nước Nga nước Nga nào đau khổ nhiều hơn vì nước Nga thứ hai nhắc nhở nước Nga thứ nhất là nó cũng có phần đau khổ và phần chân lý của nó. Nhưng ngay từ đáy sâu của « động thờ » ghê gớm nảy sinh một niềm hy vọng, hy vọng thay đổi những luật lệ về sinh vật học không lay chuyển được hy vọng thanh lọc « bầu trời hải sự » và cho xuất hiện một con người mới, xã hội và « đạo đức ». Một kẻ phản nghịch của Dostofevski, hình bóng sâu thẳm và bị ngược đãi của con chim đêm canh gác thế Nga Chououbine không sao lãng quên được nữa

Tuy nhiên, nhân vật chính trong KHU ƯNG THƯ hình như đúng là anh chàng Kostoglotov cục cằn và rộng rãi, trở lại đời sống với sự say mê của một người mới khỏi bệnh, ước mơ đi tới cùng thẳm rừng rậm Nga tìm kiếm, như thú vật, thứ cây huyền bí chữa được bệnh cho chàng. Đời sống chính xác, động tác để sống, cảm xúc, trông nhìn, và chạm, có một cường độ hạnh phúc mạnh đến thế nên cái chết hình như chưa đựng ở trong đời sống. Cái cường độ tươi vui này làm cho nhiều trang trong cuốn KHU ƯNG THƯ có một thể văn làm

gây, nhẹ nhàng và vụng về, khiến người đọc xúc động. Soljenitsyne mô tả tất cả mọi người theo sự thực, cục cằn, thô lỗ, đôi khi nhu nhược. Có lúc câu chuyện sát liền với sự tầm thường...g, khi ông muốn chuyện giống hẳn với người đời. Nhưng khi đời sống trở lại, mãnh liệt chẳng còn có gì tầm thường thấp kém. Vì ở nơi nào, không có đối trá thì có nụ cười hiền hậu và rối loạn của anh chàng khổ nạn Sigbatov... Một trong những KHẢO LUẬN VÀ TRUYỆN VẬT của Soljenitsyne kết luận như sau : « Nghĩ đến, thật ghê gớm, nhưng có phải tất cả đời hy sinh của chúng ta, những đời sống khập khiêng, và tất cả những mối bất hòa nổ tung ra, tiếng rên la của những người bị bắn và nước mắt của những người vợ, có phải tất cả những cảnh đó sẽ hoàn toàn bị lãng quên không ? có phải tất cả cảnh đó sẽ tạo ra vẻ đẹp hoàn toàn và vĩnh cửu không ? »

(Theo George Nivat)



Như trong ĐỊA NGỤC của Dante, có nhiều vòng trong địa ngục của chế độ lao tù Xô-viết. VÒNG ĐẦU (1) đối với

Alexandre Soljenitsyne, là những « charachkas », những nhà lao đặt biệt mà chế độ Staline nhốt những tù nhân chính trị — phần lớn là các nhà bác học và kỹ thuật gia. Ở charachka ở Mavrino, ở vùng ngoại ô Mạc-tư-khoa, có một số kỹ sư làm việc để hoàn thành một máy điện thoại nhằm bảo đảm sự bí mật tuyệt đối các đường thông tin. Nhưng những công cuộc khảo cứu này có những phần tiếp bị thảm hơn nhiều : người ta sẽ có thể, từ mấy vắn, thiết lập một sự trung dương âm thanh những đường chỉ ngón tay và như vậy tìm được căn cước của giọng nói. Dưới chế độ độc tài Staline, người ta có thể thấy những ứng dụng này đi đến đâu... VÒNG ĐẦU diễn ra trong bốn ngày, từ 24 đến 28 tháng chạp 1949. Bốn ngày đủ cho Soljenitsyne phác một bức họa vĩ đại về nước Nga dưới ảnh Staline : ông mô tả vừa đời sống của những tù nhân, vừa đời sống của vợ con họ bị áp bức và nhục nhã đủ điều ; ông tả thế giới đen tối của mật thám và tấn thảm kịch của một nhà ngoại giao Nga

(1) Bản dịch Việt văn của Vũ Minh Thiệu, Lửa Thiêng xuất bản.

trẻ bị cơ sở trinh sát nghiền nát. Và đứng cao trên hết thế giới vô vọng này, Staline, mà Soljenitsyne vẽ thành một bức họa có một sức mạnh đặc biệt, Staline làm việc bí mật trong bàn giấy-pháo đài ở điện Cẩm-linh, bóp chặt lại cùm kẹp của sự khùng bố trong khi ông cảm thấy sức mình tàn dần.

VÒNG ĐẦU không những là một cuốn tiểu thuyết cảm động nhưng còn là một lời tố cáo tàn nhẫn, tiếng kêu điên dại của một người từ nhiều năm nay, và có thể mạo hiểm đời sống của mình, không ngừng tranh đấu cho tự do của nhân loại.



Một đoạn văn trong « Vòng đầu » của *Alexandre Soljenitsyne* Giải Nobel văn chương 1970

NHUNG ÔNG LÀ AI ? ( 1 )

Kim đồng hồ bằng kim khí có trở thủng chỉ một giờ kém năm.

Trong ánh sáng tàn của một ngày tháng chạp, mặt đồng hồ treo bằng đồng đỏ trên kệ trông như đen.

Qua những kính cửa những cửa sổ lồng, cao từ sàn đến

trần nhà, người ta có thể trông thấy cảnh nhộn nhịp của đường phố và những người gác cổng đang súc dưới chân những khách bộ hàng những xẻng tuyết màu nâu bẩn, vừa mới rơi, nhưng đã biến thành bùn.

Mắt chăm chăm nhìn cảnh này mà thật ra chàng không trông thấy, viên đệ nhị cố vấn ngoại giao Innokenty Volodine, tì vào kính cửa, khẽ thổi sáo kẻ răng. Chàng lấy đầu ngón tay giở những trang bóng loáng có nhiều hình một tạp chí ngoại quốc. Nhưng chàng không nhìn thấy trong những trang này có gì.

Viên đệ nhị cố vấn ngoại giao Innokenty Volodine, mà ngạch trật trong cơ sở ngoại giao ngang hàng với cấp bậc một trung tá trong quân đội, người cao và mảnh khảnh, ngày hôm đó không mặc đồng phục, nhưng mặc bộ quần áo bằng hàng sơ-vi-ốt. Trông chàng giống một thanh niên vô công rồi nghề hơn là một chánh sự vụ ở bộ ngoại giao.

Đã đến lúc, hoặc bật đèn ở

(1) Rút trong bản dịch Việt văn của Vũ Minh Thiều : Vòng đầu, Lửa Thiêng xuất bản.

bàn giấy, việc chàng không làm, hoặc về nhà, điều chàng cũng không muốn làm nốt.

Năm giờ, như thế không có nghĩa là hết cả ngày làm việc, nhưng mới chỉ hết phần ban ngày, không quan trọng mấy; người nào người nấy bây giờ về nhà để ăn và ngủ một ít, rồi, từ mười giờ trở đi, hàng mấy ngàn cửa sổ trong sáu mươi lăm tòa nhà của các bộ ở Mạc-tu-khoa lại bật đèn sáng. Chỉ có một

người, có hàng tá tường thành bảo vệ, không tìm được giấc ngủ ban đêm và ông đã huấn luyện tất cả những viên chức ở Mạc-tu-khoa cùng thức với ông cho đến ba bốn giờ sáng. Vốn biết thói quen thức đêm của vị Chúa tể, khoảng ba mươi vị bộ trưởng chờ đợi như những cậu học trò trong trường hợp được triệu. Để khỏi thiếp ngủ, họ gọi các vị phụ tá đến và đến lượt mình, các vị phụ tá quấy rầy các vị chánh phân bộ; các nhân viên giữ hồ sơ treo lên trên những cây thang, cúi ngả xuống các tấm phiếu, những chú loong toong chạy trong các hành lang, những viên thư ký đánh gậy bút chì.

Và ngay cả ngày hôm nay, trước

lễ Giáng Sinh Tây phương, trong khi đã hai ngày nay tất cả các tòa đại sứ đều yên tĩnh, bất động, điện thoại câm lặng, và và có lẽ ngay lúc này ngồi trước những cây Giáng sinh, người ta còn sắp sửa làm việc ban đêm ở Bộ. Những người này đánh cờ, những người khác kể chuyện, những người khác nữa ngủ gật trên những chiếc đi-văng — nhưng tuy vậy, họ vẫn làm việc.

Những ngón tay gân guốc của của Volodine giờ mau tờ tạp chí. Và trong lòng chàng, những ngọn lửa hãi sợ bùng cháy lên chốc lát, và người dịu và tàn lui.

Từ tuổi thơ ấu, kỷ niệm về bác sĩ Dobrooumor, Innokenty vẫn giữ thật bền lâu trong lòng! Vào thời đó, ông không phải là một nhân vật có địa vị khở quan. Người ta không cử ông đi ngoại quốc với các phái đoàn. Ông không được coi như một nhà bác học, nhưng giản dị chỉ là một y sĩ và lặng lẽ ông đi thăm bệnh. Bà Innokenty thường hay đau yếu và bao giờ bà cũng cố đợi ông chữa cho hơn là bà bác sĩ khác. Bà tin cậy ông. Ông vừa vào cửa và trật

chiếc mũ cát - kết bằng da hải  
cẩu thì cả nhà đã tràn ngập  
yên tĩnh, vững tin. Chưa bao  
giờ ông ở lại kín nửa giờ ở  
đầu giường bệnh nhân. Ông thử  
tự hỏi bà về tất cả bệnh tật,  
rồi ông chẩn bệnh và biên toa  
thuốc. Sau đấy chưa bao giờ,  
gậy chú bé mà ông không hỏi  
một câu và ông ngừng lại để  
nghe trả lời, như ông trang trọng  
chờ đợi một lời nói khôn ngoan  
nào đó, vị bác sĩ lúc  
đã hoa râu. Bây giờ ông  
thế nào ?

Innokenty ném xuống đất tờ  
tạp chí, đầu óc căng thẳng và  
bần khoản, chàng đi đi lại lại  
trong phòng.

Chàng có nên gọi điện thoại  
hay không ;

Nếu phải là một giáo sư y  
học khác, chàng không quen  
biết, Innokenty không bao giờ  
dám nghĩ đến việc báo tin  
trước. Nhưng lại là  
Dobrooumov !

Có thể có một phương tiện nào  
nhận ra căn cước một người  
đừng điện thoại công cộng  
không ? Nếu người ta không để  
mất thời giờ, nếu người ta móc  
máy lại và mau lẹ đi ngay, có

thế nào biết được giọng bạn ở  
giấy nói không ? Chắc chắn  
không có kỹ thuật nào khám  
phá được việc này.

Chàng đến gần bàn giấy.  
Trong ánh hoàng hôn, chàng  
nhận thấy, không cần đọc, tờ  
thứ nhất sự vụ lệnh bỏ dụng  
chàng đến một nơi mới. Chàng  
phải đi trước năm mới, thứ tư  
hay thứ năm.

Hợp lý hơn là chờ đợi. Chờ  
đợi là phải hơn.

Trời ơi ! Chàng rừng rậm,  
không quen chịu đựng những  
thứ thách. Hơn hết là không  
bao giờ nghe thấy nói những  
việc này. Nếu chàng chẳng biết  
gì...

Chàng cảm sự vụ lệnh và  
những giấy tờ khác đặt trên  
bàn mang đến tủ s. t.

Về việc này, tại sao lại phải  
phản đối điều bà sĩ Dobroou-  
mov đã hứa hẹn ? Đó là lòng  
hào hiệp của một người có tài.  
Tài năng bao giờ cũng phong  
phú và có cần gì phải chia sẻ.

Nhưng Innokenty cảm thấy  
mỗi lúc mỗi khó chịu. Chàng  
tựa vào tủ sắt, đứng đấy, đầu  
cúi xuống mắt nhắm lại.

Và hồng như chàng để rơi mất  
vận may cuối cùng, không cần  
gọi giấy nói để xe ở nhà đánh  
đến, không đóng lọ mực, Inno-  
kenty ở bàn giấy ra và đóng  
cửa lại, trao chìa khoá cho người  
tùy phái ở đầu hành lang, gặp  
ở trên đường đi ra những dân  
thường trực của toà nhà này  
trong hệ đồng phục, rồi vẫn đi  
mau lẹ; ra ngoài cả nh hoàng  
hôn.

Đi vội vã làm chàng dễ chịu.  
Đôi giày của chàng kiểu Pháp  
đam sâu xuống bùn bần đang  
tan.

Qua trước đài kỷ niệm Voro-  
vsky trong sân đóng nửa chừng  
của Bộ, Innokenty ngừng mắt  
lên và run. Chàng thấy có một  
ý nghĩa khác về toà nhà mới  
Bolchaya Loubianka, ở phía bờ  
bên kia đại lộ Fourkasovski và  
chàng sờn tóc gáy. Chíp tầng  
lầu màu xám đen mờ, chàng thấy  
giống như vỏ một thiết giáp  
hạm và mười tám cột trụ vương  
ở bên phải tàu giống như mười  
tám chòi nhỏ. Yếu ớt và lẻ loi,  
Innokenty cảm thấy bị hút về cái  
khối kia và chàng đi ngang qua  
công trường nhỏ, dưới đuôi  
chiếc tàu lớn.

Như lần trốn chàng quẹo về

phải, theo đường Kouznetsky  
Most. Ở đấy, một xe tắc-xi đậu  
ở bờ hè sắp nổ máy. Innokenty  
trèo lên, bảo người tài xế theo  
con đường Kouznetsky Most và  
quay về trái, dưới những ngọn  
đèn lồng toả một ánh sáng yếu  
ớt lên công trường Petrovka.

Chàng còn ngập ngừng, tự  
hỏi nếu có thể gọi giấy nói ở  
ngoài mà không có người nào,  
trong phòng điện thoại đập nhẹ  
đồng tiền vào kính cửa để giục  
chàng không ! Nhưng tìm một  
phòng vắng vẻ, người ta càng  
dễ nhận thấy. Có nên tìm một  
phòng nào ở giữa chốn náo  
nhiệt, chỉ lưu ý là phòng điện  
thoại đảo sâu trong trường  
chăng ? Chàng lại nhủ thầm  
thật là xuẩn ngốc đi lang thang  
với một anh tài xế tắc-xi có thể  
làm nhân chứng. Chàng tìm  
trong túi một đồng mười lăm  
kô-péc.

Nhưng không phải điều đó  
đáng kể. Trong những phút vừa  
trôi qua, Innokenty cảm thấy  
bình tĩnh trở lại : chàng nhận  
thấy rõ ràng không có sự lựa  
chọn nào khác nữa. Có thể sẽ  
nguy hiểm, nhưng nếu chàng  
không làm...

Nếu người ta luôn luôn thận



trọng, người ta có thể là con người được không?

Đến đèn đỏ Okhotny Ryad, những ngón tay chàng tìm thấy hai đồng mười lăm kô-péc. Một đồng lạnh :

Khách bộ hành đi qua toà nhà của trường đại học và Innokenty ra hiệu cho người lái xế quẹo bên phải. Xe chạy mau đến Arbat và đến đây, Innokenty cho hai đồng không đòi lại tiền lẻ và đi qua công trường có giữ bước đi chậm chạp và đều đặn.

Arbat đã sáng trưng. Trước rạp chiếu bóng, một dãy dài khán giả chờ xem « Mỗi tinh của một vũ nữ nua ngực ». Chữ « M » đỏ của trạm xe điện ngấm hầu như bị làn sương xanh nhạt nhạt che khuất. Một người đàn có vẻ ca nhi bán những bó mi-mô-sa.

Cần phải làm càng nhanh nếu có thể thực hiện ! Chuyển tin hết sức khẩn trương, nếu có thể được... Và móc máy lại ngay. Như vậy sự nguy hiểm sẽ giảm đến mức tối thiểu.

Innokenty tiếp tục đi. Một thiếu nữ lúc đi qua liếc nhìn chàng.

Và một thiếu nữ khác nữa.

Một trong những phòng điện thoại bằng gỗ ở phía ngoài bỏ trống, nhưng Innokenty lúc đi qua ngừng lại và đi vào trong.

Ở đây còn bốn ca-bin nữa, đào sâu vào tường, tất cả đều có người. Nhưng về phía bên trái, một người ngà ngà say đang móc máy lại Innokenty hấp tấp đi vào, cẩn thận kéo cánh cửa kính dày và đóng lại, tay vẫn giữ quả nệm, trong khi tay kia, run lẩy bẩy, không kịp tháo bao tay, chàng nhét đồng tiền vào máy và quay số.

Sau nhiều tiếng chuông reo, có người cầm máy ở đầu giây kia. « Phải ? giọng nói một người đàn bà bạn bệu hay giận dữ.

— Có phải đúng nhà giáo sư Dobrooumov không ? chàng hỏi, cố thay đổi giọng.

— Phải.

— Xin bà mời ông ra máy được không ?

— Ai hỏi thế ? giọng người đàn bà nặng chịch chịch và biếng nhác. Có lẽ bà ta nằm trên đi-văng và không vội vã.

« Ồ ? thế nào .. bà không biết tôi sao... và cái đó thật ra cũng không quan trọng. Nhưng tôi vội lắm. Xin mời giáo sư ra máy cho. »

Nhiều lời vô ích quá; và tất cả vì lẽ phép một cách ngu xuẩn ?

Người đàn nói, giọng bất bình ?

« Giáo sư không thể ra nói chuyện với những người lạ gọi giây nói được. »

Nghe giọng nói, chàng tưởng người kia có thể đặt máy xuống ngay.

Ở phía bên kia tấm kính dày người đi đông đặc, vội vàng trước dãy ca-bin. Đã có người đứng chờ phòng Innokenty đang nói.

« Ông là ai ? Tại sao ông không thể cho tôi biết tên được ?

— Tôi muốn đưa tin lành cho bà ! Tôi có một tin quan trọng nói với giáo sư !

— Được, vậy thế nào ? Tại sao ông sợ cho tôi biết tên ? »

Chàng đã muốn móc máy lại. Người ta chẳng nên lấy một

người vợ xuẩn ngốc thế.

« Và bà là ai ? Vợ ông giáo sư sao ?

— Tại sao ông muốn tôi trả lời ông trước ? Giọng nói phản đối. Chính ông phải nói với tôi tên ông. »

Đến đây cần phải chấm dứt câu chuyện ! Nay không phải chỉ riêng ông giáo sư nữa... Bực tức không cần thay đổi giọng nữa hay nói từ tốn Innokenty bắt đầu van xin :

« Xin nghe tôi ! Nghe tôi ! Tôi cần báo cho giáo sư biết một tai họa !

— Tai họa à ? « Giọng nó người đàn bà ít sáng hơn. Bà nhượng bộ. Nhưng không phải là bà đi tìm chồng ; không có chuyện này. « Một lý do nữa để tôi không mời ông giáo sư. Có

**DECAPAN**

THUỐC THOA.CHUYÊN  
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI  
DA.

là tất cả những điều này là sai lầm. Làm thế nào ông chứng tỏ được cho tôi là ông nói thật ? »

Đất bỏng cháy dưới chân Innocenty và chiếc máy nói đen với chiếc giây xích thép nặng run run trong bàn tay chàng.

« Xin nghe tôi ! Nghe tôi ! Chàng gào lên, vẻ thất vọng. Khi giáo sư công xuất sang Balle, ông có hứa tặng các đồng nghiệp Pháp của ông một thứ gì ! Một loại thuốc. Và người ta

coi là ông đã trao cho họ một vài ngày sau. Cho những người ngoại quốc ! Bà hiểu không ? Đáng lẽ ông không nên làm việc này ! Ông không được cho người ngoại quốc bất cứ thứ gì ! Có thể đây là một sự khiên. »

Nhưng có tiếng hăm máy ở ống nghe, rồi hoàn toàn im lặng không nghe thấy tiếng à à thường lệ.

Có ai đã cắt ngang.

□□□



● Qui vole un oeuf vole un boeuf.

*Kẻ ăn cắp trứng sẽ ăn cắp con bò,*

TỤC NGŨ PHÁP

● Il faut savoir hurler avec les loups.

*Sống với chó sói, phải biết tru.*

TỤC NGŨ PHÁP

# TAM NGU TỄ PHỤ VẤN

Nguyên tác bằng chữ Hán của Cụ  
Nghê Đình-nhật-Thận

□□□ NGUYỄN-QUANG-TÔ

Sao lục. Phiên âm, Dịch nghĩa và chú thích

## Tiểu dẫn

**Đ**ÌNH - NHẬT - THẬN  
(1814-1896) người làng Thanh-  
Liên, huyện Thanh - Chương,  
tỉnh Nghệ - an (Trung - Việt)

Là một nhân vật rất xứng  
đáng của đất Hồng Lam, tư  
chất thông minh, tinh tinh  
cương trực, học nổi tiếng hay  
chữ từ thuở nhỏ. Đậu tiến - sĩ  
khoa Mậu-tuất (1838).

Cũng là một nhân vật ưu  
thời mãn thế như Cao-Bá-Quát,  
cho nên họ Cao và họ Đinh là  
đôi bạn chí thân. Khi họ Cao  
khởi sự chống phong kiến thì  
họ Đinh cũng bị vạ lây.

Lại nhân một câu chuyện,  
ông viết một bức thư mời một  
người bạn tới đánh tổ tôm,  
đồng thời bảo bạn cầm luôn  
cả cộ bài (120 con). Nội dung  
bức thư vậy :

« Tứ tướng dĩ cụ, chỉ khiếm  
nhất viên, nghi tương bách  
nhị tinh binh đồng lai hội  
chiến » Nghĩa là : ở bên này  
« chơi tổ tôm đã có 4 người rồi,  
mời bạn sang chơi, nhớ cầm  
theo cộ bài đủ 120 quân với.

Đó là yếu tố phạm pháp về  
cái tội tử hình « phản loạn » của  
ông. Nhưng nhờ ông vua Thợ  
Tự-Đức mến văn tài, nên ông  
được ân giảm. Tuy vậy, ông

vẫn bị câu lưu tại Huế, chứ không cho về bản quán.

Thời gian ông bị lưu trú tại Huế có làm bài «Thu dạ lữ hoài ngâm» bằng chữ Hán và tự dịch ra quốc âm theo thể song thất lục bát. Là một tác phẩm xưa nay không ai không phải chịu là hay.

Văn chương Đinh - nhật-Thận Tiên-sinh, hoàn toàn xuất sáo từ nội dung cũng như hình thức. Nghĩa là không chịu gò bó rập theo một công thức, ước lệ của một văn thể nào của Trung-Hoà thời bấy giờ. Ví dụ bà «THU ĐẠ LỮ HOÀI NGÂM» có lẽ ông là người đầu tiên mà cũng là người sau hết, đã dùng chữ Hán vào một Văn thể thuần túy Việt-Nam, thể «Song thất lục bát» :

Thu dạ tỉnh thiên quan ần  
ước  
Cách sơ liêm đạm chức  
kim bôi  
Thiên thời nhân sự tương  
thối  
Phù sinh nhược mộng kỷ  
hồi vi hoan

Và chính ông tự dịch ra quốc âm :

Đêm thu lặng, bóng trời  
nhấp nhàoang  
Cách rèm thưa, rót chén  
gượng ngồi  
Thiên thời nhân sự tương  
thối  
Kiếp chiêm bao dễ mấy  
hồi người t .

Thi văn của ông rất nhiều, nhưng bài nào cũng có một đặc sắc phá rào, xuất sáo như thế. Bài «TAM NGU TẾ PHỤ VĂN» mà chúng tôi sưu dịch sau đây là một bằng chứng cụ thể :

Văn tức là người cách ngôn Tây phương

Cái chồ hay hoặc giờ của Thi, Văn là có nói lên cái gì có tác dụng hay không !

LỖ-TẢN

Nói rồi có làm được mới nói ; làm rồi có nói được mới là.

LỤC-TUƠNG-SƠN

三虞祭父文  
丁日慎  
今夕何夕，三虞之日，俯卓子以甚呼望者，盆而  
叩，父兮何日返？參神而降神，降又參，又參，一  
束茅一束，今人所為，父兮何日歸？詣灵座若  
灵座前不見者，音容詣神主，神主見，新鞞板  
父兮何日返？初獻，亞獻，又終獻，初，初，亞，酒，三  
旬，兮，杯，猶，滿，父兮何日返。舉哀而哀止，哀止而哀心  
未止，淋，酒，淚，洒，双，行，奠，祝，向，杯，殘，杯，殘，而，啜，猶，未  
殘，立，鼓，三，鑼，腸，九，斷，父兮何日返？父兮何日返？

阮光蘇抄錄

**TAM NGƯ TẾ PHU VÂN**  
(Nguyên tác bằng chữ Hán)

Kim lịch hà tịch ?

Tam-ngu chi đán,

Phủ trác tử dị trường hu ;

Võnghuong bồn nhị vĩnh

thán

Phụ hề hà nhật hản ?

Tham thần nhị giáng thần

Giáng giáng tham mao nhất

thúc ;

Mao nhất thúc hề nhân sở

vi

Phụ hề hà nhật quy ?

Nghệ linh tọa tiền ;

Linh tọa bất kiến cụ âm

dung

Nghệ thần chủ biên.

Thần chủ chỉ kiến tân tiên

bạn.

Phụ hề hà nhật phản

Sơ hiển, á hiển, hựu chung

hiển.

Sơ sơ á á tửu tam tuần

Tửu tam tuần hề bôi do mạn

Phụ hề hà nhật phản ?

Cử ai nhi ai chỉ.

Ai chỉ nhi ai tâm do vị chỉ

Lâm Ly nguyệt lệ sai song

hàng.

Phần chúc nhi bôi tàn.

Bôi tài nhi y hi do vị tàn.

Ngũ cổ tam la trường cửu

đoạn

Phụ hề hà nhật quy ?

Phụ hề hà nhật phản ?

**Bài dịch theo nghĩa xuôi**

Hôm nay là ngày gì ?

Là ngày lễ Tam-ngu của cha!

Cơ gục đầu trước trác tử

mà tỏ than.

Con trông lên lư hương má

rén ỉ.

Cha ơi ! hôm nào cha trở về

với con ?

Con làm theo nghi tiết «tham

thần» rồi «giáng hản».

Hết giáng-giáng tôi tham

tham.

Vẫn chỉ thấy một bó cỏ

săng

Bóng dáng cha đâu còn

thấy nữa

Cha ơi ! hôm nào cha trở

về với con ?

Con nghe xướng «nghệ linh

tọa tiền»

Nhưng khi tới trước linh

tọa, nào thấy âm dung cha

đâu ?

Lại nghe xướng nghệ thần

chủ biên

Nhưng khi con tới bên thần

chủ

Chỉ thấy một mảnh gỗ mới

trình thơm

Không thấy bóng dáng cha

đâu cả

Cha ơi hôm nào cha lại về

với con ?

Là lễ sơ hiển, á hiển rồi

chung hiển

Dáng rìu đủ mà tuần mà

trông chén vẫn cứ đầy

Cha ơi ; hôm nào cha trở

về với con ?

Nghe tiếng cử ai thì con

khóc

Nghe xướng ai chỉ thì con

nín

Miệng nín khóc nhưng lòng

còn thồn thừ

Hai hàng nước mắt chảy

trào ra ;

Nghe xướng lễ tất, lễ tuy

tất...

Mà còn như nghẹn ngào ở

cửa họng

Năm tiếng trống ba tiếng

la đề chấm dứt buổi lễ

Là những con dao cắt đứt

ruột con ;

Cha ơi ; hôm nào cha trở

lại nhà ?

Hôm nào cha trở về với

con ?

**BÀI DỊCH THẾ VÂN**

**VĂN LỤC BÁT**

**VĂN TẾ CHA NGÀY LỄ**

**TAM NGƯ (1)**

Ngày nay ; con nhớ ngày

nay ;

Tam-ngu, Kính cần lễ bày

khóc cha

Gục đầu trước án, lệ nhòa,

Trông lên hương khói xót

xa nổi lòng

Cha ơi ; mòn mỏi con trông

Bao giờ cha lại về cùng với

con



Lê Đông Tham, Giáng (2)

đã tròn,

Giáng, Tham một bó cỏ còn

nằm tro ;

Vô tri một bó hứng hồ

Ngày nào trở lại ? Bao

giờ ? Cha ơi ;

Hương lên linh tọa (3) tới

nơi :

Âm dương xưa cũ, Cha ơi ;

thấy gì

Hương lên thần chủ (4)

đừng kè :

Gỗ tươi một mảnh ; thấy gì

mà mong ;

Cha ơi ; mồn mồn con trông ;

Bao giờ cha lại về cùng với

con ?

Lễ dâng sớ, á chung tròn

(5)

Ba tuần dâng rượu, rượu

còn đầy chung ;

Cha ơi ; mồn mồn con trông ;

Bao giờ cha lại về cùng với

con ?

Cử ai, ai chỉ lễ tròn (6)

Lễ vàng ai chỉ lòng còn ai

tâm ;

Đau thương nức tiếng khôn

cầm

Lâm ly huyết lệ âm thầm

tuôn rơi ;

Rượu tàn, vãn đót(7) : lễ rồi,

Lễ xong hiểu tử ngậm ngùi

thương đau.

Ba hồi la trống đục mau.

Lóng con chín khúc ruột rầu

nất lan !

Bao giờ về lại cùng con ?

Cha ơi ! về lại cùng con, bao

giờ ?

(1) Tam ngu tức là chôn cất rồi mở cửa mà sau đó ba ngày. Theo lễ ý : cốt để cho linh hồn người quá cố được yên ổn (Ngu dị điện chi).

(2) Tham-thần và giáng - thần hai nghi thức trong một buổi hành lễ. Theo đó người chủ lễ đồ rượu nghệ trên một bó cỏ sừng cốt để cầu hồn người chết từ cõi âm về.

(3) Linh - Tọa : Đồ tế lễ, thường làm bằng gỗ sơn đỏ, tượng trưng cho vong hồn người quá cố ngồi trên bàn thờ.

(4) Thần chủ : cũng làm bằng gỗ để đề vị hiệu người đã khuất vào đó.

(5) Sớ hiến, Á hiến, Chung hiến : tên ba tuần rượu trong một buổi lễ.

(6) Cử ai, ai chỉ : Hiệu lệnh của người xướng lễ cho người chủ lễ và con cháu toàn gia người quá cố. Cử ai là báo mọi

người khóc. Ai chỉ báo mọi người thôi khóc(để nghe đọc xướng lễ xướng luôn «Lễ tất văn tế»).

(7) Phần chúc : Là đốt văn tế, sau khi hoàn tất buổi lễ(Sau

\*\*\*



### ● Le mieux est l'ennemi du bien.

Ý nghĩa : muốn làm hơn, lắm khi mất cả những gì tốt mà mình đang có.

TỤC NGŨ PHÁP

### ● A friend in need is a friend indeed.

Một người bạn trong lúc khốn đốn là một người bạn thiết sự.

TỤC NGŨ ANH

### ● Fine feathers make fine birds.

Lồng tốt làm ra chim đẹp.

TỤC NGŨ ANH

# S.O.S !

Miền Trung bão lụt !

Miền trung bão lụt !

Nước dâng cao vút

Già, trẻ, gái, trai. khóc sùi-sụt

Nước cuốn trâu, bò, heo, gà

Gió mạnh đong-đưa tốc mái nhà

Đầm đìa tiếng trẻ kêu la

Đói cơm, rét áo, mất nhà nương thân

Hỡi đồng bào xa gần !

Hỡi những người quốc ngoại !

Hỡi thi sĩ văn nhân !

Hỡi những người làm việc tay chân !

Thương thân

Côi-cút

Bão lụt

Đỡ-đần

Kẻ gởi vật cảm no dạ

Người giúp áo củ che thân

Thâm ân

Đa tạ

VÕ-THANH-SƠN

# HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của  
Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho.

\* NGUYỄN-VỸ

XV.— Hồ-Xuân-Hương, nhà Thơ  
Việt nam đầu tiên thần túy của  
tiếng Việt

(tiếp theo)

**H**Ồ-Xuân-Hương đã cố  
ý vận-dụng tận-cùng, triệt-đề,  
và rất thấu-đáo, tất cả những  
bí-quyết bất ngờ của tiếng Việt  
mà cô đã khai-thác lần đầu tiên  
trong Văn-Thơ.

Như cách nói lái, không  
những cô đã moi ra chữ đã có  
sẵn nghĩa : lộn-lèo, da-đeo,

đeo đá, đem lại đeo, đứng  
treo, v.v... Cô còn cố dụng  
ý đặt ra những chữ nói lái  
hoàn toàn vô-nghĩa, để cho nó  
thành ra có nghĩa! Thí dụ như:  
đét đồn lên đánh cuộc cờ  
người (trong bài Đánh cờ).  
Đét đồn, nói lái là đốt đèn.

Tại sao cô không nói hẳn là

**đổi đèn**, mà lại nói lái chỉ vậy? vì có chữ **lên** đi sau : **đét đôn lên...** đề gợi ra ý nghĩa trào-phúng của câu nói lái : «*đênk l...*»

Có thể nói rằng đôi khi tiếng Việt không có đủ chữ để cô sử-dụng trong thơ của cô, Hồ-Xuân Hương đã phải-phát-mình ra chữ mới, đặt ra một chữ lạ không ai biết nhưng ai cũng hiểu cả :

- Thân này đầu đã chịu già **tom.**
- Cửa son đỏ loét **tùm-hum** **nóc.**
- Nào ai có biết nổi **bung-** **bồng.**
- Một đố dương ra biết mấy **ngoàm**
- **Lườn** đá, cỏ leo, rờ rậm **rập**
- Bày đặt kia ai khéo-khéo **phòm**
- Nứt ra một lỗ **hòm-hòm-** **hom**
- Người quen cõi Phật chen **chân xọc.**
- Rõ khéo trời già đến **đở-** **dom.**

- Kẽ hằm rêu mốc tro **toen-** **hoئن**
- Ai về nhân bảo phường **lòi tói,**
- **Bá ngọ ( 1 )** con ong bé **cái làm.**

Đặc-biệt chữ « **Chừa** », luôn luôn Hồ-Xuân-Hương dùng nghĩa đôi :

- Cái nghĩa trăm năm chàng **nhớ Chừa ?**
- **Chàng** bảo chịu, thiếp rằng **Chừa** chịu,
- Một **lạch** đào-nguyên **sưởi Chừa** thông.

Với tư-tưởng rất khoáng-đạt đơn-độc ở thời-đại của cô, một thi-tử cực kỳ phóng-túng đôi-dào Hồ - Xuân - Hương đã đạo ra những hình ảnh tuyệt đẹp, rất xác-đáng, và rất độc đáo :

- Thiếp đang mắc nước **xe** **lồng,**
- Nước** pháo đã nổ **dùng** **ra chiếu !**
- Thua thì thua, quyết **niú** **lấy con**
- **Trơ** cái **hồng** **nhan**

với nước non...

- **Dám** tạc **chân** **mây,** **đá** **mấy** **hòn.**
- **Đôi** **gò** **bồng - đảo** **sương** **còn** **ngậm,** **một** **lạch** **đào-nguyên** **sưởi** **chừa** **thông**
- **Ba** **hồi** **chiêu** **mộ,** **chuông** **gầm** **sóng,**
- Một** **vũng** **tang-thương.** **nước** **lộn** **trời.**

(Đây là hai câu thơ đẹp nhất trong thơ tả cảnh Việt-Nam. Một vũng tang-thương còn hoài-niệm những cuộc chiến-tranh nơi Hồ-Tây từ thời Trung-Trắc đánh Mã-viễn cho đến các cuộc chinh biển trải qua các Triều Đại, ở

Thăng Long thành)

- **Một** **trái** **trăng** **thu** **chín** **mồm** **mồm,** **Nữ** **vùng** **quế** **đỏ,** **đỏ** **lòm-lòm...**

Một trái trăng thu, dịch ra Pháp-văn : Un fruit de Lune d'Automne, thì thơ Tây cũng không có, thơ Anh, thơ Đức, thơ La-Mã, thơ Thịnh Đường, cũng không có ! ) Tả Trăng Rằm Trung Thu lúc mới mọc lên)

- **Sóng** **lớp** **phế** **hưng** **coi** **văn** **rộn**
- Chuông** **hồi** **kim** **cổ** **lắng** **càng** **mau.**

(Còn nữa)



- **The proof of the Pudding is in the eating.**

*Giá trị của chiếc bánh tời trong khi ăn.*

TỤC NGŨ ANH

*Xi-rô*

# NICOB6

**BÊ BÊ**

CÓ SINH-TÔ B6 + SINH-TÔ PP

*trị*  
**em nhỏ:**

**ỢC SỮA  
ĐEN  
LỖ LỜI NGOÀI DA  
SUY NHƯỢC,**

**BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
VIỆN BẢO-CHÈ NGỌC-DIỆP CHOLON**



281M BYT 1-7-69

PHONG-PIU

# XI-RÔ

# TONIVITAL

*của trẻ em*

Gồm có các  
sinh-tô:

- A - C
- D - PP
- B1 - B2
- B12
- B6
- LYSINE



*Bồi-dưỡng cơ-thể  
Giúp trẻ em chóng lớn*

*trị:* **BIẾNG ĂN - GÂY CƠM  
SUNG LƯỠI - SUNG RUỘT**

Viện Bảo-Chè  
NGỌC-DIỆP  
CHOLON

**BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY.**

58M/111/70-4



trị: **IA CHẢY. NHIỄM ĐỘC**  
**Ở RUỘT**  
**KIẾT-LÝ CÓ ĐÀM MÁU**  
 Dùng thuốc

**TANGELAMIDE**

Thuốc viên cho người lớn  
 Thuốc bột cho trẻ em.

HỢP VỚI  
 người lớn  
 trẻ em

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
 20bc/BYT/17-8-67



**NƯỚC NGỌT** **CƠN CỌP**



**Ở mọi nơi,  
 Thôn quê,  
 Thành thị.**

*Nước ngọt Con Cọp  
 ở đâu,  
 Đây là Khỏe Mạnh,  
 Sống lâu, Yên Vui.*

(Brasseries et Glacières  
 de l'Indochine)  
 6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél. 20.311

## Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ✧ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ✧ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên  
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

**Gần đến kinh kỳ,** Bản thân đã dượt hay là đang bản  
kinh mà đau bụng, uống **Lôi Công Hoàn « Ông Tiên »**. Các tiệm  
thuốc Bắc có bán lẻ. **Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm Cholon.**  
K.N.BYT. số 9-5-63

**Phong ngứa** Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới  
đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống **Giải  
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** Trên 30 năm danh  
liếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

**Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon**  
(K.N, BY. số 3-9-5-63)

Giấy phép số 292 CDV/T/IND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại nhà in riêng của PHỒ-THÔNG

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ

Công sở : gấp đôi